

NĂM THỨ 7 - NGÀY 1-12-63

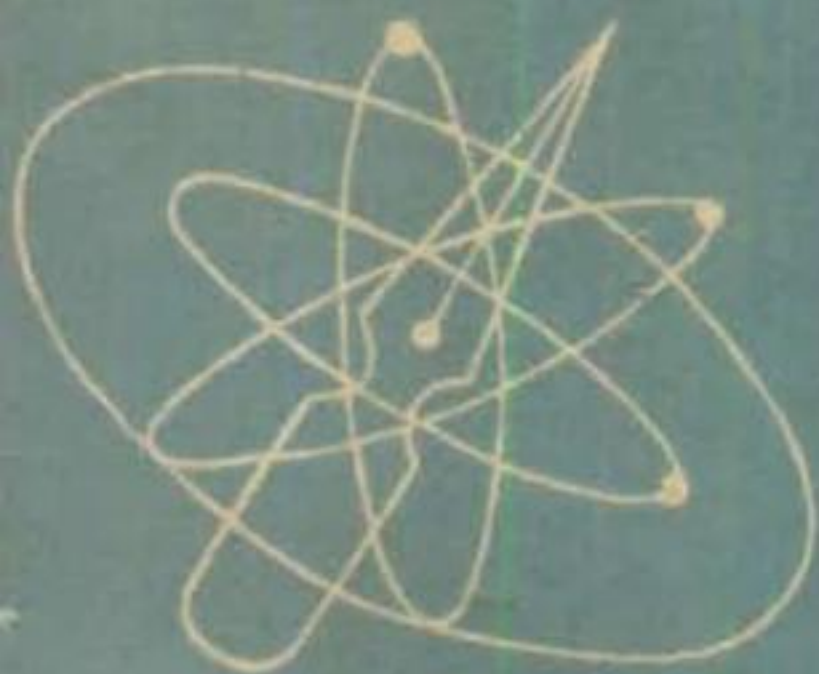
BACH KHOA

trong số này

VIỆT ANH các chế độ chính trị trên thế giới ngày nay • PHẠM-TRỌNG-NHÂN nhân viên ngoại giao tại các nước • VÕ-QUANG-YẾN tiến triển trong khoa mổ xẻ • NGUYỄN PHƯƠNG sưu tầm sử liệu • NGUYỄN-HỮU-DUNG nguồn gốc danh từ hồ giấy • NGUYỄN-MẠNH-CÔN — HOÀNG VŨ một vài nhận định về tâm lý học, phân tâm học và văn học • LŨ QUỲNH những bản tay • HOÀNG LỘC cho bây giờ và mai sau • HÃ-LI-HẢI hồi kết cuộc • TRẦN-THI-NHÃ-CA người tình ngoài mặt trận • LÊ-VĂN-SIÊU thắng hai Chết • LÊ-TẮT-ĐIỀU ngày xấu • LÊ-VĂN-HẢO — LÊ DINH trả lời cuộc phỏng vấn về âm nhạc.

NHÂN SĨ và HỘI ĐỒNG
NHÂN SĨ (Phỏng vấn).

166



Ngài có biết chăng ?

TRONG QUẢ CAM CŨNG NHƯ QUẢ CHANH, QUẢ QUÍT HAY QUẢ BƯỞI, LỚP VỎ NGOÀI KHÔNG BAO GIỜ ĐỤNG ĐÈN LỚP THỊT CỦA CÁC MŨI BÊN TRONG. LỚP VỎ VÀ LỚP THỊT CỦA CÁC MŨI ĐƯỢC PHÂN CÁCH RIÊNG BIỆT BỞI MỘT LỚP DA TRẮNG CÓ TÁC DỤNG GÌN GIỮ VỊ THƠM CỦA LỚP VỎ KHÔNG ĐỂ CHẮT CHUA CỦA LỚP THỊT LAN VÀO.

NHỜ LỚP DA TRẮNG NÀY MÀ VỎ CŨNG NHƯ THỊT ĐỀU TƯƠI TỐT MÃI, KHÔNG SỢ HƯ THÚI.

VERIGOUD CŨNG SẮP XẼP MỘT CÁCH TRẬT TỰ NHƯ TẠO HÓA ĐÃ LÀM, NÊN CHẮT THƠM CỦA LỚP VỎ BÊN NGOÀI ĐƯỢC PHA CHUNG VỚI NƯỚC ĐƯỜNG VÀ CHUA RIÊNG BIỆT (BÊN DƯỚI CHAI) TRONG KHI CHẮT CHUA (PHẦN TRÊN) ĐƯỢC NGĂN CÁCH BỞI MỘT CHIẾC NÚT KHÔNG THÂM NƯỚC, LÀM THÈ ĐỂ TRÁNH MỌI SỰ HƯ THÚI.

ĐÓ LÀ BÍ QUYẾT VỀ PHÂM CHẮT CỦA NƯỚC TRÁI CÂY NGUYÊN CHẮT VERIGOUD MÀ KHI DÙNG NỔ, NGÀI CÓ THÈ PHA MỘT LY NƯỚC CHANH HOẶC NƯỚC CAM NGON LẠNH NHƯ ĐÃ PHA BẰNG TRÁI CÂY VỪA MỚI HÁI.

VERIGOUD có đặt bán tại các hiệu buôn đúng dân với giá mỗi chai chỉ có 73 s

BÁCH

KHOA trong số này

Số 166 ngày 1-12-63

VIỆT ANH	vấn đề phân loại các chế độ chính trị trên thế giới ngày nay	3
PHẠM-TRỌNG-NHÂN	đào tạo huấn luyện và bổ nhiệm nhân viên ngoại giao tại các nước	13
VÕ-QUANG-YẾN	tiến triển trong khoa mổ xẻ	19
NGUYỄN PHƯƠNG	sưu tầm sử liệu	23
NGUYỄN-HỮU-DUNG	nguồn gốc danh từ Hồ giấy hay « một khía cạnh lý thuyết trong cuộc tranh chấp Nga Hoa »	35
NGUYỄN-MẠNH-CÔ I — HOÀNG VŨ	tìm hiểu Hồ-Xuân-Hương hay vài nhận định về tâm lý học, phân tâm học và văn học	44
Bà TRẦN - THÚC - LINH — Bà HỒ-HỮU-TƯỜNG — Ô. Ô. PHAN-KHẮC-SỬU - PHAN-HUY-QUÁT - BÙI - HỮU - SÙNG — NGUYỄN - VĂN - TRUNG — NGUYỄN - HỮU - PHIẾM	trả lời cuộc phỏng vấn về Nhân sĩ và Hội đồng Nhân sĩ	51
LŨ QUỲNH	những bản tay (thơ)	64
HOÀNG LỘC	cho bây giờ và mai sau (thơ)	65
HÀ LI HẢI	hồi kết cuộc — vực thăm... (thơ)	66
TRẦN THI NHÃ CA	người tình ngoài mặt trận (truyện ngắn)	67
LÊ VĂN SIÊU	thằng hai Chắt (truyện ngắn)	81
LÊ TẮT ĐIỀU	ngày xấu (truyện ngắn)	87
LÊ VĂN HẢO — LÊ DINH	trả lời cuộc phỏng vấn về âm nhạc	99

BÁCH-KHOA

trong những số tới

Liên hiệp quốc và các nước không liên kết

Á-Phi VIỆT-ANH

Đứa con của nàng Kiều VŨ-HẠNH

Heidegger và Thi ca TRẦN-HƯƠNG-TỬ

Ấn khảo chứng tích NGUYỄN PHƯƠNG

Nông dân trước kỹ thuật mới LƯƠNG-NGỌC

Đào tạo nhân viên ngoại giao tại các nước PHẠM-TRỌNG-NHÂN

*Sự quan hệ của tiếng Việt đối với Việt-
kiều ở Pháp* MỘNG-TRUNG

*Nhật Bản : một trường hợp phát triển kinh
tế điển hình tại Á Đông* NGUYỄN-HỮU-DUNG

Hai hội nghị và khảo cứu không gian VÕ QUANG-YẾN

*Hệ thống tổ chức ngành giáo dục âm nhạc
tại Pháp* TÔN-THẮT-TIỆT

*Một ngày của Ivan (truyện dịch của A.
Soljenitsyne)* NGUYỄN-MINH-HOÀNG

Một ngày của Nguyễn-Văn-Tồn (truyện ngắn) VŨ-HẠNH

An ủi (truyện ngắn) LÊ-TÁT-ĐIỀU

Vết hằn năm tháng (truyện ngắn) VÕ-HỒNG

Vòng tay anh (truyện ngắn) TÚY HỒNG

Lớp cảm xúc (truyện ngắn) HOÀNG-ĐÔNG-PHƯƠNG

Vấn đề phân loại CÁC CHẾ ĐỘ CHÍNH TRỊ TRÊN THẾ GIỚI NGÀY NAY

L. T. S. Bài dưới đây của bạn Việt-Anh, Bách Khoa đã đăng trên số 155 ngày 15-6-1963 nhưng hồi đó Nha Thông-Tin đã bắt bỏ toàn bài nên Tòa soạn phải cắt loại cả 8 trang, làm một số bạn đọc ngạc nhiên trách hỏi. Nay theo ý kiến của các bạn đó, chúng tôi xin cho đăng lại bài « Vấn đề phân loại các chế độ chính trị trên thế giới ngày nay » sau khi tác giả đã sửa và thêm ít nhiều nhận xét.

ĐẠI gia đình các quốc gia trên thế giới ngày nay rất đông đảo. Riêng chỉ kể những nước đã có chân trong tổ chức Liên-Hiệp-Quốc, ta đã thấy con số lên đến 110 (kể đến hết năm 1962). Ngoài ra còn khá nhiều quốc gia khác hoặc chưa được độc lập (như Angola, Guyanne. . .) hoặc chưa được gia nhập Liên-Hiệp-Quốc (như Đại - Hàn, Việt - Nam Cộng Hòa...)

Tất cả những nước đó đều là những nước độc lập, có chủ quyền. Mỗi

nước có một chế độ chính trị riêng biệt. Những chế độ chính trị đó có tương tự nhau nhưng cũng có thể rất khác nhau và nhiều khi khó lòng chung sống được với nhau. Trong cái rừng chi chít đó ta phải làm thế nào tìm ra một số tiêu chuẩn căn cứ vào đó ta sẽ có một cái nhìn tổng quát để phân biệt các chế độ, thấy rõ trắng đen. Việc đó rất quan hệ để giúp ta có một lập trường vững chắc, xây dựng cho ta một quan điểm thích hợp với thời đại. Bởi thế cho nên

trong bài này, chúng tôi cố gắng trình bày một cách sơ lược một cái nhìn tổng quát trên tất cả các chính thể trên thế giới ngày nay. Muốn để cho khỏi rắc rối, chúng tôi loại ra ngoài không bàn đến những chế độ chính trị thời xưa, thời thượng cổ La Hi, hay trong thế kỷ 18, 19 ở Âu-Châu hay nói cách khác, chúng tôi không đặt vấn đề các chế độ chính trị trong thời gian mà chỉ đặt vấn đề các chế độ đó trong không gian mà thôi.

Sau khi đã minh xác điểm trên, chúng tôi thấy cần phải căn cứ trên hai tiêu chuẩn để cho việc phân loại được đầy đủ và rộng khắp.

Trên một tiêu chuẩn thứ nhất là tiêu chuẩn hình thức, chúng tôi chú trọng đến việc phân loại các chính thể. Chúng tôi quan niệm chính thể đây là những hình thức tổ chức chính quyền để cho guồng máy quốc gia hoạt động. Căn cứ vào tiêu chuẩn này ta chỉ cần phân biệt các cơ quan nắm giữ chính quyền và phương thức hoạt động của các cơ quan đó.

Trên một tiêu chuẩn thứ hai, chúng tôi căn cứ vào vấn đề nội dung phân biệt các chế độ; khi nói đến chế độ, chúng tôi nghĩ đến vấn đề bản chất của nó: hà khắc hay tự do, dân chủ hay phát xít, nhân đạo hay tàn bạo. Chúng tôi nghĩ đến tính chất của cơ quan chính quyền, đến những quyền lợi của người dân. Hai tiêu chuẩn đó hợp lại sẽ cho ta thấy rõ mọi khía cạnh của các chế độ chính trị ngày nay, rõ nhiên là một cách sơ lược và đại cương nhưng cũng đủ

cho ta có một nhận định rõ ràng:

I) Tiêu chuẩn hình thức phân biệt các chính thể

Đứng trên tiêu chuẩn này ta có thể phân biệt 4 loại chính thể:

- Chính thể quân chủ.
- Chính thể tổng thống.
- Chính thể đại nghị.
- Chính thể nghị hội.

A) *Chính thể quân chủ*. — Chính thể này đã có từ lâu đời và rất phổ biến trên khắp thế giới trước khi bước vào thế kỷ thứ 20. Nhưng ngày nay chỉ còn tồn tại ở những bộ lạc lạc hậu chưa hợp thành quốc gia hay ở một hai quốc gia chậm tiến. Ở đây, nhà vua là chúa tể có quyền sinh quyền sát trong tay. Nhưng dù sao dưới ảnh hưởng của thời đại, tính cách chuyên chế đó cũng giảm bớt đi rất nhiều (trường hợp của Arabie Séoudite ngày nay và một số bộ lạc ở Phi-Châu).

Còn ở các nơi khác, chính thể quân chủ chỉ còn giữ cái vỏ quân chủ cho hợp với tập tục cổ truyền mà thôi. Về cả nội dung lẫn hình thức nó đều đã thay đổi khác hẳn khiến người ta không còn thể gọi là chính thể quân chủ được nữa. Đó là trường hợp Anh quốc, Nhật-Bản, các nước Bắc Âu, phần lớn các quốc gia quân chủ Á-Châu: Vua tuy trị vì nhưng không có quyền chính trong tay và bắt buộc phải tuân theo hiến pháp (chính thể quân chủ lập hiến).

B) Chính thể Tổng thống.— Dưới chính thể này, vai trò của tổng thống được đề cao hơn cả. Ông đứng đầu cơ quan hành pháp và với tư cách đó, đại diện cho toàn thể quốc gia. Ông có thực quyền quyết định mọi công việc và có rất nhiều phương tiện để ảnh hưởng cả đến cơ quan lập pháp là Quốc hội nữa. Tổng thống thường do toàn dân bầu ra, do đó chỉ chịu trách nhiệm trước dân. Dưới chính thể này, vì Tổng thống có quyền rất lớn nên nhà lập hiến muốn để phòng sự lạm quyền đã chủ trương phân quyền cứng rắn — Hành pháp và lập pháp chỉ liên hệ với nhau trong một số trường hợp rất hạn chế và cần thiết. Ở đây ta cũng có thể phân biệt :

Ở những nước dân trí cao và dân chúng đã quen với nếp sống dân chủ, chính thể Tổng thống không làm cho chính quyền mất tính cách dân chủ mà trái lại còn củng cố thêm chế độ dân chủ. Đó là trường hợp của Hoa-Kỳ.

Ở những nước dân trí còn thấp kém, hoặc chưa thoát khỏi tư tưởng tôn quân, hoặc còn chưa quên nếp sống nô lệ của một thời kỳ ngoại thuộc, chính thể Tổng thống còn đưa đến những biến tình khiến vị Tổng thống nhiều khi trở nên một nhà độc tài với quyền hành gần như vô hạn định. Cá nhân vị Tổng thống thường được tôn sùng một cách tuyệt đối, một phần cũng bởi vì các vị đó thường là những nhà ái quốc nổi danh, có nhiều công lao với quốc gia dân tộc. Nhưng một

phần cũng là vì họ nắm trong tay quyền chỉ huy quân đội, có cả một bộ máy công an, cảnh sát tinh vi sẵn sàng đập tan mọi âm mưu đảo chính ; ngoài ra họ còn có cả một bộ máy tuyên truyền khoa học để nhồi sọ dân chúng, thần thánh hóa kẻ đương quyền. v...v.

Với những vị Tổng thống có tính thần dân chủ, tôn trọng hiến pháp thì chính thể Tổng thống sau khi trải qua nhiều thử thách do tình thế và những căn bệnh ấu trĩ gây nên sẽ có cơ bắt rễ và dần dần trở nên vững chắc.

Nhưng nếu gặp phải những vị Tổng thống không có tính thần dân chủ thì ta sẽ bước sang một chế độ độc tài hà khắc nhất. Đó là trường hợp của một số và các nước Á Châu, Phi Châu và Châu Mỹ La Tinh ngày nay.

Người ta cũng có thể căn cứ vào chế độ đảng phái để phân biệt :

— 1) Chính thể Tổng thống dưới chế độ lưỡng đảng (như Hoa-Kỳ) vẫn giữ được tính cách dân chủ với một quyền hành pháp mạnh.

— 2) Chính thể Tổng thống dưới chế độ đa đảng. Vì quốc hội chia rẽ nên quyền hành của Tổng thống tăng cường trên thực tế, trường hợp nước Pháp của De Gaulle.

— 3) Chính thể Tổng thống dưới chế độ độc đảng hoặc không đảng phái. Tổng thống trở nên độc tôn, có quyền hành gần như vô hạn. Quốc hội biến thành một cơ quan phụ thuộc của hành pháp, đóng vai bù nhìn nhắm mắt để biểu quyết những dự án luật

do hành pháp đưa ra.

Nói tóm lại, chính thể Tổng thống dành cho vị Tổng thống rất nhiều quyền nhưng cũng không để cho hành pháp có thể lần áp được lập pháp mà trở nên độc tài trừ trường hợp biến tính. Nói theo danh từ của J. J. Rousseau thì chính thể Tổng thống là một chính thể quân chủ cộng hòa (monarchie républicaine). Chính thể Tổng thống đó thực ra chỉ thành công được có ở Hoa-Kỳ mà thôi. Ở bất cứ nơi nào khác hễ nó được đưa ra áp dụng là nảy sinh khuynh hướng độc tài. Hơn nữa, chính thể Tổng thống áp dụng ở các nước chậm tiến lại thiếu hẳn tính cách vững ổn như ở Hoa-Kỳ, chứng cứ là ở các nước Nam Mỹ và Á Phi theo chính thể Tổng thống (Đại Hàn, V. N.) chính quyền tuy mạnh nhưng lại hay xảy ra đảo chánh vì người ta không tìm ra được lối thoát trong cuộc tranh chấp quyền hành.

C) Chính thể đại nghị.— Đó là một chính thể trong đó các quyền lập pháp và hành pháp không phân biệt hẳn với nhau mà lại hợp tác chặt chẽ với nhau. Người ta có thể nhận ra một chính thể đại nghị khi thấy :

* 1) Một cơ quan hành pháp hai đầu gồm có :

— Một vị quốc trưởng : có thể là một nhà vua cha truyền con nối, và cũng có thể là một vị tổng thống do dân bầu, nhưng cả hai đều không có trách nhiệm và không có thực quyền.

— Một vị thủ tướng đứng đầu

một nội các, thực sự điều khiển quyền hành pháp trong nước.

* 2) Một quốc hội gồm có hai viện nắm giữ quyền lập pháp :

— Một hạ nghị viện do dân chúng trực tiếp bầu ra bằng lối phổ thông đầu phiếu.

— Một thượng nghị viện hoặc cũng do dân cử nhưng với nhiều điều kiện bó buộc hơn, hoặc do các đoàn thể hay các hội đồng quận xã tỉnh bầu ra hoặc do các cơ quan chuyên môn cử ra, có nhiệm vụ kiểm chế hạ nghị viện.

* 3) Nội các là cơ quan giữa Quốc trưởng và Quốc hội. Thủ tướng và các bộ trưởng đều là các nghị sĩ nên đều phải chịu trách nhiệm trước quốc hội nhưng đồng thời cũng phải chịu trách nhiệm trước Quốc trưởng. Nhưng trách nhiệm trước Quốc trưởng gần như là chỉ có trên hình thức, chỉ có trách nhiệm trước quốc hội mới là thực sự. Do đó ta thấy hành pháp và lập pháp luôn luôn liên hệ với nhau và chi phối lẫn nhau.

Trong thể ký thứ 20, chính thể đại nghị đã dần dần biến tính.

Ở những quốc gia theo chế độ lưỡng đảng như Anh-quốc, cơ quan hành pháp (Nội các Anh) dần dần chiếm lấy địa vị ưu thắng của lập pháp (Dân viện). Thủ tướng Anh mới thực sự là người lãnh đạo nước Anh vì ông vừa đứng đầu nội các vừa là lãnh tụ đảng đa số nắm chính quyền.

Ở những nước theo chế độ đa đảng, quốc hội chia năm xẻ bảy, nội các bị lật đổ luôn, quyền lập pháp bị tê liệt, quyền hành pháp trở nên bất lực nên người ta có xu hướng muốn chuyển sang chính thể tổng thống. Đặc biệt ở các nước Đông Nam Á như là Miên-Điện, Nam-Dương chính thể đại nghị đem ra áp dụng đã tỏ ra không có hiệu quả. Ở Nhật-Bản việc áp dụng chính thể đại nghị đã đưa đến chế độ quân phiệt trong thời tiến chiến. Ở Ý và ở Đức nó đã đưa đến chế độ phát-xít, độc tài. Chỉ còn tại các nước Bắc Âu hiện nay (Na-Uy, Thụy-Điển, Đan-Mạch) là chính thể đại nghị vẫn còn được thi hành một cách đúng đắn. Một điều đáng chú ý là những nước đó đều là những nước quân chủ lập hiến. Điều nhận xét đó đưa ta đến một nhận xét thứ hai là tất cả những nước quân chủ lập hiến trên thế giới đều theo chính thể đại nghị.

Tại sao như vậy? Đó là vì chính thể quân chủ lập hiến là một chính thể dung hòa quyền hành của nhà vua với những đòi hỏi của dân chủ. Nhà vua trao quyền cho dân mà vẫn giữ được địa vị của mình. Chỉ có chính thể đại nghị mới thực hiện được sự dung hòa đó. Vì thế mà nó đã là một sản phẩm của nước Anh quân chủ.

D) Chính-thể nghị hội. — Dưới chính thể này nguồn gốc quyền hành là ở trong tay quốc hội. Quốc hội nắm trọn quyền lập pháp và giao quyền hành pháp cho một cơ quan do mình cử ra và có thể bãi miễn bất cứ lúc nào.

Vị quốc trưởng cũng do quốc hội cử ra nhưng có một nhiệm kỳ nhất định. Chính thể này đã được áp dụng ở hai nơi với hai tinh thần khác hẳn nhau.

Ở Thụy-Sĩ, chính thể nghị hội là hình thức của một chế độ dân chủ tự do. Quốc hội có quyền hành rất lớn và tuy rằng chính phủ là do quốc hội cử ra nhưng nguyên tắc phân quyền vẫn được tôn trọng. Quốc hội bao giờ cũng đứng đúng ở cương vị lập pháp của mình. Ngoài ra dân chúng còn được ủy cho một phần quyền lập pháp như quyền sáng kiến và quyền phúc quyết. Nhưng chính thể này chỉ áp dụng được những nước rất nhỏ có trình độ dân trí rất cao.

Ở các nước Cộng-sản, tuy rằng quốc hội nắm quyền lập pháp và cử ra chính phủ, nhưng vì các nước đó theo chế độ độc đảng nên đảng cầm quyền đã thực sự nắm trong tay cả quyền lập pháp lẫn hành pháp. Chính phủ tuy là do quốc hội cử ra nhưng vì gồm toàn những vị lãnh tụ do đảng cử ra nên đã lãnh đạo trở lại quốc hội nhất là khi nào vị thủ tướng chính phủ lại kiêm luôn cả chức tổng bí thư của đảng như Staline ngày trước và Krouchtchev ngày nay. Quốc hội biến thành một cái máy để biểu quyết những đạo luật do đảng đưa ra. Chính thể nghị hội ở các nước cộng-sản đã biến thành một công cụ để thi hành chế độ độc tài đảng trị.

Tóm lại, tiêu chuẩn hình thức cho ta thấy rõ bề ngoài của các chế độ.

Ta có thể coi các chính thể như là những cái khung có sẵn trong đó các chính trị gia lồng các chế độ chính trị. Nếu nó ăn khớp với nhau thì chính thể sẽ tồn tại lâu bền. Nếu nó không ăn khớp với nhau (như ở Miến Điện chẳng hạn (1) thì chẳng bao lâu cái nội dung sẽ phá vỡ cái hình thức và người ta phải đi tìm một chính thể khác thích hợp hơn.

II) Tiêu chuẩn nội dung phân biệt các chế độ

Ở đây ta có thể phân chia ra làm hai loại lớn: chế độ dân chủ và chế độ độc tài. Trong mỗi loại chế độ đó ta sẽ phân chia ra làm những loại nhỏ. Ở đây ta không chú trọng đến bề ngoài, đến cái vỏ, mà chỉ chú trọng đến bề trong, đến bản chất đã tạo thành chế độ đó.

A) Chế độ dân chủ — Đó là chế độ chính trị trong đó quyền lợi của người dân được người ta chú trọng thỏa mãn trước tiên. Tất cả mọi hoạt động của chính quyền đều hướng vào mục đích tối hậu đó. Không những quyền an ninh cá nhân được bảo đảm mà tất cả các quyền tự do công dân khác đều được tôn trọng. Người công dân không những có quyền tự do tham

gia điều khiển việc công như bầu cử, ứng cử, tham gia mọi công vụ (tự do chính trị) mà còn được quyền tự do có một đời sống theo ý muốn riêng của mình như tự do đi lại, tự do cư trú, tự do lập gia đình, tự do tư tưởng, tự do tín ngưỡng (tự do cá nhân). Một chế độ chính trị bảo đảm cho người dân được hưởng tất cả những quyền đó thì bề ngoài gọi là gì đi nữa, bề trong vẫn là dân chủ. Còn nếu trả đáp lên những quyền đó thì dù đặt cho một cái tên rất hay rất đẹp, rất dân chủ, nội dung của nó vẫn là phản dân chủ.

Cũng trong chế độ dân chủ, người ta có thể tiến tới do hai con đường khác nhau miễn là cùng thiện chí đạt tới mục đích tôn trọng quyền lợi và đời sống của công dân.

— 1) *Con đường dân chủ cổ điển.* — Theo đường lối này, nhà cầm quyền phải triệt để tôn trọng quyền lợi của cá nhân công dân, không được xâm phạm đến quyền tự do của công dân dù là có lợi cho tập thể hay cho quốc gia. Người công dân có quyền hạch hỏi chính quyền, bắt bồi bồi thường trong trường hợp quyền lợi của mình bị xâm phạm. Quyền tư hữu cũng như các quyền tự do cá nhân khác đều được chính quyền triệt để tôn trọng. Tất cả những sự xâm phạm, dù từ đâu lại đều bị trừng trị. Người dân sống trong an ninh và tự do. Đó là chế độ chính trị của các nước dân chủ tây phương có một nền luật pháp vững vàng, có một chính quyền dân

(1) Ở Miến-Điện dưới thời thủ tướng U-Nu, người ta theo chính thể đại nghị. Nhưng phần lớn các đảng phái đều có xu hướng xã hội và muốn áp dụng một nội dung dân chủ xã hội. Cái vỏ đại nghị không thích hợp và đã nò tung. Nhưng cho tới nay Miến-Điện vẫn chưa tìm thấy một cái vỏ mới nào thích hợp với tình trạng chính trị và xã hội của mình.

cứ và một đời sống kinh tế thịnh vượng.

— 2) *Con đường dân chủ xã hội*. — Theo con đường này nhà cầm quyền chú trọng đến vấn đề công bình xã hội nhiều hơn là đảm bảo tự do cá nhân, chú trọng đến vấn đề cơm áo của các tầng lớp dân nghèo nhiều hơn là đảm bảo quyền tư hữu tài sản cho những người có của. Những luật lệ về an ninh xã hội được phát triển mạnh mẽ. Những hình thức kinh doanh tập thể được khuyến khích ví dụ như hợp tác xã tiêu thụ, sản xuất... Nhiều khi chính quyền không ngần ngại thu hẹp một phần nào tự do cá nhân để mở rộng lợi ích công cộng, truất hữu để xây dựng những công trình có ích lợi chung.

Đó là xu hướng của một số quốc gia chậm tiến ở Á và Phi-Châu đang muốn xây dựng dân chủ mà không muốn đi vào con đường của Cộng-sản độc tài. Đó cũng là xu hướng của một số các nước tiến tiến Tây-phương đang muốn sửa chữa những sai lệch của con đường dân chủ cổ điển nặng màu sắc cá nhân chủ nghĩa. Ngay cả tại Hoa-Kỳ và Anh quốc là hai nước tư bản lớn nhất trung thành nhất với những nguyên tắc dân chủ cổ điển, người ta cũng phải chấp nhận những cải cách xã hội, chú trọng nhiều hơn đến quyền lợi của giai cấp cần lao, đồng thời giảm bớt những chênh lệch quá đáng giữa các tầng lớp xã hội bằng một chính sách thuế khóa lũy tiến và tài trợ những công cuộc kiến thiết đại quy

mô đem lại quyền lợi cho dân nghèo. Thực ra ngày nay không còn ở đâu trên thế giới có một sự phân biệt rõ ràng giữa dân chủ tự do và dân chủ xã hội. Những nước dân chủ tự do ngày nay cũng có nhiều cải tiến theo hướng xã hội và những nước dân chủ xã hội cũng phải chú trọng đến những nguyện vọng tự do cá nhân của quần chúng nhân dân. Sự phân biệt là ở chỗ chế độ xây dựng trên căn bản nào. Ví dụ, như nền dân chủ Tây phương xây dựng trên căn bản cá nhân và tự do chủ nghĩa.

H) Chế độ độc tài. — Đó là chế độ chính trị trong đó nhà cầm quyền chỉ nghĩ đến quyền lợi của họ mà coi thường quyền lợi của nhân dân. Họ tự cho là những người đại diện chân chính của quốc gia để bắt nhân dân phải hy sinh tánh mệnh, tự do và tài sản để bảo vệ cái chế độ mà tự họ đặt ra. Cũng có thể là họ tự cho nhận lãnh một sứ mạng thiêng liêng của trời sai xuống để cứu vớt nhân dân và dẫn dắt nhân dân theo đường lối mà họ vạch ra chứ không có quyền theo bất cứ một đường lối nào khác. Cớ nhiên là dân chúng không còn quyền bầu cử hay là chỉ có quyền bầu cử những người của họ mà thôi. Họ khoác lên cho chế độ của họ những danh từ thật đẹp đẽ, những mục đích thực cao thượng cốt để mê hoặc quần chúng, bắt quần chúng phải đi theo họ một cách không điều kiện. Dân chúng lúc nào cũng chỉ nghe thấy những chữ hy sinh, phục vụ mà không lúc nào được

biết tới tự do. Tự do của dân chúng, nhà cầm quyền đã giữ lấy hết. Vì quyền lợi của họ bắt buộc phải như vậy : nhân dân mà được tự do thì chế độ độc tài cũng đến ngày phải cáo chung. Dù cho che đậy đến đâu, đã dùng những danh từ tốt đẹp như thế nào — như « Cộng hòa nhân vị ; Thắng tiền cần lao ; Đồng tiền xã hội » dưới chế độ vừa cáo chung ở Việt-Nam — chế độ độc tài cũng không thể nào tự đầu được mình và không thể nào đứng vững mãi trên sự đau khổ của nhân dân. Số phận chờ đợi họ bao giờ cũng là một cuộc đảo chánh hay một cuộc cách mạng giải thoát cho nhân dân khỏi ách lao tù của kẻ thống trị. Người ta phân biệt nhiều loại độc tài nhưng thiết tưởng có thể chia ra làm hai loại chính :

- Độc tài do một cá nhân thống trị.
- Độc tài do một tập đoàn thống trị.

* 1) *Độc tài cá nhân.* — Tất cả mọi quyền hành đều tập trung vào trong tay một người. Tất cả những tổ chức ở xung quanh được thành lập là cốt để phục vụ tham vọng lớn lao của người đó. Không có một người nào, một tổ chức nào có thể đương đầu lại với nhà độc tài. Để củng cố vị trí của họ, nhà độc tài tự xây dựng lấy một quân đội và một bộ máy công an rất mạnh.

Ở đây người ta cũng có thể phân biệt :

Độc tài phản động (dictature réactionnaire) nếu nhà độc tài dựa trên những lực lượng thoái hóa, bảo thủ,

phản dân chủ : Ví dụ như chế độ độc tài của Franco ở Tây-Ban-Nha.

Độc tài cách mạng (dictature révolutionnaire) nếu nhà độc tài dựa trên lực lượng tiên bộ của nhân dân, hoặc được đa số ủng hộ. Chế độ của họ tiên bộ hơn chế độ cũ mà họ vừa lật đổ. Họ cũng chú trọng đến việc nâng cao trình độ sinh hoạt vật chất và tinh thần của nhân dân. Nhưng việc đó phải do họ tự ý làm chứ không phải do nhân dân đòi hỏi : Ví dụ như chế độ độc tài của tổng thống Nasser xứ Ai-Cập.

Kinh nghiệm cho biết là nếu quyền hành tập trung trong tay một nhà độc tài, dù nhà độc tài đó sáng suốt đến đâu cũng không tránh khỏi những quá lạm. Và lại ngày nay, việc nước càng ngày càng nhiều, càng phức tạp, một người không thể bao quát được tất cả mọi khu vực.

* 2) *Độc tài do một tập đoàn.*

— *Tập đoàn đó có thể là một tập đoàn hành pháp :* do 2 người, 3 người hoặc 4, 5 người cầm đầu như chế độ directorat dưới thời đại cách mạng Pháp. Chế độ gia đình trị của anh em họ Ngô ở Việt Nam trong thời gian vừa qua. Kinh nghiệm cho biết là chế độ này rồi ra cũng đưa đến độc tài cá nhân.

Ngày nay những cuộc đảo chính quân nhân thường xảy ra ở nhiều nước Châu-Á, Châu-Phi và Châu-Mỹ La-Tinh, thường cũng mang tính chất đó. Quyền hành pháp thường do một nhóm quân nhân (une junte militaire)

nắm giữ và họ nắm luôn cả quyền lập pháp nữa trong một thời gian hạn định trước khi ban hành hiến pháp mới.

— *Tập đoàn đó có thể là một tập đoàn lập pháp* : Ví dụ sự độc tài của một quốc hội (Chê độ La Convention dưới thời đại cách mạng Pháp). Chê độ này rồi cũng đưa đến độc tài cá nhân hoặc độc tài đảng trị. Hiện nay không còn giá trị thời sự nữa.

— *Tập đoàn đó có thể là một đảng chính trị* : Đó là chê độ độc tài đảng trị. Đây là hình thức phổ biến nhất và cũng nguy hiểm nhất. Ta có thể phân biệt hai loại :

* *Độc tài theo kiểu Phát xít.* — Đó là chê độ của Đức-Quốc-Xã của Hitler và Ý Phát-xít của Mussolini. Đảng chính trị độc nhất xâm chiếm lấy guồng máy cai trị cũ, cải tổ để cho thích hợp với mục tiêu mới, nắm lấy cả quyền hành pháp và lập pháp, dùng đàn áp và khủng bố để tiêu diệt đối lập, dùng sức mạnh vũ phu để khuất phục quần chúng và thống trị hoàn cầu. Đảng phát xít tổ chức như một đạo quân, có kỷ luật thép và phục tùng lãnh tụ như thần, như thánh. Đời sống của người dân bị kiểm soát từng li từng tí. Mạng con người không có một chút gì bảo đảm. Chê độ độc tài kinh tởm này hiện nay đã bị tiêu diệt và nhân loại tiên bộ đang cố gắng để cho nó khỏi quay trở lại.

* *Độc tài theo kiểu Cộng sản.* — Đó là chê độ độc tài của các nước cộng sản mệnh danh là dân chủ xã hội hay dân

chủ nhân dân. Đảng Cộng sản không những thống trị trên một quốc gia mà còn cả trên một hệ thống quốc gia. Nó bao trùm mọi hoạt động của đời sống con người từ văn hóa đến chính trị, từ xã hội đến kinh tế. Nó tạo nên một triết lý sống bắt tất cả mọi người phải nghe theo. Nó thống trị trên cả thể chất lẫn tư tưởng của con người. Nó len lỏi vào đời sống tư của mọi người, tiêu diệt những mầm phản đối ngay từ trong trứng. Nó biến nhân dân thành những con người đồng nhất, phục tùng một mệnh lệnh, tuân theo một kỷ luật. Nó dùng bộ máy chính quyền để giáo dục nhân dân, biến nhân dân thành một sức mạnh để bảo vệ chê độ. Với một lý thuyết quyền rũ, nó tự tạo cho mình một sức mạnh ghê gớm nhằm thống trị hoàn cầu.

Độc tài Cộng sản với tính chất mềm dẻo và biến hóa khôn lường của nó còn nguy hiểm hơn độc tài phát xít đến trăm ngàn lần. Hiện nay Độc tài Cộng sản đang là một mối họa lớn lao đe dọa nhân loại.

* *

Với sự phân loại nói trên, chúng ta đã có một cái nhìn bao quát tất cả các chê độ và các chính thể. Có một điều ta cần phải nhận thấy là không có chê độ hay chính thể nào lại có thể coi là thuần túy không chịu ảnh hưởng của các chê độ và chính thể khác. Những chê độ độc tài hung bạo nhất cũng phải mang một vài hình thức

dân chủ. Những chế độ dân chủ nhất ngày nay cũng phải chịu một phần nào ảnh hưởng của chế độ độc tài. Một thí dụ rõ rệt nhất là ngày nay người ta đang chứng kiến một sự kiện gần như là phổ biến trên khắp thế giới. Ấy là sự tăng cường thế lực của quyền hành pháp so với quyền lập pháp không những ở các nước chậm tiến Á-Phi mà cả ở các quốc gia dân chủ tiên tiến Âu-Mỹ như Pháp, Hoa-Kỳ và Anh-Quốc.

Sự tăng cường quyền hành pháp này là cốt để cho chính quyền hoạt động hữu hiệu hơn ngõ hầu đối phó mau chóng với những âm mưu phá rối hòa bình và an ninh trong nước.

Tại những nước chậm tiến mới giành được độc lập, không mấy nước là không có chính quyền mạnh. Do đó tại nhiều nước, nạn độc tài đã thống trị dưới hình thức này hay hình thức khác. Tại các nước đó phần nhiều có một sự bất thăng bằng giữa quyền hành pháp và quyền lập pháp. Thường thường quốc hội chỉ là cái bình phong để hợp pháp hóa những hành động

của chính phủ. Chính phủ thì lại thường hay lộng hành và hiến pháp ít khi được đem ra áp dụng. Do đó mà đảo chính thường là biện pháp không tránh khỏi để giải quyết những bề tặc.

Để cho tình trạng được ổn định hơn và luật pháp được tôn trọng hơn, ở các nước chậm tiến mới giành được độc lập, cần phải xây dựng một định chế chính trị dân chủ vững chắc. Quốc hội phải thực sự nắm vững quyền lập pháp.

Những cuộc bầu cử quốc hội phải hoàn toàn tự do và dân chủ để cho cơ quan này xứng đáng là đại diện chân chính của nhân dân. Và dầu có vì nhu cầu tranh đấu chống Cộng sản mà quyền hành pháp cần phải mạnh để cho thực hữu hiệu chẳng nữa thì cũng không thể có trường hợp nào hành pháp lấn áp hoặc thay thế hẳn cho lập pháp được. Những định chế một khi đã đặt ra tất nhiên cần phải được triệt để tôn trọng.

VIỆT-ANH

-
- Phấn làm cho các vết nhăn trắng đi, nhưng không giấu chúng được.

Helvétius

- Đề có thể chịu đựng thực tế, tất cả chúng ta bắt buộc mình phải nuôi dưỡng trong ta vài cái diên nhỏ nhỏ.

Marcel Proust

- Kinh nghiệm không bao giờ cấm ta làm một điều bậy bạ, nó chỉ ngăn ta làm điều ấy một cách vui vẻ.

François de Croisset

ĐÀO-TẠO, HUẤN-LUYỆN VÀ BỔ-NHIỆM NHÂN-VIÊN NGOẠI-GIAO TẠI CÁC NƯỚC

Phạm Trọng Nhân

ĐỐI với một quốc - gia độc - lập, sống đời quốc-tế, một trong các sinh-hoạt được đặc-biệt chú ý, là Ngoại-giao. Có nhiều người ngoại quốc chưa có dịp thăm viếng một quốc gia thường chỉ căn cứ vào hành động của một vài nhân viên Ngoại giao nước đó để suy luận và bình phẩm dưới đủ khía cạnh, văn hóa, chánh trị và quốc tính...

Gặp trường hợp như vậy — và đó là thông lệ — đối với đa số các ngoại nhân, một quốc gia, một dân tộc, xấu đẹp, hay dở, đủ hay kém văn minh, là do các nhân viên Ngoại-giao đại diện và gián tiếp hay trực tiếp giới thiệu trên trường quốc tế.

Tại nhiều nước rất thận trọng về vấn đề này, chánh quyền không những lưu tâm đến trình độ văn hóa và kiến thức chuyên môn của nhân viên, mà còn để ý cả tới hạnh kiểm và gia đình đương sự.

Nay ta hãy lần lượt xét qua thể thức đào tạo, huấn luyện và bổ nhiệm nhân viên ngoại giao tại một vài nước trên thế giới, các nước tự do, và các nước cộng sản.

I. — Các nước tự do.

A. — ANH

Tổ chức tại Anh vốn dĩ rất châu đáo, mà tuy nhiên, năm 1955, cũng đã xảy ra vụ Burgess và Maclean, trốn qua bên kia bức màn sắt. Một buổi họp tại Nghị - viện đã được triệu tập, và cuộc bàn cãi sôi-nổi chứng tỏ vấn đề quan trọng nhường nào. (Sau này, còn các vụ khác cũng không kém quan trọng: Lansdale, Blake, Vassal, Crabb...)

Trong ba số phát hành ngày 26, 28-10 và 3-11-1955, nhật-báo The Manchester

Guardian kịch liệt chỉ trích điều đáng tiếc đã xảy ra, vì lý do « đặt người ngồi không đúng chỗ ». Và ngành ngoại giao cũng như (nếu không nói là hơn) bất cứ ngành nào khác, muốn « đặt người » cần phải lưu ý tới những điểm sau đây của đương sự :

- học-vấn tổng-quát
- kiến-thức chuyên-môn
- khuynh-hướng
- chánh-kiến.

Ta hãy xét các nhân viên ngoại giao Anh được bổ nhiệm và thăng thưởng như sao ?

Thí sinh phải có văn-bằng cần thiết hay hội đủ điều kiện thâm niên (nếu là công chức), trúng tuyển một kỳ thi riêng do Nha thẩm quyền tổ chức. Ngoài những môn thi chính, các thí sinh còn phải qua một kỳ sát hạch kêu là « house party », tuy coi như phụ nhưng thực quan trọng.

« House party » là một cuộc tiếp tân đặc biệt : các thí sinh được mời tới một tòa lâu đài sống ở đó chừng ba hay bốn buổi. Chủ nhà (nghĩa là Chánh phủ) sẽ tổ chức dạ hội, tiệc rượu, v. v... Ban giám-khảo gồm những nhân vật có kinh nghiệm và những bậc anh cả trong ngành : những vị này sẽ (mặt và riêng từng người) cho điểm các thí sinh, về cách thức ăn mặc, ngồi bàn, khiêu vũ, nói chuyện, v. v... Vì nhân viên ngoại giao không những cần biết làm việc, nhân viên ngoại giao còn cần biết ăn, biết mặc, biết nói, và biết tiến tiền, tất cả sao cho xứng đáng với địa vị.

Về các môn chính, một thí sinh trúng tuyển

kỳ thi tuyển nhân viên ngoại giao đã ghi cảm tưởng của mình trong nhật báo The Observer xuất bản tại Londres ngày 6-11-55, tóm tắt như sau :

« Cuộc sát hạch tiếp diễn luôn trong ba tháng, chia làm ba giai đoạn :

— xét về khuynh hướng đại cương (qualification).

— xét về kiến thức chuyên môn (Civil Service Selection).

— thi « chung kết » (Final Board).

Giai đoạn thứ nhất, (xét về khuynh hướng đại cương). Cuộc thi gồm 6 bài viết, mỗi bài thực hiện trong một thời gian ngắn với những đề tài thông thường về chánh trị, xã hội, tâm lý v.v..., có khi cả về toán học và vật lý học. Mục đích để thí sinh chứng tỏ mình nhanh trí, có óc tế nhị, có khả năng nhận xét người và việc, v.v...

Trong một kỳ thi trước đây không xa, đầu bài về tâm lý đã như sau : anh hãy phê bình chính anh, về phương diện vật chất và tinh thần, đứng vào một địa vị *một kẻ thù*, và sau đó, *một người bạn cố tri*.

Sau cuộc sát hạch này, non nửa số thí sinh bị loại !

Giai đoạn thứ hai, (xét về kiến thức chuyên môn). Cuộc thi gồm có viết, văn đáp, và đàm luận.

Viết về những đề tài chuyên môn : công pháp, tư pháp, địa dư, lịch sử, tâm lý, v.v.

Văn đáp về các môn trên, do một hay nhiều giáo sư chuyên môn điều khiển.

Đàm luận với các bạn cùng dự thí, từng nhóm 7 hay 10 người (gồm một chủ tịch, một quan sát viên, còn các người khác là hội viên).

Ban khảo thí gồm 3 hay 4 giáo sư, ngồi ở phía sau các thí sinh lần lượt mỗi người làm chủ tịch hay quan sát viên một lần. Đề tài tùy viên chủ tịch chọn lựa, và do ban khảo thí chấp thuận: đề tài có thể thuộc bất cứ loại nào, pháp luật, xã hội, sử ký hay tâm lý.

Trên đây có nói về thi vấn đáp. Ngoài những đề tài chuyên môn, các chủ khảo còn có thể đặt những câu hỏi bất thường, thử thách óc thanh liêm và tài tổ chức của thí sinh. Ví dụ: Một nhà mạnh thường quân tạ thế có để lại một số tiền lớn và ủy anh sử dụng cho một công cuộc từ thiện hay văn hóa: chương trình của anh sẽ như sao? Hay: anh nhận được những tin tức và tài liệu mật có hại cho một người bạn thân, anh sẽ xử trí như sao? Hay hơn nữa: Tùy trường hợp, khi đi du lịch hoặc làm việc tại sứ quán, anh thích những người bạn như thế nào? v.v...

Giai đoạn thứ ba (chung kết) — Sau khi trúng tuyển các kỳ thi trên, thí sinh được qua đoạn trót, trước một ban khảo thí gồm 7 nhân viên, thuộc nhiều ngành hành chánh. Đây là một cuộc đàm luận, giữa sinh viên và các nhân viên giám khảo.

Những đầu đề không thuộc một chương trình nào nhất định: chủ khảo có thể hỏi thí sinh về bất cứ loại nào, để ước lượng trình độ văn hóa đại cương của thí sinh. Ví dụ: trúng số độc đắc anh sẽ đi du lịch nơi nào? Tại sao anh chọn nước đó? Tình giao

hảo giữa nước đó và nước ta qua lịch sử cận đại? Nếu được cử làm đại sứ tại nước đó, anh sẽ lưu tâm nhất về những vấn đề gì? v.v... Hoặc những câu hỏi khác không kém « văn hóa », nhưng thực « mơ hồ »! Ví dụ: Anh thích đọc báo gì? Tại sao? Theo ý anh, trong 10 năm qua, những cuốn tiểu thuyết nào sẽ hy vọng được lưu truyền hậu thế? v.v...

*
* *

B. — TÂY ĐỨC

Từ năm 1955, Chính phủ Liên bang Tây-Đức đã cho chuyển trường Ngoại giao (Ausbildungsstatte) về Bonn.

Từ 1950 cho tới 1955, trường này đặt ở Spire, lấy tên là Diplomatsenschule và hằng đào tạo nhân viên cho các nhiệm sở ngoại giao Đức, tại quốc nội cũng như hải ngoại (gồm có: Trung ương, 31 Tòa Đại-sứ, 28 Tòa Đạc-sứ, 25 Tổng Lãnh-sự quán và 46 Lãnh-sự quán).

Muốn nhập học, các thí sinh phải thỏa mãn một kỳ thi rất khe khắt. Trừ những thí sinh có bằng Cao đẳng Luật-học (Assessoren, ngang với Cử-nhân Luật-khoa) sẽ được đặc ân chỉ theo học trong một niên khóa, còn thường lệ thời hạn học tập là ba năm.

Các học sinh ăn ở trong trường và trừ trường hợp bất khả kháng, không được thiếu một buổi học nào.

Chương trình học đại cương được hoạch định như sau:

- 6 tháng theo các lớp học lý thuyết.
- 12 tháng thực hành tại các Nha Sở Trung-ương.

NHÂN VIÊN NGOẠI GIAO,..

- 2 tháng chuyên về kinh tế học,
- 12 tháng thực hành tại các nhiệm sở hải ngoại,
- và sau cùng, 4 tháng trở lại theo học tại nhà trường.

Ban giáo sư gồm có các nhà mô phạm thời danh, các nhân viên ngoại giao, các chánh khách lỗi lạc, huấn luyện sinh viên về các môn : Địa-dư, Chánh-trị, Pháp-luật, Kinh-tế, Nghi-lễ và Sinh-ngữ. Có nhiều nghị sĩ phe đối lập cũng nhận làm giảng viên.

Có nhiều môn học rất theo sát thời sự, ví dụ : Nga-Xô, Viễn-Đông, Hợp-Chúng-Quốc, Nam-Mỹ, Phi-Châu, văn chương quốc tế cận đại, phòng thủ Tây-Âu, bởi thường chiến tranh, vấn đề các liên đoàn, v.v... Môn sinh ngữ được chú trọng đặc biệt, và một sinh viên tốt nghiệp ngoài tiếng Đức, phải ít nhất sử dụng lưu loát hai thứ tiếng : Pháp và Anh (nói và viết như nhau).

Sau ba niên học, tùy theo thứ bậc trong kỳ thi tốt nghiệp, thí sinh sẽ được bổ nhiệm tại hải ngoại với chức vị Phó Lãnh sự hay ngay tại Trung ương.



C. — PHÁP

Từ khi chiến tranh kết liễu, trường Quốc-gia Hành chánh được thành lập và các công chức cao cấp tương lai Pháp là do trường này đào tạo.

Muốn được quyền dự thi nhập học, thí sinh phải ít nhất có bằng cử nhân luật khoa hay văn khoa (hay tương đương) trở lên. Đa số sinh viên tốt-nghiệp Chánh

trị Học viện (ban ngoại giao) chỉ dự thi sau một năm sửa soạn chăm chỉ,

Thời hạn học là 3 năm.

Năm thứ nhất : tập sự tại Pháp, Pháp quốc hải ngoại hay ngoại quốc.

Năm thứ hai : lý thuyết và thực hành tại trường sinh-ngữ.

Năm thứ ba : tiếp tục về lý thuyết, tập sự.

Sau hai niên học, tùy theo thứ bậc trong kỳ thi chung, sinh viên biết mình sẽ được nhập ngạch nào : ngoại giao, hành chánh, tài chánh, kinh tế, v. v...

Xét về chương trình học rồi rào bao quát, hiệu quả về thực hành cũng như lý thuyết, xét về tính cách khắt khe của kỳ thi nhập học và uy tín các giáo sư, ta hiểu các nhân viên ngoại giao Pháp đã xứng đáng với nhiệm vụ và sứ mệnh của họ.

Ngoài những sinh viên tốt - nghiệp trường Quốc gia Hành-chánh, các nhân viên ngoại giao còn do một vài nguồn khác đào tạo hay cung cấp : trường Đông phương Bắc ngữ, kỳ thi dành riêng cho các công chức ngạch Tham sự nhập ngạch Tham vụ, nhưng thí sinh phải đủ điều kiện bằng cấp và tiền công vụ.

Ngoài ra, ta cũng nên để ý tới một vài đặc điểm sau đây của tổ chức ngoại giao Pháp :

a) — Có các nhân viên ngoại giao đa hiệu (polyvalent), bổ nhiệm đi phục vụ tại bất cứ nơi nào cần thiết ; lại có các nhân viên độc hiệu (monovalent), chỉ nên bổ nhiệm tại các nước thuộc phạm vi sở trường của đương sự.

Trường hợp thứ hai gồm có các Tham vụ Ngoại giao Đông Phương, Viễn Đông hay Tây Âu.

b) — Có các chuyên viên đồng hóa với nhân viên ngoại giao. Ví dụ: phụ trách kinh tế hay văn hóa thường là một nhân viên ngoại giao. Tuy nhiên, tại các nước mà văn đề kinh tế hay văn hóa được đặc biệt chú trọng, một nhân viên của Bộ Kinh tế hay Giáo dục được chỉ định giữ nhiệm vụ này. Các tùy viên kinh tế hay văn hóa được đặt dưới quyền ông Đại sứ về phương diện hành chánh và chánh trị, nhưng về phương diện tuyệt đối chuyên môn, các đương sự thuộc quyền Bộ Kinh tế hay Giáo dục.

c) — Tùy theo năng lực, thâm niên hay công trạng của đương sự, các nhân viên ngoại giao được thăng thưởng.

Các chức trưởng nhiệm sở (Đại sứ và Đặc sứ quán) dành riêng cho những nhân viên có năng lực và đã đạt tới chức Đặc sứ Toàn quyền (Ministre Plénipotentiaire) tùy hạng. Chiếu nhu cầu công vụ, theo đề nghị của ông Tổng trưởng Ngoại giao và Hội đồng Nội các chấp nhận, Tổng-thống có thể ủy một cách khách hay nhân viên ngoại ngạch điều khiển một Đại hay Đặc sứ quán, *nhưng không quá một tỷ lệ hữu định*. Như vậy, để tránh những lạm dụng, và để các nhân viên trong ngạch khỏi thất vọng vì có cảm tưởng như bị người ngoài xâm lấn quyền lợi của mình. (Trước đây Thống chế Pétain đã sung chức Đại sứ Pháp tại Tây - Ban - Nha; Đại tướng Catroux, Đại sứ Pháp tại Mạc-Tư-Khoa; Ô. H. Bonnet, Đại sứ Pháp tại Mỹ. . .).

Những trường hợp đặc biệt như vậy sở dĩ được thực hiện là vì các nhân vật kể trên, hoặc đã có tên tuổi quốc tế (Thống chế Pétain trước đây được dân Tây-Ban-Nha rất khâm phục) hoặc am hiểu tường tận tình thế (Đại tướng Catroux với vấn đề Nga Xô), hoặc vì có nhiều thiện cảm tại nước mình sắp được bổ nhiệm (Ô. H. Bonnet có rất nhiều bạn tâm giao Mỹ. . .).

Dù sao, những vụ bổ nhiệm bất thường đó đều nhằm mục đích; nâng cao uy tín và củng cố quyền lợi quốc gia.

(Cũng như cách đây mấy năm, ô T Furokaki, ký giả, nguyên Giám đốc Nha Vô tuyến Truyền thanh Quốc gia được cử sung chức Đại-sứ Nhật tại Paris vì đương sự trước có thụ giáo tại Lyon, được nhiều cảm tình của giới thức giả Pháp, và sự hiện diện của ông tại Pháp sẽ rất đặc lực giữa khi Nhật và Pháp đang đặc-biệt chú trọng tăng cường liên lạc văn hóa).

d. — Phẩm tước « Đại-sứ Pháp » (Ambassadeur de France) nay không còn nữa. Đại-sứ Pháp ngày nay chỉ là một *công chức giữ nhiệm vụ* Đại-sứ tại nước mình được cử tới phục vụ đại diện và bênh vực quyền lợi quốc gia. Nói một lời khác, một khi dời nhiệm sở trở về nước, vị Đại sứ Pháp chỉ còn là một công chức thường, trên danh thiếp có thể ghi chú: « Đặc-sứ Toàn-quyền, nguyên Đại-sứ Pháp tại... », chứ không được đề « Đại-sứ Pháp » như thời tiền chiến.

Hiện ở Pháp chỉ còn ba hay bốn nhân vật có phẩm tước « Đại-sứ Pháp » từ trước, các vị này dần dần khuất núi tức là phẩm tước này sẽ cáo chung.

Ta phải công nhận giới thẩm quyền

Pháp rất thận trọng về vấn đề huấn luyện nhân viên ngoại giao : từ cách làm việc cho đến cách tiếp tân, trong khi tập sự tại các nhiệm sở hải ngoại, v.v...

Một sinh viên trường Quốc-gia Hành-chánh, sau khi tập sự, có lần viết nhật-ký như sau :

« Trong suốt thời gian, tôi đã là một viên Lãnh-sự, chỉ khác một điều là không được hân hạnh ký tên trên các văn kiện.

« Tôi đã dự một buổi khám xét tàu buôn, thảo điều văn và diễn văn, tiếp đón một đoàn kỵ binh viễn du biểu diễn.

« Một hôm, ông Lãnh-sự trao cho tôi

thư của một tư nhân, bạn thân của ông nhưng hỏi về việc công. Tôi thảo thư trả lời, đưa đánh máy để ông Lãnh-sự ký tên. Ông cho mời tôi lên Văn-phòng và trước mặt tôi, trước khi ký tên, ông cầm bút viết thêm mấy chữ thực nồng hậu.

Ông giải thích như sau : người bạn tôi sẽ rất hài lòng vì cho rằng chính tôi đã chăm lo việc của anh . . . Đây là một cách gây cảm tình rất tế nhị . . . trong khi những bản lưu văn không có vết tích những giòng này . . . »

PHẠM TRỌNG NHÂN

Kỳ sau : Mỹ Nhật và các nước Cộng-sản

QUY-VỊ HÃY DAN DÀNH LẠI NGAY TỪ BÂY GIỜ

MỘT MÁY DÀNH CHỮ LÂM TẠI THỤY-SĨ

HERMES



HERMES

LOẠI XÁCH TAY ◊ LOẠI ĐỂ BÀN GIẤY →

tại nhà in I.N.D.E.O.

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME-ORIENT

1, Đường Nguyễn-Sieu — Téléphone 20.821 — SAIGON



tiến triển trong khoa mổ xẻ

★ VÕ-QUANG-YẾN

TRONG những dạo vừa qua, thỉnh thoảng báo chí cho đăng lên trang đầu những tin mới lạ về ngành giải phẫu. Chẳng hạn một bác sĩ người Nga đã ghép được một quả tim vào cơ thể chó. Chẳng hạn máy quay phim và máy chụp hình màu đã được dùng để khảo sát óc não. Ngoài ra còn biết bao điều khám phá mới lạ khác không được ra mắt công chúng. Trong khoảng ba, bốn năm gần đây, tiến triển trong khoa giải phẫu thật là lớn lao, không những ngay trong thuật mổ xẻ, mà còn ở những kỹ thuật kề cạnh như cách cứu sống lại hay cách đánh thuốc mê. Trước kia mỗi một phút có thể định đoạt tánh mạng con người, bây giờ một cuộc mổ có thể kéo dài hai, ba tiếng đồng hồ mà cơ thể vẫn động tác điều hòa và những cuộc mổ lâu bảy tám giờ không còn là những trường hợp hiếm có.

Chuẩn bị đích xác.

Tiến triển lớn lao nhất và là quan trọng

nhất là ở hai địa hạt tim và thần kinh hệ. Người ta nhớ cách đây chỉ hai mươi năm thôi, môn giải phẫu tim chưa được thành lập. Còn hội nghị quốc tế về thủ thuật thần kinh chỉ nhóm lần đầu tiên năm 1959. Ở đầu thế kỷ 20, thỉnh thoảng đây đó có vài khám phá về cách mổ tim hay mổ não nhưng chỉ là những trường hợp lẻ loi, đặc biệt. Bây giờ mổ tim mổ não là chuyện hằng ngày. Ở Âu Mỹ, trong một bệnh viện chuyên về tim, người ta mổ mỗi tuần lễ từ 10 đến 16 bệnh nhân. Bên ngành thần kinh thủ thuật cũng vậy: những bệnh nhân có sưng phù hay mắc chứng động kinh, nối tiếp nhau trên bàn mổ. Nếu cuộc mổ không có gì mới lạ, đáng để ý là kỹ thuật mổ, trình độ vững vàng đã đạt được. Trong các cuộc mổ xẻ thần kinh, cách đây 10-12 năm, không ai dám bảo đảm tánh mệnh bệnh nhân, bây giờ chết vì mổ là chuyện bất thường. Còn bên phần tim, chừng nào chưa biết rõ được chỗ đau, xác định được cơn bệnh

cùng địa hạt tổn thương thì người ta chưa mổ nên số người bị chết cũng sụt xuống rất ít. Đáng khác, càng ngày người ta càng cố gắng giữ chữa những bộ phận bị đau hơn là cắt bỏ đi. Muốn hoàn toàn đạt được mục đích này còn phải tốn biết bao công phu học hỏi trong các phòng thí nghiệm trên đủ loại thú vật.

Một yếu tố tiến triển khác là tính cách đích xác trong lúc chẩn bệnh. Thầy thuốc ngày nay biết rõ ràng bộ phận sẽ mổ, không còn như lúc trước chỉ suy luận hay phỏng đoán theo những biểu thị bên ngoài. Nhờ vậy mà tim và não không còn là những cơ quan bất khả xâm phạm. Bên khoa mổ tim, hiện nay có hai phương pháp chẩn bệnh năng được dùng. Trong phương pháp thứ nhất, người ta cho thông một cái tho vào một mạch máu, như tĩnh mạch ở đùi, cho chạy thẳng lên tim và bác sĩ chẩn bệnh mà không cần mổ ngực ra (cathétérisme). Trong phương pháp thứ nhì, người ta dùng một chất lỏng mà quang tuyến X không vượt qua được, cho vào một mạch máu cạnh tim. chiếu điện thì thấy ngay được thắc loạn hay vết thương (angio-cardiographie).

Bên mặt thần kinh, các phương pháp chẩn bệnh cũng rất đích xác. Ngoài những cách chiếu điện, khảo sát ở mắt hay chẩn bệnh gián tiếp, người ta còn dùng những chất phóng xạ cho đọng vào những tổ chức ở óc (gammaencéphalographie) dùng khí trời hai đầu có iốt thay thế chất lỏng trong não (ventriculo-graphie) hay cho tiêm vào động mạch ở cổ một chất mờ đục đối với quang tuyến X (artériographie).

Chẩn bệnh được rõ ràng thì công cuộc mổ xẻ trở nên dễ dàng.

Hóa chất kích thích.

Nói là mổ xẻ, thật ra ngày nay nhờ cách chẩn bệnh đích xác, thầy thuốc biết được rành mạch chỗ bị tổn thương nên lắm lúc, nhất là trong môn tâm học, người ta sửa chữa một cơ quan mà chẳng cần mổ toạc ra. Bên phía thần kinh thì lẽ tất nhiên không thể động đến óc não mà chẳng phải hể mổ ít nhiều xương sọ ra. Hiện nay người ta dùng nhiều chất phóng xạ hay đạm khí để chữa não thủy cùng các chứng Parkinson : tính bị run hay tính cứng đờ. Như vậy chỉ cần hể mổ chút ít xương sọ để cho thông vào điện cực mang hóa chất hay đạm khí.



CHỮA CHỨNG PARKINSON

Hình I

Chẩn bệnh. — Dùng dầu cho thay thế chất lỏng ở não thất (chỗ có mũi tên). Hình cho thấy cần phải hủy bỏ cái nhân (chỗ có dấu thập.)



Hình 2.

Chữa bệnh.— Dùng điện cực đưa đạm khí thẳng vào chỗ tổn thương. Một vài giây là đủ để làm biến mất các cử động bất thường (Chứng Parkinson là tính bị run hay tính cứng đờ).

Trong những trường hợp phải mổ toạc xương sọ, máy cưa điện là một dụng cụ tối tân dễ dùng. Trong lúc bác sĩ làm việc, người ta cho vận dụng một máy hút, đồng thời một hệ thống điện cho đông máu ở các mạch tuôn ra, thành thử công việc sạch sẽ trở nên mau chóng. Xong xuôi, chỉ còn có việc lắp mảnh xương sọ lại. Có lúc óc não phồng lên, mảnh xương sọ không lắp lại được, người ta đem cắt mảnh xương sọ ấy dưới lớp da bụng, có thể giữ vài ngày hay vài tuần mà không hư hỏng, khi nào óc não hết phồng thì lại đem lắp vào như trước.

Cách đây năm năm, trong một cuộc mổ tim, các thầy thuốc đã dùng một máy phổi-tim nhân tạo; phương pháp cách mạng này bây giờ được dùng hằng ngày. Người ta còn tiến bước hơn: một kỹ thuật mới chỉ cần dùng tim nhân tạo còn phổi thì cứ dùng của bệnh nhân. Một thứ van nhân tạo đã

được chế tạo ra, gồm có một hòn bi bằng chất tổng hợp đường kính 19-26 mm nằm trong một cái lồng thép không rỉ cao 35 mm. Đặt vào tâm thất, van nhân tạo này đã giúp ích nhiều cho những bệnh nhân đau tim.

Có những bệnh nhân tim yếu, hễ tim không co rút lại được tất thì bị ngắt đi. Bệnh nhân có thể lại tỉnh nhưng tim quá yếu lại ngắt đi nữa (chứng Stokes-Adam). Nay người ta cho ghép vào tâm thất hai điện cực nối liền với một máy điện có thể đặt ngay trong lồng ngực, hay tiện hơn ở ngay dưới da để nếu hỏng thì dễ chữa. Máy «pacemaker» nhân tạo này có thể chạy năm năm, gây ra mỗi giây 70 co thắt.

Những thầy thuốc không chịu máy điện này, sợ dễ bị hư, có thể dùng hóa chất cho đựng trong một hộp kín. Trong ba năm, hộp thuốc này cho tiết ra tim từng phục lượng nhỏ để cho tim chạy đều. Như tuồng thí nghiệm trong cơ thể chó đã đem lại kết quả mỹ mãn.

Nhiều thực hiện lớn lao còn được ghi chép trong địa hạt nối ghép các mạch máu. Hiện nay người ta đang tiến đến điểm dùng mạch máu ngay của bệnh nhân hơn là dùng mạch máu nhân tạo. Những nhà thủ thuật Mỹ đã ghép được những tĩnh mạch ở tay của một bệnh nhân vào đuôi thay thế các động mạch. Kết quả là bệnh nhân rất chóng bình phục. Đáng khác cũng đáng để ý là tĩnh mạch tuy mỏng mảnh, khi được ghép làm động mạch thì cũng trở nên bền dày như động mạch.

Ghép tim nhân tạo.

Ghép mạch máu, nhất là tĩnh mạch, có điều khó là đường kính mạch máu quá

nhỏ. Người ta đã tìm ra được kỹ thuật cho vào chỗ ghép một chiếc vòng kim loại không rỉ để mạch máu khỏi phải trít lại. Về vấn đề khâu, người ta thường dùng một thứ kim tí hon. Nay người ta đang nói đến một loại hồ tay kim chỉ. Thí nghiệm thành công hoàn toàn ở chó khi người ta dán các tĩnh mạch ở tim dưới, các động mạch cổ hay các đại động mạch quẩn.

Những chi tiết về các khám phá mới lạ trong thuật mổ xẻ còn nhiều nữa. Với những căn bản vững chắc, tiến triển trong những năm sau này còn tăng lên gấp bội. Trong địa hạt tâm học, người ta mong muốn một ngày nào gần đây thay thế được quả tim yếu ớt hay hư hỏng. Nên nói ngay đây là một công cuộc đồ sộ, khó khăn. Khi nhà bác học Vladimir Demikhov thành công ghép được một quả tim thứ hai cho một con chó, ai nấy đều bỡ ngỡ nhưng khoan vội kiểm cách áp dụng cho người. Trước tiên là vấn đề bất khả xâm

phạm của cơ thể : khi một ngoại vật vào mình, cơ thể tiết ngay ra những phản chất lại đánh đuổi ngoại vật để bảo vệ cơ thể. Ví như vấn đề này giải quyết được xong, còn có một khó khăn khác là chiếc tim sẽ được ghép vào. Nếu cần ghép tim mới tất là tim cũ hư mòn yếu đuối. Tim đâu ra một quả tim mới lành mạnh ? Con người sống có thể hiến một chiếc thận nhưng có ai hi sinh đem biểu tim mình ?

Ở viện Đại học Tokio, các bác sĩ thủ thuật đã đạt được một kết quả đáng mừng hơn : ghép được một quả tim nhân tạo vào cơ thể chó. Chiếc tim này làm bằng chất pôlyêthylen, nặng 320g, lớn cm^3 , do một bộ máy 2V, 12V điều động. Con chó mang quả tim này chỉ sống được có bảy tiếng đồng hồ, nhưng đây chỉ là một bước đầu. Các nhà thủ thuật còn phải cố gắng nhiều để giữ vững đà tiến triển đã đạt được.

VÔ QUANG YẾN

Theo Martine Regnault.

SÁCH MỚI PHÁT HÀNH

★ NGƯỜI TÙ

Truyện ngắn (tái bản) của **VÕ PHIÊN** giá 34\$

★ CÁI CHẾT CỦA I-VĂNG I-LICH

Truyện ngắn vĩ đại

của **LÉON TOLSTOI** (theo *Albert Camus*)

● **VŨ-ĐÌNH-LƯU** dịch

● **TRÀNG THIÊN** giới thiệu

giá 33\$00

Sưu tầm Sử liệu

★ NGUYỄN-PHƯƠNG

CHỌ N một đề tài, sử gia mới làm cái công việc của một người có can đảm muốn xây một ngôi nhà, mà trong tay vền vẹn chỉ mới có bản sơ phác họa đồ của ngôi nhà đó. Cần phải lưu ý đến điều này là, ở đây, hầu như ngoài bản sơ phác mong manh nằm trong tay, người đó không có gì khác nữa, vật liệu để xây chưa có đã đành rồi, mà cả vốn cần thiết để mua vật liệu cũng chưa. Đó chính là chỗ sử gia khác với các nhà cầm bút khác. Một nhà viết văn, chẳng hạn, với một đề tài chọn xong, họ đã có cái vốn cần thiết, đó là trí tưởng tượng, đó là khối óc nghị luận của họ. Về phần sử gia, khi đã chọn xong đề tài như thế, họ chưa có gì chắc chắn nơi mình để có thể dựa vào mà làm ra cái bài họ muốn viết. May ra, họ có thể có sẵn cái tài văn chương trong nghề chép sử, dầu là rất cần thiết, chỉ là một yếu tố phụ thuộc

mà thôi. Cho hay sự nghèo nàn của sử gia rất là rõ rệt, và vì đó không lạ gì khi thấy việc sử gia phải làm đòi hỏi nhiều công phu.

Nghề chép sử sờ di khó nhọc như vậy là bởi cảnh thực tế của hiện tại đã che mắt cái thế giới của những gì đã qua. Sử gia phải vén màn đó lên, theo dấu vết của những chứng tích còn lại, chứ không phải nhờ khối óc mình nghĩ ra, mà tìm về quá khứ. Sử gia phải mở một con đường tiền ngược chiếu, ngược với thời gian, có khi ngược cả với hoàn cảnh, với phong tục, có khi ngược cả với cái khung hiện có của kinh tế, xã hội, tôn giáo, chính trị nữa. Sử gia phải bước vào một thế giới khác với thế giới của mình, thế giới đó, nó đã có về trước, nó cũng đã có thể phức tạp, huy hoàng, nhưng nay nó đã sụp đổ, chỉ còn lại tàn tích, khi ít, khi

nhieu, và nay, sử gia, vì tiếng gọi của nghề làm sử, phải cõ dùng các tàn tích hiem hoi rời rạc đó để gầy dựng lại cho giống như xưa. Nói cách khác, công trình của sử gia là một công trình kiến thiết, nhưng kiến thiết không phải với cái vốn của của hiện tại, mà chính là dựa vào cái vốn của quá khứ. Hỏi cái vốn của quá khứ nấy là gì? Cái vốn đó tức là những nguồn sử liệu.

1.— Sưu tầm sử liệu.

Như thế, sử liệu là điều kiện tối yếu cho việc chép sử. Không nay sử liệu thường không có nhiều và không đủ, vì sử liệu là chứng tích về quá khứ, mà chứng tích còn lại không được bao nhiêu. Đáng khác, hằng ngày, nhiều nguyên nhân còn đua nhau hủy phá các chứng tích đó đi, ví dụ như thời gian, như cuộc sống còn hiện tại, như các thứ thiên tai địa họa hay là như tính bất cẩn và cả ác ý của con người nữa. Vì các nguyên nhân phá hoại đó mà nhiều biên cõ đã mất hẳn dấu vết và đời đời bị lịch sử kể như là không có.

Để tái thiết quá khứ, hay nói cho thực tẽ hơn, để viết đề tài sử mình đã chọn, trước tiên sử gia phải sưu tầm sử liệu. Việc sưu tầm sử liệu là một việc không có không được của nghề chép sử. Trong việc nầy, sử gia không được bằng lòng với một số tài liệu nào, mà trái lại phải cõ gắng thâu thập cho được tất cả những chứng tích gì có thể có về vấn đề. Nếu không làm như thế, công trình của

sử gia, dầu cho hay ho tốt đẹp đến đâu, cũng có thể có nhiều khiếm khuyết, chẳng khác gì một ngôi nhà đồ sộ xây cất trên một nền tảng không vững chắc. Nền tảng không vững chắc thường gây nên bởi hai duyên cớ, bởi vật liệu không tốt là một, mà nhất là bởi thiếu vật liệu. Một sử phẩm có thể trở thành vô giá trị vì lẽ sử gia không cẩn thận án khảo chứng tích, như sẽ thấy trong phần khảo chứng, nhưng nó đã có thể không ra trò trống gì ngay khi sử gia không biết chịu khó tìm cho được những tài liệu có thể tìm được. Trong trường hợp nầy, việc trình bày của sử gia sẽ dựa vào cả một số những chỗ trống, và những chỗ trống đó có hậu quả tai hại cho sử phẩm như thế những chỗ trống ở nền móng một bức tường.

Cho nên, trong bước đầu tiên nầy của công việc phải làm, bốn phận sử gia chẳng những là sưu tầm sử liệu mà thôi, mà phải sưu tầm cho hết các nguồn sử liệu. Sử gia phải làm thế nào để mình không bỏ sót bất cứ những gì mà các nhân vật trong câu chuyện sử đã nói hoặc đã làm, và bất cứ những gì đã xảy ra chung quanh. Sử gia phải nỗ lực để biết cho tường tận vì lý do gì động cơ ấy, hay động cơ khác, đã góp phần vào trong tiến trình hình thành của biên cõ, và đã góp phần vào bao nhiêu. Câu hỏi phải nêu ra là những trường hợp nào đã đặt điều kiện cho các vai chủ động, sự việc tiến triển qua những đợt nào, đâu là kết

quả, những gì đã ảnh hưởng đến sự thành công hay thất bại, và chính thành công hay thất bại này có gây ra hậu quả nào không...

Nói cách khác, các nguồn sử liệu mà sử gia phải tìm tòi, phải bao hàm tất cả những gì trực tiếp hay gián tiếp có thể cho sử gia biết một đôi điều về thời sự quá khứ. Nó có thể là di tích về đời sống con người, là sản phẩm của hoạt động con người — vì sản phẩm rất có thể tiết lộ nhiều điều về đời sống — mặc dầu di tích và sản phẩm tiên nguyên không phải có mục đích truyền lại các việc đương thời cho hậu thế. Nó có thể, và đây mới là chỗ hết sức quan hệ, là những gì bằng văn tự nói rõ về quá khứ con người mà con người đã lưu lại vì mục đích đó. Nói tóm lại, hễ cái gì có thể mách bảo về các việc đã qua đều là những nguồn sử liệu, và sử gia phải có tất cả các sử liệu liên quan đến vấn đề mình viết, mặc dầu sử liệu chưa phải là tất cả vấn đề.

Không may, cũng có người đã lầm lẫn, cho rằng sử liệu là tất cả vấn đề, và tôn trọng nó một cách quá đáng, Tiên Bá Tán, ít ra, đã nói đúng khi ông lên tiếng chỉ trích thái độ suy tôn quá đáng đó. Ông nói :

« Có một số giáo sư đã quá nhấn mạnh vào tính chất trọng yếu của sử liệu. Họ cho rằng có sử liệu là có thể đứng trên miềng đất không thể thua được », thậm chí còn cho rằng « sử liệu tức là sử học ». Hình như họ cho rằng nhiệm vụ của một nhà sử học là ở chỗ sưu tầm sử liệu,

« sưu tầm cả những sử liệu sai lạc »
« sưu tầm những sử liệu chưa ai dùng »
« tới, còn như phân tích sử liệu thì họ lại cho là không phải nhiệm vụ của nhà sử học. Họ còn cho rằng dùng lý luận để phân tích sử liệu thì không còn là sử học nữa. Ví dụ có kẻ nói cuốn « Tư trị Thông giám » của Tư Mã Quang là một trước tác sử học, còn cuốn « Độc Thông Giám Luận » của Vương Thuyễn Sơn lại không phải là một trước tác sử học nữa vì tác phẩm sau có thêm nghị luận ».

Những kẻ làm, như lý thuyết gia Trung quốc nói đó, không hiểu rõ rằng sử liệu chỉ là phương tiện, chứ không phải là cứu cánh của việc chép sử. Sự thực, nó chỉ là vật dụng cho sử gia dùng, mặc dầu nó là những vật dụng rất quan trọng và rất cần thiết. Một khi có nó rồi, sử gia không phải vụ vào chính nó, không phải dừng lại với tính cách vật chất của nó. Cái mà sử gia lấy làm quý giá nơi nó chính là nội dung của nó, nghĩa là cái chứng tích nó chứa đựng về thời sự quá khứ.

2.— Xếp loại các sử liệu.

Các nguồn sử liệu thuộc về nhiều thứ, và mỗi thứ có một giá trị riêng. Trong việc xếp loại sử liệu, các học giả đã đem ra nhiều cách, khiến cho vấn đề thành phức tạp, chứ chính ra nó vẫn đơn giản.

Theo nhiều kẻ khác thì sử liệu có thể chia theo mục đích, theo nội dung, theo do lai, rồi mỗi loại như vậy lại có thể chia nhỏ ra theo thời gian, theo

địa điểm, theo cách hình thành, v.v... Mỗi lời xếp loại như thế đều nói lên một khía cạnh nào đó của sử liệu. Nhưng có một cách xem ra ít phiền toái hơn cả, đó là chia sử liệu ra làm ba hạng : di tích, lưu ký, truyền khẩu.

Di tích, cũng có khi người ta gọi là sử liệu vật chất (1), là những dấu vết ngày nay còn tồn tại về con người và về đời sống con người. Nếu nó trực tiếp thuộc về con người, thì đó có thể là cái sọ, là hàm răng, hay là cái xương tay, xương vế... Nếu nó là di vật thuộc về nhu cầu thường nhật của con người, thì bây giờ nó thuộc về đủ loại hạng, đủ hình thức. Chúng ta có thể kể ra như các dụng cụ bếp núc, các vật dụng trong nhà, nhà cửa, lầu đài, v.v...

Tiên nguyên, di tích không phải có mục đích lưu truyền sử tích. Sở dĩ nó còn lại đó, chỉ là bởi tình cờ, hay là vì một lý do nào khác. Nhưng vì nó đã còn lại, nên nó có thể cho chúng ta biết được quá khứ, không nhiều thì ít. Nhờ nó, các nhà bác học đã biết được sự biến hóa của các sinh vật qua các địa kỳ, hay các nhà cổ học nhận được các nền văn minh trong thời tiền sử. Đôi khi nó để lộ cho chúng ta thấy cả một trình độ kinh tế, cả một nếp sống xã hội. Trong nhiều trường hợp, nó còn bỏ tức một cách vô cùng hữu ích và chắc chắn cho các sử liệu bút ký. Nói chung, di tích là một kho tàng quý giá cho các sử gia, kho tàng đó thường được các cơ quan bảo cổ gìn giữ trong các viện bảo tàng.

Nếu di tích là những sử liệu may ra mà có, thì các bản lưu ký phải được kể là những nguồn sử liệu chính cống. Đó là những đồ vật mà lý hữu của nó là để mạch bảo thời sự quá khứ cho người đời sau. Lưu ký thường bảo tồn tin tức bằng hai cách, hoặc là bằng họa ký, hoặc là bằng bút ký, cũng như để nhớ mãi một người thân, chúng ta giữ lấy một bức truyền thần, thì các vua chúa thời xưa cũng cho họa lại những biến cố quan trọng để hậu thế biết đến sự nghiệp mình đã làm. Nhưng ghi bút bằng lời hội họa này là một thể thức vừa khó khăn, tốn kém, lại vừa thiếu sót. Ngày nay, với nghệ thuật nhiếp ảnh thịnh hành, việc lưu lại thời sự bằng hình ảnh có thể thực hiện một cách mau chóng và tiện lợi hơn, và thời sự được lưu lại cũng chân thành và linh động hơn. Dẫu vậy hình ảnh vẫn không sao tả được hết mọi hình thái của biến cố, vì người ta không thể chụp hết được mọi mặt của nó, nhất là hình ảnh không thể nói hết được tư tưởng của người trong cuộc.

Nhưng chỗ hình ảnh không nói hết được, văn tự lại có thể, và vì thế, khi nói đến sử liệu, người ta thường nghĩ ngay đến những bản bút ký. Trong các loại sử liệu, bút ký là loại phong phú nhất và tương đối đầy đủ nhất. Bút ký dùng làm sử liệu, như chúng ta đã thấy, vốn có nhiều thứ, như bia, như sử ký, như thực lục, như liệt truyện, v.v... Những tài liệu vừa kể

(1) Trần-văn-Giáp còn gọi là tài liệu thực vật, có ý nói là vật có thực, có hình, có chất.

là những lưu ký mà mục đích chính là lưu truyền tin tức, nhưng ngoài ra các thứ sản phẩm văn chương khác cũng có thể dùng được để làm tài liệu. Vì tính cách phức tạp và quan trọng của các sử liệu lưu ký, chúng tôi xin xếp loại rõ hơn.

Đứng về mặt do lai, khi xét đến phương diện thời gian, một tài liệu lưu ký có thể là *đồng thời* với biến cố, hay là *hậu tác*, nghĩa là mãi về sau mới được viết ra. Loại trước là loại được ghi lại do những người sống cùng một lúc khi biến cố xảy ra, nhất là do chính những người trong cuộc. Loại sau, như đã thấy, được thuật lại bởi những ngòi bút của các thế hệ kế tiếp. Giá trị lịch sử rõ nhiên không lệ thuộc một cách máy móc ở quãng cách xa hay gần trong thời gian kể từ khi có biến cố cho đến khi biến cố đó được ghi lại, nhưng một câu chuyện được thuật lại càng lâu sau biến cố, câu chuyện đó càng có lẽ dễ bị nghi ngờ về tính cách xác quả và đầy đủ của nó.

Khi xét về phương diện địa điểm, sử liệu có thể là *nội tác* (do người trong nước chép) và *ngoại lai*. Sự phân biệt này nhiều khi tỏ ra cần thiết để xác định tính cách đáng tin hay không đáng tin của một nguồn sử liệu. Một người ở tại chỗ, chẳng những biết việc xảy ra như một người khách qua đường có thể biết, mà người đó lại còn biết đến nguyên nhân thực sự và sâu xa đã xui ra biến cố, nhờ đã quen biết lâu với nhân vật cũng như hoàn cảnh, phong

tục cũng như những luồng tư tưởng lưu hành trong địa phương.

Khi xét về cách tác giả của sử liệu nhận thức sự kiện họ thuật lại, thì sử liệu có thể *trực tiếp* hay *gián tiếp*. Tác giả trực tiếp biết sự kiện hoặc là nhờ chính mắt thấy hoặc nhờ chính tai nghe, hay là chính tác giả là người đã đóng một vai trong các việc xảy ra. Khi họ chỉ nghe kẻ khác thuật lại, mặc dầu kẻ khác đó đã là những nhân chứng trực tiếp, thì bây giờ chuyện họ viết ra chỉ là một sử liệu gián tiếp.

Sử liệu trực tiếp còn được gọi là sử liệu *tiên nguyên*, hay là *đầu tay*, và sử liệu gián tiếp cũng còn có tên là sử liệu *tu soạn*. Cách phân loại này hết sức thực tế, vì lý tưởng của sử gia khi dự bị viết một bài sử bao giờ cũng là làm sao để tìm về được đến những sử liệu trực tiếp, tiên nguyên như vừa nói. Không phải chủ trương rằng mọi sử liệu trực tiếp đều đúng và đầy đủ, vì người mục kích một việc gì xảy ra, có thể chỉ mục kích có một phần của sự việc, hoặc người đó có thể chỉ cho phần mình thấy là quan trọng, đang khi có những phần khác còn quan trọng hơn nhiều. Nhưng điều này có thể là đặc điểm của các sử liệu trực tiếp, là những gì các sử liệu đó thuật lại đều có thể có cái may mắn được giống như sự việc đã xảy ra trong thực tế, trừ phi khi tác giả bị một thành kiến mạnh nào chi phối thì không kể.

Có thể xếp vào loại các sử liệu tiên nguyên các bản tường thuật của các

nhân chứng về các vụ ám sát, các trận chiến tranh, các tai nạn, các cuộc bàn cãi hay là các bản khẩu cung, các hiệp ước, các công văn, hoặc các tập ký sự, nhật ký. Các bộ sử về các thời đại, dầu là cổ điển hay danh tiếng đến đâu, cũng chỉ là những sử liệu gián tiếp hay tu soạn. Thuộc về loại này phải kể các công trình của Herodotus, của Titus Livius, hay các bộ sách như *Sử ký* của Tư Mã Thiên, *Tiền Hán Thư* của Ban Cồ, *Hậu Hán Thư* của Phạm - Việp, hoặc *Tư Trị Thông Giám* của Tư Mã Quang.

Đôi khi trong cùng một tập sử liệu, có phần là trực tiếp, mà có phần lại gián tiếp, vì tác giả có thể chỉ đã tham gia vào một phần của câu chuyện được thuật lại, còn phần kia thì phải nhờ vào các sử liệu do kẻ khác đã thuật lại để viết. Một ví dụ rõ hơn cả đó là quyển *Deux Actes du Drame Indochinois* của Tướng Catroux (Plon, 1956). Sách này có hai phần, phần trước thuật về các việc xảy ra trong các năm 1939-1940 tức là những biến cố mà ông là chủ động khi còn làm toàn quyền ở Đông Dương, và phần đó phải kể vào hạng sử liệu trực tiếp, còn phần sau thuật lại chuyện Điện Biên Phủ, một biến cố xảy ra năm 1954, lúc đó không có ông tại Đông Dương.

Một sử liệu còn có thể là tư hay là công, khi đứng về mặt do lai và xếp theo phương diện địa vị của tác giả. Một người có thể viết lại một câu chuyện đã xảy ra với tính cách là một cá nhân, không đại diện cho ai

hết chỉ trừ chính mình mình, khi đó kết quả của công trình ghi chép là một sử liệu tư. Nhưng nếu người đó có một chức vị gì trong xã hội, như làm cảnh sát, làm tỉnh trưởng, làm tổng thống, và ghi chép lại một biến cố với tư cách là cảnh sát, là tỉnh trưởng, là tổng thống, thì bây giờ bài ông viết là một sử liệu công. Theo đó, chúng ta thấy được rằng cùng một người mà có thể chép ra những tài liệu hoặc công, hoặc tư tùy theo tư cách ông mang lấy khi ông chép chuyện.

Trong loại bút ký, có những tài liệu có tính cách lưu đôi, nghĩa là nó có thể được liệt vào hạng lưu ký, mà cũng có thể được liệt vào hạng di tích. Thuộc về loại này, trước hết phải kể các thứ văn chương đồng thời, bất cứ đó là thi ca kịch bản hay tiểu thuyết. Những tác phẩm như vậy không phải có chủ đích truyền lại tài liệu cho sử gia, thế nhưng nó vẫn giúp đỡ mọi cách có hiệu lực. Văn chương, phải chăng là phản ánh của văn hóa, xã hội và trình độ kiến thức của một thời. Đặt tay vào trên đó, sử gia có thể bắt mạch được thực trạng của đời sống của một địa phương, của một quốc gia, mà các sử liệu thường không cho biết một cách đầy đủ.

Nhật báo cũng thuộc về loại này. Nhật báo là một nguồn sử liệu tương đối mới, và có thể giúp sử gia bằng nhiều cách. Thực sự, hằng ngày, nhật báo mang cả thế giới tới cho mọi nhà. Chẳng những nhật báo cho biết

các việc xảy ra, mà nó còn mách bảo về các thứ hàng hóa mới, cùng dẫn dắt đại chúng trên đường nhận xét thời sự. Phân tích công việc của một tờ báo, người ta thấy nó vừa thông tin, vừa quảng cáo, vừa hun đúc dư luận. Theo đó, nếu đứng về mặt ghi ký tin tức và phản ảnh dư luận mà nói thì nó là một sử liệu thuộc về loại lưu ký, nhưng nếu xét đến cách trình bày (ví dụ trên một khổ giấy lớn), nhất là về mặt quảng cáo, thì nó chỉ là một vật dụng ngày nào thuộc về ngày đó, và nếu nó còn lại, là chỉ còn lại như một di tích.

Nhưng cho là di tích hay lưu ký, nhật báo mang một giá trị sử liệu rất cao đối với sử gia, nên phải lưu ý cách riêng. Theo nhận xét thông thường, ngày nay, không sử gia nào mà không dùng đến nhật báo mỗi khi muốn viết về một chuyện đã xảy ra. Trong nhật báo, bên cạnh tin tức, và ngay trong tin tức, sử gia gặp được thứ tài liệu quý nhất họ có thể gặp, những tài liệu trực tiếp. Phần nhiều các tin tức đăng tải trên báo, là do những ký giả lượm lặt hay mục kích tại chỗ. Rồi những cột lập trường, những bài xã luận của nhật báo đều là những chứng tích lấy ngay tại trận của những luồng tư tưởng đang làm cho nhân dân sôi nổi. Đến cả những hình ảnh quảng cáo hay những lời rao hàng cũng vậy, nó nói lên một cách linh động trình độ kỹ thuật và mức sinh sống của người đương thời.

Sau các loại di tích, lưu ký, và loại

hỗn hợp như văn chương, nhật báo vừa nói, còn có một loại sử liệu nữa. Đó là các chuyện truyền khẩu, hay là tập truyền. Đúng như tên của nó, chuyện truyền khẩu là những chuyện đã được chuyển từ miệng này qua miệng khác lâu trước khi được ghi lại bằng văn tự, hay là chưa bao giờ được ghi lại như thế. Thuộc về loại này trước hết có *tiếng đồn*, tức là một lời tường thuật vô danh về một việc xảy ra có tính cách xúc động. Trong cơn đồn đãi sôi nổi, câu chuyện có thể trong một vài ngày, có khi một vài giờ, trở nên lệch lạc và rồi cứ thế in sâu vào óc dân chúng đến nỗi về sau rất khó mà cải chính. *Giai thoại* là những mẫu chuyện có tính cách khác thường về đời sống một người nào, thường rất khó mà biết được ai là người đầu tiên đã nói ra. Nhiều khi trên đường truyền chuyện, giai thoại về người này đã được đem sang gán cho người khác. *Ca dao lịch sử* là một vài câu thơ văn gọn nhưng mô tả một cách bi đát một sự kiện lịch sử, hay một khía cạnh của sự kiện đó. Chúng ta chẳng hạn những câu như :

*Chiều chiều én liệng Trường Máy,
Cảm thương Chú Lla bị vây trong
thành.*

Và như :

*Vạn niên là Vạn niên nào,
Thành xây xương lính, hào đào máu
dân.*

Quan hệ hơn các thứ trên đây, có những bài về lịch sử đặt ra do một hoặc

một số tác giả vô danh nào đó chú ý lợi dụng âm điệu để dễ truyền tụng một biên cớ to tát xảy ra trong địa phương. Những bài về như thế thường dài và câu chuyện chứa nhiều chi tiết linh động vì được lấy ngay ở thực trạng do những người đã mục kích. Thử đọc một đoạn trong bài về « Kinh đô thất thủ » xảy ra ngày 23 tháng 6 năm Ất Dậu (5-7-1885) thì đủ thấy. Sau đây là nói về khi Tôn thất Thuyết sắp đặt xong các việc rồi, về xin phép cha già để khởi sự giao chiến. Về nói :

Quan Tướng hơn thiệt đành rồi,
Về thừa thân phụ vậy thời được hay :
« Thừa cha một rủi một may
« Họ hòa mặc họ tôi nay không hòa.
« Triều đình vẫn võ chư gia
« Họ ưng bụng hòa với nó mà thôi.
« Thừa cùng thân phụ một lời
« Nhất sanh nhất tử tôi thời giao công.
« Tây phiên khí khái anh hùng,
« Giận thay có kẻ triều trong biểu bày.
« Thừa cùng thân phụ được hay
« Tôi đã coi ngày bữa tôi hăm ba.
« Để binh khiến tướng an bài,
« Hăm ba nguyệt kỵ chữ hăm hai lần giờ.
« Cha già tóc bạc như tơ
« Mờ dùi răng rụng chưa nhờ được chí.
« Tôi mà khôi phục thành trì,
« Ăn vàng chữ đỏ vậy thì sắc phong ».

Những đoạn như thế, tất có thể giúp sử gia biết thêm nhiều điều.

Còn có một loại sử liệu truyền khẩu

nữa, đó là các *truyện cổ tích*. Không phải hữu dụng như những bài về, truyện cổ vẫn chứa nhiều mách bảo chung, phần nhiều là về phong tục, tập quán. Trong các chuyện cổ như vậy, yếu tố hoang đường thường chẳng chịt với những chi tiết lịch sử, nên cớ nhiên khi dùng các chuyện đó, sử gia phải hết sức cẩn thận.

3.— Ở đâu có Sử liệu.

Đôi khi chọn xong một đề tài, sử gia có may mắn thấy tài liệu đã sẵn sàng, các tính cách nguyên toàn và chính xác đã được thiết định, tài liệu đã tỏ ra không có gì đáng nghi ngờ và chỉ còn một việc nữa phải làm là đem ra áp dụng vào đề tài riêng hiện đang phải chép. Nhưng sự thường sử gia phải tự mình đi tìm lấy sử liệu, và câu hỏi đầu tiên người ta được nghe là có thể có những tài liệu nào và ở đâu. Khoa Kinh tịch chí, như đã đề cập đến trên kia, sẽ có thể cho sử gia biết rằng văn để hiện tại đã được ai nói tới rồi và đã nói đến đâu. Khoa đó cũng có thể cho biết ở đâu các tài liệu đó có thể gặp được.

Ở Tây phương, khoa Kinh tịch chí đã xuất hiện từ lâu đời và phát triển mạnh mẽ, nên ngày nay sự liệt kê và chỉ vẽ về mỗi văn để đã được hoàn thành đầy đủ. Muốn khảo về lịch sử Mỹ chẳng hạn, sử gia có thể dùng những bộ kinh tịch gồm 29 quyển của các ông Joseph Sabin, W. Eames và R.W.G. Vail nhan đề là *A Dictionary of Books Relating to America*, hay quyển *Bibliographies in American*

History của William H. Allison, hay quyển *History and Bibliography of American Newspapers* của Clarence S. Brigham, v.v... Khoa kinh tịch chỉ ở Đông phương, nhất là ở Việt-Nam, hầu không được như thế. Về vấn đề này, chúng ta thử nghe ông Trần-Văn-Giáp:

« Nói đến *Kinh tịch chí* đông phương, người ta thường nhận định sách *Thất lược* (1) là quyển *Kinh tịch chí* đầu tiên của Trung quốc, và, thường coi Lưu Hâm là người sáng tạo ra khoa ấy (*Từ nguyên*, tí tập, trang 337 và *Từ hải* trang 189). Nhưng thực ra, người mở đầu khoa ấy là Lưu Hưởng, còn Lưu Hâm chỉ là người kế tiếp hoàn thành sách *Thất lược*.

« Đó là lai lịch *kinh tịch chí* nói chung. Còn về ở Việt-Nam thì sao ? Mãi đến đầu thế kỷ XVIII, mới thấy xuất hiện hai thiên. Một thiên là *Nghệ văn chí* trong *Đại việc thông sử* hay đúng ra là *Lê triều thông sử* (xem : Bul. de la Société des Études Indochinoises t. XIII no 1, 1938) của Lê-Quý-Đôn. Thiên này nói về 115 bộ sách Việt-Nam trong đó có 16 bộ thuộc loại *hiển chương*, 20 bộ thuộc loại *truyện ký* là về môn lịch sử. Một thiên nữa, *Kinh tịch chí* trong *Lịch triều hiển chương loại chí* của Phan-huy-Chú. Thiên này nói về 214 bộ sách Việt-Nam, trong đó về loại *hiển chương* có 28 bộ, loại *truyện ký* có 54 bộ (xem tạp chí dẫn trên). Ta có thể thêm vào đó một bản danh sách (33 bộ) làm từ trước năm 1419 (Minh Vĩnh Lạc) bị Trương Phụ cướp về Kim Lăng, kể trong *Việt sử hồng giám cương mục* (Chính biên, q.

XIII, tờ 4).

« Ngoài ba loại ấy, cơ hồ không còn có một bộ nào thuộc loại *Kinh tịch chí*, hoặc giả còn có mà chúng ta chưa được biết đến. Đầu thế kỷ này, tuy cũng có nhiều nhà học giả tư sản Đông Tây chuyên khảo về môn *Kinh tịch chí* Việt-Nam, nhất là về sử học nhưng cũng đều dựa vào ba nguồn tài liệu nói trên là chính. Khoa *Kinh tịch*, chỉ ở Việt-Nam kể ra thật muộn màng và hiếm hoi thật. Sau đây xin kể qua một vài phẩm thích về *Kinh tịch học* Việt-Nam không kể một vài tác phẩm liên quan đến *Kinh tịch học* Việt-Nam của các nhà khảo cứu Nhật Bản.

Năm 1904, P. Pelliot và Cadière đã có khảo về nguồn sử Việt-Nam, tên gọi : « Première étude sur les sources de l'histoire d'Annam (BEFEO, IV p. 617 — 671).

Năm 1932, Phùng - Thừa - Quân (Trung-Quốc) đã viết bài khảo về thư tịch Việt-Nam, tên gọi *An-nam thư lục* xuất bản trong tạp chí *Bắc bình đồ thư quán san* (Bulletin of the Library of Peiping, v. VI no 1, Jan. — Février 1932, p. 59 — 81).

« Năm 1935, Tập san Viên đông bác cổ (BEFEO) xuất bản một bài của E. Gaspardonne, tên gọi « Bibliographie Annamite ».

« Năm 1938, tôi có xuất bản trong *Bulletin de la Société des Études Indochinoises* (N. sér. t. XIII, No 1) một bài khảo về hai thiên *kinh tịch chí* của Lê

(1) Viết vào thế kỷ thứ nhất trước kỷ nguyên.

Quý-Đôn và Phan-Huy-Chú. (*Les Chapitres bibliographiques de Le Quy Đôn et de Phan-Huy-Chú*), là bài tôi đã nghiên cứu xong tại Paris, từ năm 1931 ».

Ngoài những tài liệu về kinh tịch chỉ do ông Trần-Văn-Giáp kể đó, cũng nên thêm quyển *Sử liệu Việt-Nam* của ông Huỳnh - Khắc - Dụng, xuất bản năm 1959. Sách này đã bị phê bình là ít công nghiên cứu, nhưng nó có cái đặc điểm đã gom góp lại việc nghiên cứu của các ông Gaspardonne và Trần-Văn-Giáp, và vì thế cũng có thể giúp được nhiều ích.

Kinh tịch chỉ của Việt-Nam là vậy, nghĩa là nó nghèo nàn vì ít được các học giả lưu ý. Nhưng sử liệu xét ra lại còn nghèo nàn hơn. Ngày nay, sau chiến tranh 1945 — 1954, các thư viện, công cũng như tư, đã bị phá phách, mất mát, nên đa số các bộ sách được liệt kê trong các tập kinh tịch chỉ còn lại cái tên, rất khó tìm được để nghiên cứu? Ở vùng Huế, Dòng Thiên-An còn giữ được một số sử liệu của Linh mục Leopold Cadière để lại, nhưng cũng không đầy đủ bao nhiêu.

— Cách ghi sự kiện

Một đằng không ai phải tôn trọng chân lý lịch sử, cho đến cả những chi tiết nhỏ, cho bằng sử gia và đằng khác trí nhớ không thể nào nhớ được tất cả những điều cần phải sưu tầm để viết, nên chỉ còn một con đường phải theo, đó là ghi lấy các sự kiện tìm tòi được. Bởi đó, việc ghi chép sự kiện

là một bài học sử gia phải biết ngay từ khi bắt đầu bước vào nghề. Những cách ghi chép bừa bãi sẽ làm mất công, mất thì giờ, một cách đáng tiếc.

Thường có hai cách chính quen dùng, cách dùng cặp giấy, và cách dùng phiếu rời. Về trước, mỗi khi cần phải ghi chú, sử gia có thói quen chép vào trong những cặp giấy đóng sẵn, sự kiện gặp được trước ghi vào trước, sự kiện gặp được sau, ghi vào sau. Khi những điều ghi chép được còn ít, thì hệ thống cặp giấy này còn có thể dùng được, nhưng một khi công việc sưu tầm tiếp tục và các sự kiện chồng chất mãi lên, người ta nhận thấy nhiều chỗ bất tiện. Những sự kiện thuộc về một mục có thể nằm rải rác, những việc thuộc về cùng một ngày, một tháng có thể ở mỗi nơi một cái, và muốn dùng sử gia lại phải chép lại lần nữa. Bởi vì, với cặp giấy, người ta không thể xen thêm vào hay sắp đặt theo một thứ tự nào. Sự bất tiện vừa nói, người ta càng nhận thấy nặng nề hơn, khi, vào cuối thế kỷ 19, nhiều thư viện muốn lập lại mục lục về các sách của họ. Hệ thống phiếu rời bây giờ còn mới mẻ, nhưng chẳng bao lâu đã phổ cập khắp nơi. Với những phiếu cỡ lớn hay bé, tùy theo sự cần thiết, người ta ghi chép các đề sách bản lược tóm nội dung, kèm theo vài lời phê bình nữa, nếu có thể, rồi sắp theo thứ tự loại mục và thời gian. Mỗi lần có một tác phẩm mới xuất hiện là họ lại làm như thế và

đem đặt xen vào đúng chỗ của nó. Sử gia dùng hệ thống này có thể tồn công ít nhiều khi ghi chép, nhưng lại rất tiện lợi và nhanh chóng khi đem ra sử dụng.

Về chính việc ghi chép, thì phải tùy trường hợp mà định xem phải ghi nguyên văn hoặc tóm tắt đại ý. Bao giờ nhận thấy một đoạn có tính cách đặc sắc và quan hệ, có thể dùng một cách hữu hiệu vào công việc riêng, bây giờ nên chép lại nguyên văn. Khi nói chép nguyên văn như thế, là muốn nói sử giả phải cẩn thận ghi lại giống hệt như lời của tác giả, với những chấm phẩy và với những lời chính tả riêng nữa, nếu có. Trong những trường hợp không cần thiết, thì toát lược đại ý là đủ, nhưng khi toát lược cũng phải cố gắng chọn lựa vừa tư tưởng vừa chữ dùng để cho nguyên ý của tác giả khỏi bị bóp méo cách nào. Điểm này càng đáng lưu tâm hơn, nếu chúng ta biết rằng về sau, khi trình bày sử phẩm của mình, sách mình hiện đang kê cứu sẽ không còn sẵn nữa để so sánh.

Dấu là chép lại nguyên văn một đoạn văn của kẻ khác hay là chỉ tóm lược đại ý, một điều không bao giờ được quên, vì nếu quên, công trình ghi chép có thể trở thành vô ích, đó là ghi lầy xuất xứ của nơi trích lược. Việc này không phải chỉ cần để có thể cước chú ở bài hoặc sách mình chép ra, hay là để làm thư tịch ở cuối sách, mà nó cần và quan hệ ngay trong việc án khảo giá trị

của chứng tích mình lược được. Lời của người này nói ra có thể đáng tin hơn lời của người khác, đáng tin cho chính người viết, cũng như đáng tin cho độc giả về sau. Vì vậy, xuất xứ phải ghi rõ ràng, do tác giả nào, sách nào, ở trang nào.

Nhưng, sưu tầm sử liệu, người ta không phải chỉ sưu tầm ở sách vở, thư khố, hoặc ở các viện bảo tàng, mà nhiều khi còn phải nhờ ngay đến những người sống đồng thời với chúng ta, vì những người đó biết việc, và chưa có cơ hội để chép ra các việc họ biết. Trong trường hợp này, sử gia hoặc phải viết thư mà hỏi, hoặc đến tận nơi để phỏng vấn. Dấu viết thư hay đến hỏi, trước tiên phải đoán xem con người mình định hỏi có phải là người chắc chắn biết việc hay không, và người đó có sẵn lòng trả lời hay không. Nếu đó là những người không quen biết, thì tất phải mượn kẻ khác giới thiệu cho, nhất là đối với những người có địa vị. Nhưng thế chưa đủ. Trong những khi hỏi đối diện hay hỏi bằng thư như vậy, sử gia phải định rõ mình cần hỏi những gì. Muốn cho có kết quả, câu phải soạn thảo cẩn thận, phải vấn tắt, phải rõ ràng, phải ăn ngay vào việc. Thường nên tránh những câu tổng quát đòi phải trả lời dài dòng. Tuy nhiên việc hỏi nhiều hay ít, hay có thể đặt những câu hỏi thế nào, phần nhiều tùy theo tình quen biết bao nhiêu giữa sử gia và người bị chất vấn.

Ấy, việc sưu tầm sử liệu ạid khái

là như thế. Một mình nó, chúng ta đã thấy nó đòi nhiều công phu, nhiều kiên nhẫn, và cả nhiều khôn khéo trong cách sử sự nữa. Nhưng có sử liệu sẵn sàng trước mắt, chỉ mới là làm được một phần nhỏ của công việc một sử gia. Có sử liệu rồi, còn cần

thiết phải xem xét và đánh giá từng sử liệu một nữa, và đó là phần của việc khảo chứng, như sẽ nói sau.

NGUYỄN PHƯƠNG

Sẽ tiếp : « *Ấn khảo chứng tích* »

— Khi Thượng Đế im hơi lặng tiếng, người ta có thể bắt Người nói những gì người ta muốn.

Jean Paul Sartre

— Ta phải xấu hổ khi làm một điều lỗi, chớ không phải xấu hổ khi ta sửa chữa lỗi ấy.

J. J. Routhare

— Đàn bà rất thích tiết kiệm... trong những cuộc xa xỉ của họ.

Friedrich Hebbel

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO HIỂM BẠN

DESCOURS & CABAUD

BẢO HIỂM

17 - 29, Đại lộ Hàm Nghi — SAIGON

Điện - thoại 23 739

ACCIDENTS — INCENDIE — TRANSPORTS — RISQUES DIVERS

Tơ-Nạn

Hỏa-Hoạn

Hàng-Hải

Linh-Tính

ĐẠI - LÝ

của

MUTUELLE GÉNÉRALE FRANCAISE ACCIDENTS

CENTRALE — RHONE MEDITERRANEE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi nhánh : PARIS — TOURANE — CHOLON — DALAT — CANTHO

VIENTIANE — HONGKONG TANANARIVE — TAMATAVE ABIDJAN DOUALA

NGUỒN GỐC DANH TỪ HỒ GIẤY hay « Một khía-cạnh lý-thuyết trong cuộc tranh-chấp Nga-Hoa »

« **S**Ự xung đột giữa tham vọng của Mao - Trạch - Đông và Nikita Khrouchtchev, dưới những hình thức trá ngụy nhiều hay ít, đã có một kết quả trong nhiều kết quả khác, ấy là thêm cho ngôn ngữ Cộng-sản một danh từ bóng bẩy : HỒ GIẤY. Ngôn ngữ Cộng-sản khô khan, nặng nề, chán tẻ không tưởng tượng được . . . Vì biết vậy nên ta dễ dàng hiểu rằng người chuyên môn nghiên cứu các văn đề Xô-Việt thấy thích thú gặp được một danh từ bóng bẩy. Mặc dù danh từ ấy cũng sẽ trở nên vô vị sau khi được nhắc đi nhắc lại nhàm tẻ, nhưng nó vẫn có một hương vị viễn-phương, hầu như một dấu hiệu của trí tưởng tượng Trung-Hoa.

« Đặc điểm này đáng được chú ý vì tuy Mao-Trạch-Đông là một thi sĩ có lẽ thâm nhuần văn hóa Trung-Hoa

cổ truyền, nhưng ông ta vẫn dùng ngôn ngữ và cách hành văn đặc biệt của Cộng-sản quốc tế trong các sách và diễn văn. Thoạt tiên, ta có thể nghĩ ngược lại, vì Mao-Trạch-Đông đã sinh ra những khẩu hiệu bóng bẩy như « trăm hoa đua nở », như « ngọn gió Đông ». Nhưng xét các bản văn thì thấy rằng ông ta dùng đúng ngôn ngữ chung của người Cộng-sản trên toàn cầu, không phân biệt quốc tịch và năng khiếu cá nhân ».

Ông Georges Albertini đã phê bình danh từ HỒ GIẤY như vậy trong tập-san Đông và Tây phát hành hạ tuần tháng tư năm 1963. Theo những tài liệu ông Albertini sưu tầm được thì Mao-Trạch-Đông đã dùng danh từ này lần đầu tiên năm 1946 tại Diên-An để chỉ bom nguyên tử và Đề Quốc Hoa-Kỳ.

NGUỒN GỐC DANH TỪ HỒ GIẤY

Đầu năm 1946 đã có một thời hưu chiến giữa Cộng quân và Quốc quân Trung - Hoa. Cô Anna Louise Strong, một ký giả Hoa-Kỳ có cảm-tình với Cộng-sản đã lợi dụng thời-gian hưu chiến để viếng thăm các vùng do quân đội của Mao-Trạch-Đông kiểm soát. Cô tới Diên-An trong mùa hạ, và hồi tháng tám năm 1946 trong một cuộc đàm luận với Mao-Trạch-Đông cô hỏi : « Ông có nghĩ rằng Hoa-Kỳ có thể gây chiến tranh với Liên-Xô không ? »

Mao-Trạch-Đông trả lời rằng Đệ-Quốc Mỹ vẫn sửa soạn chiến tranh, nhưng trước khi đánh Liên Xô, Hoa-Kỳ phải xâm chiếm được cả vùng lục địa rộng lớn giữa Liên-Xô và các quốc gia thuộc quyền kiểm soát của Hoa-Kỳ. Ông ta còn nói thêm rằng « bọn phản động Hoa-Kỳ » không thể thỏa mãn tham vọng được vì còn có Liên-Xô.

Cô Strong hỏi thêm : « Nhưng nếu Hoa-Kỳ dùng bom nguyên tử thì sao ? Ông thử tưởng tượng rằng Hoa-Kỳ oanh tạc Liên-Xô nhờ những căn cứ quân sự ở Islande, Okinawa và ở Trung-Hoa lục địa ». (Khi đó Liên-Xô chưa có bom nguyên tử, và trên lục địa Trung-Hoa còn có Tưởng-Giới-Thạch và các căn cứ quân sự của Hoa-Kỳ).

Mao-Trạch-Đông trả lời : « BOM NGUYÊN TỬ LÀ CON HỒ GIẤY bọn phản động Mỹ đã dùng để dọa nạt các dân tộc khác. Nó có vẻ ghê gớm lắm nhưng sự thực nó không đáng sợ. Đành rằng bom nguyên tử

là một khí giới có sức phá hoại rộng lớn. Nhưng không phải vài ba loại khí giới tân kỳ định đoạt được kết quả một chiến tranh, chỉ có các nhân dân mới quyết định được.

« TẤT CẢ CÁC BỌN PHẢN ĐỘNG ĐỀU LÀ HỒ GIẤY. Bề ngoài bọn phản động có vẻ ghê gớm, nhưng sự thực bọn họ không mạnh. Nhìn xa thì thấy rằng các nhân dân mới thực là mạnh chứ bọn phản động thì không mạnh. Lịch sử đã chứng minh rằng Hitler là con hồ giấy, cũng như Mussolini, cũng như bọn đế quốc Nhật. Tưởng-Giới-Thạch và các người ủng hộ hán là bọn phản động Hoa-Kỳ cũng là hồ giấy ».

PHƯƠNG DIỆN CHIẾN LƯỢC VÀ CHIẾN THUẬT TRONG DANH TỪ « HỒ GIẤY »

11 năm sau khi tiếp cô A. L. Strong và dùng danh từ « Hồ Giấy » lần đầu tiên, Mao-Trạch-Đông đã có dịp nêu nó lên hàng lý thuyết. Hồi tháng 10 năm 1957, ông ta đã sang Mạc-Tư-Khoa để dự lễ Kỷ-niệm thứ 40 cuộc Cách mạng tháng 10. Nhân dịp này, một Đại-hội Cộng-Sản đã được tổ chức, triệu tập đại diện của tất cả các đảng Cộng-Sản trên Thế-giới. Ngày 18 tháng 11 năm 1957, Mao-Trạch-Đông đã đọc trước Đại-Hội một bài diễn văn có luận điệu lý thuyết, trong bài ấy có quãng sau đây :

« Tôi đã nói rằng tất cả các bọn phản động, dù có tiếng tăm cường mạnh, cũng chỉ là Hồ Giấy. Lý do là

vì họ cắt hết liên lạc với Nhân Dân. Để chồng lại kẻ thù trong bao nhiêu năm nay rồi, chúng ta đã có một quan niệm: về mặt chiến lược chúng ta phải đem pha tất cả các địch thủ, nhưng về mặt chiến thuật chúng ta phải lưu tâm tới tất cả bọn chúng. Trong một chiến tranh, ta phải mở từng chiến trường một và địch thủ chỉ có thể bị hạ dần dần ».

Tóm tắt theo ngôn ngữ thông dụng, vị trí của danh từ Hồ Giây trong chủ nghĩa Mác-Lê và theo quan điểm của Mao-Trạch-Đông có thể định nghĩa như sau :

a) Chủ nghĩa Mác - Lê căn cứ vào một tin tưởng : chế độ tư bản sẽ phải sụp đổ, và trong khi sụp đổ nó sẽ lôi theo con đẻ của nó là chế độ đế quốc. Về mặt chiến lược, người tin đồ Cộng-sản phải tin rằng « Đế Quốc Tư Bản » sẽ phải chết. Nó phải chết vì bản chất của nó mong manh. Chế độ tư bản như một đồng GIẤY bẻ ngời thì đồ sộ nhưng nếu biết nhóm lửa để đốt thì sẽ cháy tan tành.

b) Nhưng Đế Quốc Tư Bản không chết ngay tức khắc, nó còn cầm cự. Trong khi nó cố gắng tranh đấu để tồn tại nó sẽ mài nanh giữa vuốt, nó sẽ giữ được tính cách nguy hiểm. Vì vậy người Cộng - sản phải luôn luôn cảnh giác lưu tâm tới nó. Về phương diện chiến thuật, Đế Quốc Tư Bản còn là một mãnh Hổ.

Gồm cả hai phương diện chiến lược và chiến thuật, Đế Quốc Tư Bản là con HỒ GIẤY. Đế quốc tư bản và tất cả những

cái gì thuộc về nó kể cả các bọn « phản động » đều nguy hiểm như HỒ, nhưng người Cộng - sản tin rằng Tư Bản sẽ bị tiêu diệt vì bản chất của nó chỉ mong manh như GIẤY mà thôi.

Gần một năm sau, hồi tháng 9 năm 1958, Mao-Trạch-Đông tuyên bố ý định muốn « giải phóng Đài-Loan và các cù lao ở vùng duyên hải ». Lần đầu tiên ông ta cảnh cáo Hoa-Kỳ không được vi phạm hải phận Trung-Cộng. Sau một tháng tập nập và hình hài sửa soạn chiến tranh hầu như chỉ đợi giờ giắc thuận tiện là phát động chiến sự tại eo biển Đài-Loan... cuộc đại công phá Đài-Loan đã không xảy ra.

Để tránh cảnh đấu voi đuổi chuột, Trung Cộng bắt đầu một chiến dịch tuyên truyền đại qui mô, mục đích chính là để công kích Hoa-Kỳ, tức là cường quốc đã ngăn đường Trung-Cộng không cho « giải phóng Đài-Loan ».

Dưới nhan đề « TẤT CẢ CÁC BỌN ĐẾ QUỐC VÀ PHẢN ĐỘNG ĐỀU LÀ HỒ GIẤY » Trung-Cộng đã phát hành hồi tháng 10 năm 1958 một cuốn sách gồm tất cả các diễn từ và luận văn của Mao-Trạch-Đông liên quan tới các loại « Hồ Giây ». Quyển sách này được ăn loát rất nhiều và là một tài liệu học tập cho các đoàn thể và nhân dân.

Tại Trung-Cộng, ngoài Đảng Cộng Sản cầm quyền, còn có một số đoàn thể bù nhìn mệnh danh là « dân chủ ». Tuy bị Cộng-sản kiểm soát nhưng ít ra trong những buổi học tập, các

NGUỒN GỐC DANH TỪ HỒ GIẤY

đoàn thể ấy cũng còn chút ít tự do phát biểu ý kiến miễn là không chạm tới các lãnh tụ hay các điều mà các lãnh tụ coi là căn bản. Danh từ HỒ GIẤY đã được đem ra giải thích và tán dương. Một số đồng phê bình như sau : « về phương diện lý thuyết gọi Đề quốc Tư Bản là Hồ Giấy thì đúng. Nhưng tài liệu không mách bảo những phương pháp cần thiết để giải quyết các vấn đề cụ thể (liên quan tới các loại Hồ Giấy). »

Ban Chấp Hành Đảng Cộng Sản Trung Hoa đã không lưu tâm tới lời phê bình ấy (về sau nhiều Đảng Cộng Sản Âu-Châu cũng phê bình như thế). Nhân Dân và các cán bộ cứ phải tiếp tục học tập. Đề hướng dẫn học tập, tờ Nhân Dân Nhật Báo, số phát hành ngày 13-11-1958, giải thích:

« Trong các cuộc thảo luận về sự khôn ngoan của Chủ-tịch Mao-Trạch-Đông coi chủ nghĩa đề quốc và bọn phản động như những con hồ giấy, và về tính cách quan trọng của lời kết luận ấy, mỗi người trình bày những thí dụ hùng hồ rút trong kinh nghiệm của mình... rồi tất cả kết luận rằng các loại hồ giấy có hình thức đáng sợ thực, nhưng dù đáng sợ đến đâu, Hồ Giấy cũng sẽ bị đè bẹp bởi dân tộc Trung-Hoa tỉnh dậy ».

Để cho khẩu hiệu Hồ Giấy được phổ biến sâu rộng trong Nhân Dân, Trung-Cộng đã xuất bản nhiều sách loại phổ thông : « Làm thế nào nhận được hồ giấy », « Tiểu sử con hồ giấy lời đuổi »,.. Trung-Cộng cũng làm cả

về nữa. Tất cả các tài liệu ấy đều công kích Hoa-Kỳ.

Các chi tiết tóm tắt ở trên cho ta thấy rằng đối với Trung-Cộng, danh từ Hồ Giấy không phải chỉ là một khẩu hiệu rỗng nghĩa để chửi bới và tuyên truyền. Không những nó có một tác dụng chính trị, một tác dụng đấu tranh, nó còn có giá trị tượng trưng cho lý thuyết của Mao-Trạch-Đông. Ta sẽ xem sau rằng về « phương diện Hồ Giấy » Liên - Xô cũng bất đồng ý kiến với Trung-Cộng, và sự bất đồng ấy có tính cách lý thuyết.

Năm 1960, Trung-Cộng xuất bản cuốn IV trong Toàn Bộ Tác Phẩm của Mao-Trạch-Đông Tờ Nhân Dân Nhật Báo phát hành ngày 29-9-1963 đã giới thiệu cuốn sách ấy như sau :

« Lời giáo huấn của đồng chí Mao-Trạch-Đông coi chủ nghĩa đề quốc và mọi loại phản động như những con hồ giấy, đã được chứng minh bởi sự đại thắng của dân tộc Trung-Hoa và sẽ còn được chứng minh nữa bởi sự phát triển của lý tưởng cách mạng tại nước Trung-Hoa cũng như trên toàn thế giới ».

... Nhưng các Đảng Cộng Sản trên thế giới không đồng ý với lý thuyết Hồ Giấy của Mao-Trạch-Đông. Năm 1960, nhân dịp Đại Hội các Đảng Cộng Sản trên thế giới triệu tập 81 đoàn đại biểu và nhóm họp tại Mạc-Tư-Khoa hồi tháng 11, lãnh tụ Đảng Cộng Sản Pháp, ông Thorez, đã công kích Hồ Giấy như sau :

« Chúng tôi nói thực rằng chúng

tôi không hiểu lập luận của các đồng chí Trung-Hoa về Hồ Giây. Chúng tôi không hiểu được rằng phải coi thường Đề Quốc về phương diện chiến lược, nhưng lại phải lưu tâm về phương diện chiến thuật. Một lập luận tôi tâm như vậy không soi sáng cho các dân tộc để biết các lực lượng đề quốc và để tìm phương pháp đánh đổ » (1)

Ông Togliatti, Lãnh tụ Đảng Cộng Sản Ý-Đại-Lợi, cũng không đồng ý với Mao-Trạch-Đông. Đảng Cộng Sản Ý đã tổ chức Đại-Hội thứ 10 từ ngày 2 tới ngày 8 tháng 12 năm 1962. Trong tờ trình Đại - Hội, ông Togliatti viết : «... Chủ trương rằng các đề quốc chỉ là hồ giấy có thể lật đổ bằng một cái hích vai, là một điều sai lầm ».

Cuối năm 1962, cuộc xích mích Nga-Hoa đã trở thành trầm trọng, trở thành một xung đột công khai. Nhân vụ Quy-Ba, Trung-Cộng đã mở một chiến dịch để ủng hộ Fidel Castro và để gián tiếp công kích Khrouchtchev. Ông này vẫn giữ một thái độ dè dặt trước thái độ ương ngạnh của Trung - Cộng, nhưng vì lần này Mao - Trạch - Đông gián tiếp ám chỉ chính sách của ông ta qua vụ Quy-Ba, nên ông đã phải giải thích trước Hội Đồng Tối Cao Xô-Việt. Lần đầu tiên, Khrouchtchev công khai đả kích lý thuyết hồ giấy :

Trong bài diễn văn đọc trước Hội Đồng Tối Cao Xô-Việt, Khrouchtchev không nhắc tới tên Mao-Trạch-Đông (cũng như Mao không chỉ tên ông ta để công kích), nhưng Khrouchtchev đã gián tiếp trả lời tất cả các lý luận của

Mao. Ông này dùng vụ Quy-Ba để phê bình Khrouchtchev, Khrouchtchev dùng lý thuyết Hồ Giây để phê bình Mao-Trạch-Đông :

«Đành rằng bản chất của chủ nghĩa đề quốc không thay đổi, nhưng Đề Quốc bây giờ khác Đề Quốc hồi xưa nhiều rồi, bây giờ Đề Quốc không còn bá chủ thế giới nữa. Nếu cho rằng hiện thời nó chỉ là con HỒ GIẤY, thì các người nói như vậy phải biết rằng con hồ giấy ấy có răng nguyên tử. Nó có thể dùng răng của nó và ta không thể đối phó với nó một cách chệnh mảng ».

Báo chí đã nhắc đi nhắc lại câu nói này nhiều lần. Nếu đọc cả quang văn trích lại ở trên, ta thấy rằng con người cộng sản số 1 đã phạm một lỗi nặng vì một người Cộng sản phải luôn luôn tránh các mâu thuẫn : trong có một quang văn Khrouchtchev đã trình bày hai ý kiến mâu thuẫn. Ông Albertini, một ký giả chồng cộng, không thiên về Mao hay về Kút, đã phê bình như sau :

« Có lẽ không cần phải nhấn mạnh vào những cái gì vụng về, bất nhất, lúng túng, trong cách bỏ cục các ý kiến của Khrouchtchev. Nếu Đề Quốc tuy không thay đổi bản chất nhưng đã kém sức mạnh, thì lý thuyết của Mao-Trạch-Đông, mặc dầu là quá đáng, cũng không quá sai : Đề Quốc là con Hồ Giấy vì đã kém sức ».

(1) Mới đây (1963) Đảng Cộng Sản Pháp có xuất bản một cuốn sách nhan đề « Problèmes du Communisme International ». Trong cuốn này có nói tới Hồ Giây và có đăng bài diễn văn năm 1960 của Thorez.

Tất nhiên Mao-Trạch-Đông nhận thấy những mâu thuẫn trong lập luận của Khrouchtchev. Lãnh tụ Trung-Cộng không ra mặt tranh thuyết với Khrouchtchev, Đảng Cộng-Sản Trung-Hoa cũng không đích danh chỉ tên Khrouchtchev, chỉ gián tiếp trả lời bằng cách đá kích Togliatti và dùng chữ « có người, có những người ». Tờ Nhân Dân Nhật-Báo, cơ quan của Đảng Cộng-Sản Trung-Hoa, sô phát hành ngày 31/12/1962, đăng một bài xã thuyết nhan đề « Những bất đồng ý kiến giữa đồng chí Togliatti và chúng ta ». Dưới đây là trích dịch vài quãng trong bài xã thuyết ấy :

« Đồng chí Togliatti và một số người khác đã chông đời lập trường Mác-Xít Lê-Ni-Lit của Đảng Cộng-Sản Trung-Hoa, theo lập trường này Đề Quốc và tất cả các bọn phản động chỉ là Hồ Giầy.

« Trong tờ trình mới đọc tại Đại-Hội Cộng-Sản Ý, đồng chí Togliatti đã viết : « chủ trương rằng các đề quốc chỉ là Hồ Giầy có thể lật đổ bằng một cái hích vai là một điều sai lầm ». Rồi lại có người khác nói rằng đề quốc bây giờ có răng nguyên tử, thì làm sao gọi là Hồ Giầy được ?

« Sự cố chấp còn xa sự thực hơn sự dốt nát. Nếu đồng chí Togliatti và một vài người khác không dốt nát, thì họ cũng đã có ý xuyên tạc lập trường của Đảng Cộng - Sản Trung - Hoa. Bằng cách ví Đề Quốc và bọn phản động với những con Hồ Giầy, đồng chí Mao-Trạch-Đông và các người Cộng sản Trung-Hoa đã quan niệm văn đề

một cách Bao Quốit và xa rộng, đã ý niệm được cốt tủy của văn đề. Phân tích tới cùng, lý thuyết của đồng chí Mao-Trạch-Đông có nghĩa là Nhân Dân mới là mạnh chứ không phải Đề Quốc và bọn phản động.

« Lập trường khoa học của đồng chí Mao-Trạch-Đông đã được minh xác từ lâu bởi sự đại thắng của cuộc Cách Mạng Nhân - Dân Trung - Hoa. Lập trường ấy đã khuyến khích tất cả các quốc gia và các dân tộc bị đè nén phải tranh đấu cách mạng. Chúng ta thử hỏi đồng chí Togliatti và các người đã chỉ trích lập trường ấy xem lập trường của đồng chí Mao-Tsé-Toung sai ở điểm đặc biệt nào ?

« Đồng chí Mao-Trạch-Đông đã phân tích chủ nghĩa đề quốc và bọn phản động một cách hoàn toàn phù hợp với cách phân tích của Lénine.

« Lập luận của Lénine phân tả NGƯỜI KHÔNG LỖ CHÂN ĐẤT THỔ chẳng phải cũng đúng như lập luận của đồng chí Mao-Trạch-Đông hay sao ? Chúng tôi xin hỏi : trong lập luận của Lénine có điểm nào sai ? Hay là lập luận của Lénine đã lạc hậu rồi ? Không thể kể hết thí dụ trong lịch sử chứng minh rằng Đề Quốc và các bọn phản động là Hồ Giầy tất cả.

« Việc các đề quốc có khi giới nguyên tử không mấy may thay đổi bản chất của Đề Quốc đã bị thời nát tận tủy, đang suy sụp, bẽ trong đã yếu rồi, chỉ còn có vỏ ngoài là mạnh. Việc ấy cũng không mấy may thay đổi nguyên tắc Mác-Xít

Lê-Ni-Lit căn bản, theo nguyên tắc ấy, các đám bình dân là yếu tố quyết định trào lưu lịch sử. Khi nói chuyện với Anna Louise Strong, đồng chí Mao-Trạch-Đông đưa ra lần đầu tiên lập trường rằng chủ nghĩa đề quốc và bọn phản động chỉ là Hồ Giầy, đề quốc đã có bom nguyên tử rồi... »

Cứ như thế, thao thao bất tuyệt nhắc đi nhắc lại những ý kiến đã nói nhiều lần rồi... Tất nhiên Liên-Xô không chịu. Ngày 7-1-1963, tờ Pravda viết :

« Chúng ta hãy cùng cố sự thống nhất của phong trào cộng sản để đưa HÒA BÌNH và CHỦ NGHĨA XÃ HỘI tới thắng lợi... Những người theo chủ nghĩa giáo điều đã nói rằng không sợ một chiến tranh nguyên tử, rằng bom nguyên tử là Hồ Giầy. Lý luận ấy chỉ là một sự từ bỏ chính sách Sống Chung Hòa Bình (ám chỉ Mao-Trạch-Đông mấy năm trước chủ trương 5 nguyên tắc Sống Chung Hòa Bình).

« Lập trường Hồ Giầy không thể so sánh với cách định nghĩa đầy đủ của Lénine về chủ nghĩa đề quốc bởi vì danh từ bóng bảy « Hồ Giầy » chỉ nói lên sự yếu đuối của chế độ các đề quốc, còn danh từ « Người Không Lỗ Chân Đất Thố » của Lénine hàm nghĩa một sức mạnh có thực, mặc dầu sức mạnh ấy chỉ đứng trên hai chân đất thố, tức là có một căn bản không vững chắc ».

* *

Nguồn gốc danh từ Hồ Giầy trình

bày ở trên cho ta một cảm tưởng về trình độ thấp kém và tính cách lô lăng của cuộc cãi vã lý thuyết giữa hai lãnh tụ cao cấp nhất trong thế giới cộng sản hiện tại.

Một số người thích nghĩ rằng các người Cộng sản thường giỏi về lý thuyết ; một vài người khác thích nghiên cứu chủ nghĩa Mác-xít để tìm những điểm giúp cho họ thấu hiểu hơn những phương pháp cộng sản mà họ cho là có gì huyền diệu. Mong rằng nguồn gốc danh từ Hồ Giầy sẽ cho họ một cảm tưởng đứng mực về trình độ hiện tại của người lãnh đạo Cộng Sản về phương diện lý thuyết.

Đành rồi, họ nghiên cứu các phương pháp Cộng - Sản để ngăn ngừa chứ không phải để bắt chước, vì các phương pháp Cộng-sản phản ánh tâm lý vô nhân đạo của con người Cộng sản mà họ vẫn tỏ cáo. Thế giới mệnh danh là Tự Do cũng không thể dùng các danh từ cộng sản ; các danh từ này có cái gì hàm hồ lỗ bịch, khiến cho nhân dân phải cười thảm ; tính cách hàm hồ rất nguy hiểm vì các người cộng sản dựa vào để khùng bô dân. Bởi vậy các phương pháp và các danh từ cộng sản đều gây nghi kỵ.

Vụ tranh chấp Nga - Hoa hiện tại không phải là vụ xung đột đầu tiên trong thế giới Cộng-sản. Khi đã có xung đột thì thường có nhiều lý do ; lý thuyết nhiều khi là một áo khoác ngoài để che đậy những ý muốn không tiện nói ra ngay, chỉ phát lộ dần dần.

Cuộc tranh dành đang tiếp diễn giữa

Mao - Trạch - Đông và Khrouchtchev khác hẳn hai vụ xung đột trước trong khối Cộng-sản : Trotski với Staline và Tito với Staline.

Tito li khai với Staline vì Staline áp bức các Đảng Cộng-sản Đông-Âu và Ba-Nhi-Cán, áp đảo chính phủ Nam Tư do Tito cầm đầu, cho thuộc hạ làm những việc bẩn thỉu, bắt công và tàn ác trên lãnh-thổ Nam-Tư khiến cho con người Cộng-sản Tito mất chính nghĩa đối với dân. Nếu có sự tranh chấp lý thuyết giữa Tito và Staline thì cũng chỉ trong phạm vi áp dụng « lý tưởng xã hội », không có cãi cò về các nguyên tắc thực thi chủ nghĩa Cộng - sản. Tội « xét lại » mà Staline gán cho Tito có nghĩa là « áp dụng lý tưởng xã hội theo quan niệm khác các chỉ thị của Staline ». Sự thực, Tito chỉ muốn thoát khỏi áp lực của Staline, không tranh dành quyền hành không tranh chấp lý thuyết với Staline.

Trotski tranh dành thế lực trong Đảng Cộng-sản Liên-Xô với Staline và cho rằng quyền hành quá rộng rãi của Staline, Tổng Thư-Ký Đảng, sẽ đưa tới một chế độ độc tài cá nhân sai với nguyên tắc Mác-Xít Lê-Ni-Lít. Vậy vụ tranh chấp bắt đầu bằng một sự tranh dành quyền thế, về sau mới thiên sang lãnh vực lý thuyết. Trotski chủ trương Cách-mạng thường trực tại nhiều nơi cùng một lúc. Staline chủ trương ngược lại và cho rằng làm như Trotski là sai các giáo huấn Mác-Xít Lê-Ni-Lít. Theo Staline, trong bước đầu chỉ nên áp dụng chủ nghĩa Cộng-sản trong một quốc gia thôi (tức

là Nga-La-Tư), rồi lấy quốc gia ấy làm bàn đạp : Liên - Xô sẽ thành ra quê hương của các người Cộng-sản, các cán bộ Cộng-sản trên thế giới sẽ tới Liên-Xô để học hỏi để tìm cảm hứng.

Mao-Trạch-Đông bắt đầu cuộc tranh chấp bằng cách nêu lên các vấn đề lý thuyết. Mao làm như vậy vì hai lẽ : a) đối với người Cộng - sản, chỉ có người nào lãnh đạo được chủ nghĩa mới xứng đáng là người lãnh đạo tối cao của toàn khối Cộng-sản, b) Trong lãnh vực lý thuyết, Khrouchtchev không có thành tích nào hết, trái lại Mao đã viết sách để phong-phú hóa chủ nghĩa Cộng-sản. Mỗi đầu năm 1963, Mao mới đích danh chỉ tên Khrouchtchev để công kích, nói hẳn rằng Khrouchtchev đã phản bội chủ nghĩa và không còn xứng đáng lãnh đạo toàn khối Cộng-sản quốc tế, hàm ý rằng Mao mới là người xứng đáng. Trước năm 1963, Mao không đề lộ tham - vọng của mình, nhưng có lẽ Khrouchtchev đã biết từ năm 1960, nhất là từ năm 1962 với ấn bản thứ hai của cuốn « Làm thế nào thành người Cộng sản tốt », phổ biến trên toàn lục địa Trung-Hoa. Trong phần lý thuyết của cuốn này chỉ có viện ngữ của Marx, Lénine và Mao-Trạch-Đông Marx và Lénine chết rồi, vậy chỉ còn có Mao là xứng đáng kế nghiệp.

Đại cương lịch trình tranh đấu của Mao-Trạch-Đông ngược hẳn với Trotski, một đảng thì nói ngay ra tham vọng của mình, một đảng thì để cho cuộc tranh chấp chín mồi mới chịu nói ra. Dù sao, tham vọng của Mao-

Trạch-Đông cũng đã bộc lộ, và ta có thể nói rằng phần lý thuyết trong vụ tranh chấp chỉ là một áo khoác ngoài dùng để che đậy những tham vọng cá nhân và đảng phái.

Hiện giờ trên thế giới còn nhiều vụ lúng túng do Cộng sản xui nên. Có lẽ vụ xung đột Nga - Hoa đã có

kết quả khiến cho các chiến tranh địa phương có Cộng-sản dính vào, chưa bành trướng thêm được. Còn việc lợi dụng vụ xung đột ấy để ổn định các tranh chấp địa phương hoặc để xây-dựng Hòa Bình Thế Giới, thì có lẽ còn là một viễn vọng.

NGUYỄN-HỮU-DUNG

★ Những đứa con, chúng an ủi ta tất cả... trừ việc đã có chúng...

Taine

★ Trong tất cả kẻ thù, người nguy hiểm nhất là người mà ta vốn là bạn.

Alphonse Karr

★ Người ta không nói sai khi bảo rằng đàn bà là phân nửa đàn ông. Vì một người đàn ông có vợ chỉ còn là phân nửa của người đàn ông.

Romain Rolland

Đại Nam Văn Hiến phát hành lần thứ hai

- Một của những cuốn sách truyền tay gây dư luận sôi nổi trong văn giới trí thức Thủ Đô ; mà chính phủ trước cấm lưu hành :



NHẠN DIỆN VÓC DÁNG NGUYỄN ĐỨC QUỲNH

★ Thêm bài vào đề án-bản-hai của **THẾ PHONG**

(... người ta có cái khoái là biết được rất nhiều cái sự bí mật về nhóm Hàn Thuyên... về ông Nguyễn Đức Quỳnh. Nó là mối tương quan giữa ông Quỳnh và các tay tổ văn nghệ khác ở Saigon. Thiên hạ thì nhau đọc và hỏi mượn nhau loan cả lên... » Phan Nghị bình luận khi sách xuất bản rô-nê-ô trên BÁO MỚI 18-6-1962.

Phát hành toàn quốc • In đẹp trang nhã • Giá phổ thông

TÌM HIỂU HỒ - XUÂN - HƯƠNG

hay Một vài nhận định về tâm lý học, phân tâm học và văn học

- Thế nào là một « phản-ứng theo-điều-kiện » ?
- * Thế nào là một trạng-thái nén-tâm ?
- * Hồ Xuân-Hương có bị nén-tâm về tình-dục không ?
- * Trạng-thái nén-tâm và sự thăng-hoa của bản-năng khác nhau thế nào ?

Từ khoảng 10 năm nay, chúng ta bắt đầu dùng nhiều những danh-từ thuộc về phân-tâm-học. Chữ chúng ta dùng nhiều nhất là chữ « mặc cảm » : mặc-cảm phạm tội, tự ti mặc cảm... Sau, chúng ta dùng chữ « trạng thái nén tâm » — có người gọi là uất-sức —, về danh từ sau này, chúng ta quen dùng một chữ pháp rất dễ đọc, dễ nhớ, và có một thứ âm thanh nó chứng minh người dùng nó có nhiều học vấn : đó là chữ *refoulement* và tính từ của nó là *refoulé*.

Sự thật, không riêng gì người Việt chúng ta mới mắc phải cái bệnh sinh dùng chữ mới như vậy. Người Pháp — chỉ kể

những người cầm bút làm báo, viết văn mà chúng ta được đọc — cũng mắc phải bệnh đó. Và, điều đáng kể nhất, đồng thời cũng làm cho chúng ta bốt... xấu hổ nhất, là họ cũng có nhiều người dùng nhầm như một số lớn bạn hữu của chúng ta. Báo chí Pháp cũng có mục phê bình, giới thiệu sáng tác phẩm văn nghệ, và những cây bút phụ trách mục này có thể giới về văn học mà mù mịt về tâm lý học. Cho nên họ cũng nhiều phen lẫn lộn giữa những danh từ *instinct* (bản năng) *complexe* (mặc cảm) *sentiment* (tình thần) v.v...

(Một nhà phê bình, viết cho một tờ tuần báo văn chương Pháp, cách đây 3,

4 năm, có phê bình cuốn « *Les Séquestrés d'Altona* » của J. P. Sartre, và nói nhiều về nhân vật Frantz, nhà phê bình này đã cho Frantz (bầy trò tòa án của loài cua) bị theo đuổi bởi một mặc cảm phạm tội rất nặng. Một nhà phê bình Việt, dịch bài của tác giả Pháp, cố nhiên cũng « viết » : Frantz bị dày vò bởi mặc cảm phạm tội !

Cái tai ác nhất là những chữ nói trên đây, hoặc có hoặc không có trong tự-điển, đều không được định nghĩa rõ rệt bằng minh chứng. Và, lạ lùng hơn nữa, là (trong phạm vi hiểu biết của những người viết bài này) chính các vị bác học khai sáng ra khoa học phân tâm cũng không xác định rằng họ dùng những chữ đó theo quan niệm thế nào về chúng.

Thành thử người muốn học hỏi — nguy cấp thay ! — phải đọc thật kỹ từng chữ, từng câu, và phải suy nghĩ thật nhiều theo những cuốn sách dày cộm cộm. Rồi sau đó, tin chắc mình đã thấu đáo vấn đề, thì cố gắng trình bày. Thậm chí có thể bảo rằng mình đúng, rằng người khác sai, mà thật ra, ai nấy vẫn chỉ bằng cứ vào chủ quan của chính mình.

Bài sau đây, mặc dù lời văn có khi quyết đáp, vẫn cần phải được bạn đọc xét nghị và thảo luận còn nhiều . . .

..

TỪ TÂM-LÝ-HỌC ĐẾN PHÂN-TÂM-HỌC.

Cách đây khoảng 100 năm, người đời, và cả các nhà khoa học, còn chưa giải-quyết được vấn đề liên hệ giữa tinh thần

và vật chất. Có người bảo tinh thần mạnh, có người bảo vật chất còn mạnh hơn. Nhưng nhận xét tình hình chung, tư tưởng của đại chúng còn quá thiên về đời sống tâm linh, người ta có thể nói, trước khi có Karl Marx và Ivan Pavlov với Sigmund Freud ra đời, triết học và khoa học vẫn đành coi tinh thần là tinh thần, vật chất là vật chất. Hai danh vị này riêng biệt nhau, có thể ảnh hưởng lẫn nhau, nhưng ảnh hưởng ra sao, bên nào mạnh, bên nào yếu, người ta chưa quyết-định được.

Đến Karl Marx, nhà học giả (ở đây chúng ta không nói đến khía cạnh cách-mạng của K.M.) này quả quyết là vật-chất không những mạnh hơn tinh thần, mà chính là nguồn gốc của tinh thần, có khả năng chi phối tinh thần con người suốt theo dòng lịch sử. Karl Marx đã viết rất nhiều sách để chứng minh điều đó.

Khỏi nói đến vấn đề tư tưởng của Karl Marx đúng hay sai trong phạm vi bài này, chúng ta công nhận rằng vào hạ bán thế kỷ thứ 19, quan niệm mới mẻ và phương pháp lý luận rất độc đáo của ông đã ảnh hưởng rất nhiều đến đủ các bộ môn sinh hoạt của loài người nói chung, của các triết gia, học giả Âu-Châu nói riêng.

Nói riêng nữa là về bộ môn tâm lý học. Cho đến gần cuối thế kỷ thứ 19, hầu hết các nhà nghiên cứu về tâm lý con người đều tin rằng tất cả mọi cử chỉ của người ta đều do tinh thần chỉ huy. Hệ thống chỉ huy bắt đầu ở bản năng (thiện, ác), bản năng gây nên ý nghĩ, ý nghĩ sai phải thần kinh hệ, thần

kinh hệ chỉ huy chân tay, mắt, miệng v.v. Con đường đi từ bản năng đến thần kinh hệ hoàn toàn vô hình. Người ta chưa biết ngoại cảnh, cũng như thể xác con người, do chỗ nào mà ảnh hưởng vào ý nghĩ của nó.

Pavlov và Freud ra đời vào giữa lúc đó. Năm Pavlov 28 tuổi, Freud 21 tuổi, Karl Marx xuất bản cuốn *Le Capital*, chắc hai ông đã có đọc ngay và chịu ảnh hưởng không ít.

Ở cách nhau ngót 2.000 cây số, Pavlov và Freud cùng đi tìm con đường do đó vật chất ảnh hưởng đến tinh thần. Pavlov người Nga. Có lẽ vì dân Nga luôn luôn bị đói khổ, nên nhà bác học hướng tâm theo ngoại cảnh, đi tìm sự hệ trọng của miếng ăn. Miếng ăn chỉ phối các hạch trong cơ thể — thứ nhất các hạch của bộ phận tiêu hóa — và chính các hạch đó chỉ phối phản ứng của con người.

(Pavlov, như chúng ta biết, là người thí nghiệm mỗi khi cho một con chó ăn một miếng thịt lại đánh một tiếng chuông, con chó trông thấy miếng thịt và nghe thấy tiếng chuông thì ứa nước miếng. Cứ như thế ít lâu, Pavlov không đưa miếng thịt ra nữa mà chỉ đánh một tiếng chuông, con chó vẫn ứa nước miếng. Pavlov gọi như thế là con chó đã có « phản ứng theo điều kiện », nghĩa là, về phương diện lý thuyết, người ta có thể dùng một (hay nhiều) điều kiện thuộc ngoại cảnh mà chỉ phối phản ứng của một sinh vật. Sự khám phá tân kỳ này đã bị Mao-Trạch-Đông dùng vào phương pháp « Tẩy não, Hoán não » trong các cuộc chỉnh huấn : bắt cán bộ và dân chúng phải tập tin ở đảng, tập thù ghét quân

địch cho đến khi lòng tin và sự thù ghét này trở thành thói quen, khiến cho con người tự nhiên có lòng tin ở đảng, và tự nhiên thù ghét quân địch thật sự).

Sigmund Freud, trái lại, sinh trưởng ở thành phố Vienne thơ mộng của một nước Áo phần thịnh. Freud đi tìm sự quan hệ của ngoại cảnh theo con đường đẹp đẽ hơn : con đường của tình ái. Tình ái, trong tâm tư nhà bác học, chỉ là *tính dục*, để sau cùng, chỉ còn là *tính dục* không thôi (2).

(2) ; *Tính dục*, tiếng pháp là *sexualité*, Freud gọi là *Libido*, là những động lực tiềm tàng trong con người, thúc đẩy con người tìm cách làm cho mình cảm thấy dễ chịu, nghĩa là cho khoái cảm. Theo Freud, tất cả mọi khoái cảm (vật chất cũng như tinh thần — như tình bạn, tình mẫu tử, phụ tử —) đều có tính chất tính dục. Còn *Tính dục*, tiếng pháp là *génitalité*, chỉ những khoái cảm do sự thỏa mãn của bộ phận sinh dục của người đã trưởng thành về phương diện sinh lý mà có ; khoái cảm tính dục chính là khoái cảm dâm dục.

Do sự phân biệt trên, theo Freud, một người có nhiều tính dục (*sexuel*) không bắt buộc phải là một người có nhiều tính dục (*génital*) ; tính dục có thể gây ra nhiều tình cảm tốt đẹp (tình bạn, tình mẫu tử v.v.) còn tính dục chỉ là do dâm dục mà có ; tính dục thuộc phạm vi gần hoàn toàn vật chất, vì phần nhiều chỉ là để thỏa mãn những thôi thúc của cơ quan sinh dục. Marcel Proust chẳng hạn, là một người nhiều tính dục, tha thiết yêu đương, khát khao tình cảm, nhưng không phải một người nhiều tính dục. Don Juan, ngược lại, là một con người tính dục, đi tìm đàn bà (mà anh ta gọi là đi tìm người yêu) đối với Don Juan thực ra chỉ là để giải đáp nhu cầu dâm dục. Don Juan dâm dục chứ không đa tình. Marcel Proust thì lại đa tình chứ không dâm dục. Hơn thế nữa, Don Juan còn có thể coi là một người bất lực về phương diện tinh thần và tình cảm (*un impuissant mental*).

TÌM HIỂU HỒ-XUÂN-HƯƠNG

Freud hết sức tin vào sức mạnh của tính dục. Theo quan niệm của ông, một phần lớn những hành động của người ta đều do bản năng tính dục chi phối. Rồi chính vì muốn chứng minh con đường đi của sự chi phối đó Freud đã nghĩ đến một tia sáng vô hình soi trong một căn phòng kín và tối, không cho phép ta phân biệt rõ ràng đồ vật chứa đựng bên trong.

Căn phòng chứa đựng tất cả những kho tàng, vốn liếng tinh thần, tình cảm, trí tuệ của con người, vút bừa bãi ngổn ngang, hoàn toàn vô trật tự. Ở ngay chính giữa căn phòng tối đó, có một căn phòng thứ hai, bé nhỏ hơn nhiều, nhưng rất sáng, trong đó mọi đồ vật đều được sắp xếp có thứ tự.

Căn phòng tối chứa đựng vô thức của con người ; nó bao la so sánh với căn phòng sáng đặt ngay trong lòng nó. Trong căn phòng sáng là ý thức của chúng ta. Hai căn phòng thông qua được với nhau bằng một cái cửa. Nhưng đứng chắn ngay chính giữa cái cửa ấy là một con nghia-khuyển rất khôn ngoan khe khắt, chỉ để cho sang căn phòng sáng những gì nó đã lọc lựa kỹ càng ở trong căn phòng tối ; con nghia-khuyển chắn cửa đó — một thứ cửa ải — là lương tâm, là bà kiểm- duyệt của linh hồn con người.

Đây là hình dung rất sơ lược tâm hồn con người : tâm hồn một phần lớn là cả một sự bí ẩn, chúng ta chỉ biết có một phần rất nhỏ của nó.

Trước Freud, khoa tâm lý học cổ điển đã nhìn nhận là ý thức có nhiều mức độ khác nhau. Cái ý thức trong sáng nhất là ý thức cho phép chúng ta, ví dụ, dừng lại nói chuyện với một người bạn ở ngoài

phố, hiểu biết rõ ràng câu chuyện anh ta nói với chúng ta và những câu chúng ta trả lời anh ta. Nhưng trong khi chúng ta đứng nói chuyện với bạn, ngay cùng một lúc, tuy không chú ý đến một chút nào mà chúng ta cũng vẫn ghi nhận được những chi tiết lặt vặt của các sự việc bao quanh ta : ví dụ, chiếc xe buýt vừa đi ngang qua, sạp báo bên đường, cặp kính đen của người cảnh binh đứng giữ trật tự. Những chi tiết lặt vặt ấy, chúng ta không cố ý ghi nhận và nhớ lấy, nhưng nếu cần đến chúng vẫn có thể trở lại ký ức của chúng ta được. Chúng đã vào nằm ở bên trong căn phòng tối của *tiềm thức* của chúng ta (*le subconscient*).

Nhưng, trong tâm-linh của chúng ta còn có một khoảng vô cùng bí mật mà phần nhiều chúng ta không hề biết đến. Thỉnh thoảng, chúng ta chợt nghĩ đến một điều, hay làm một cử chỉ mà chính chúng ta phải ngạc nhiên trước hết. Một ý nghĩ, một cử chỉ bất chợt, mà chúng ta không hề bao giờ nghĩ đến nói hay làm, nhưng nó cứ đến như bị thúc đẩy bởi một sức mạnh huyền bí nào chúng ta không hiểu. Rồi ý nghĩ nói buột ra miệng, hay cử chỉ đã lỡ làm xong, chúng ta cũng thường bỏ qua đi không hay bận tâm suy nghĩ thêm.

Những sự thúc đẩy như thế đến từ phần *vô-thức* trong tâm linh chúng ta (*l'inconscient*). Chúng đến không có lý do gì xác đáng, và phần vô thức bên trong chúng ta thực là mênh mông. Trong vô thức được ghi giữ tất cả các kỷ niệm của chúng ta, từ những kỷ niệm cũ nhất cho đến những kỷ niệm mới nhất, và tất cả những kinh nghiệm đã qua của chúng ta. Không những vô thức ghi giữ những gì

chúng ta đã làm, mà còn cả những gì chúng ta trước kia mới chỉ có ý muốn làm, dù ý muốn ấy là một ý muốn thoáng qua chúng ta không tha thiết đến lắm. Các nhà tâm lý học thường ví vô thức với một biển cả không đáy, hay ít ra cũng sâu lắm sức người không đo lường được với những phương tiện sẵn có. Trong vô thức, ý muốn cũng có giá trị ngang với những việc đã làm. Những điều chúng ta chỉ thoáng nghĩ qua, dù trong một nháy mắt, ở bất kể tuổi nào, khi còn bé hay khi đã khôn lớn, cũng quan trọng như những hành động chín chắn nhất. Vô thức có thể ví như một con người sơ khai không có ý niệm gì về các giá trị tinh thần hay luân lý.

Trong số các ý muốn, các xúc động, các kỷ niệm ấy, có rất nhiều chuyện, nhiều điều chúng ta lấy làm khó chịu và không dám nói ra: chúng không đập theo đúng hình ảnh mà chúng ta có về chính mình. Chúng ta đã đẩy lui, đã dồn chúng về phía vô thức để cho chúng nằm yên đấy, chúng ta mơ hồ hy vọng thế. Chúng bị đẩy lui về vô thức ngay trước khi được ý thức của chúng ta biết đến. Đây là hiện tượng tâm linh mà Freud gọi là trạng thái nén tâm (*refoulement*) (1)

Nhà phân tâm học pháp Denise Saada giải nghĩa rằng trạng thái nén tâm được qui định bởi một cơ cấu lọc lựa. Đó chính là sự kiểm duyệt mà chúng ta vừa nói đến ở trên, lấy hình ảnh một con chó giữ nhà có nhiệm vụ xua đuổi hộ chúng ta một bộ mặt khác của chính chúng ta mà thường thường chúng ta không ai muốn biết đến.

Nhưng không phải vì đã bị kiểm duyệt

và đẩy lui về vô thức mà những gì bị kiểm duyệt và đẩy lui không có nữa: chúng vẫn có tiềm tàng mờ ẩn trong vô thức, và trạng thái nén tâm đã xảy ra để đối phó với chúng càng sâu xa thì sự hiện hữu của chúng trong vô thức càng mạnh mẽ. Chúng ở trong vô thức — đã được hình dung là một căn phòng tắm tối và hỗn độn — giống như những con thú dữ đói khát bị giam cầm trong một cái cũi thiếu khí trời. Một đôi khi chúng muốn làm loạn lên vì bị bức bối quá, khi ấy các kỷ niệm, các sự cảm dỗ, các khuynh hướng của chúng ta thi nhau ủa vào cái cửa nhỏ bị kiểm duyệt chắn giữ. Nếu vì một lý do này hay một lý do khác chúng ta không tự chủ được nữa, thì lập tức các khuynh hướng ấy xô nhau ập ngay sang phần đất của ý thức chúng ta và bắt buộc chúng ta phải mở cuộc giao tranh chính thức với chúng. Nhưng thường thường chúng không công khai ra mặt như vậy: chúng ẩn dấu, chúng ngụy trang, giả vờ hiền lành vô hại để chúng ta có thể công nhận chúng một cách đường hoàng. Ý thức của chúng ta dễ cả tin và có thể bị lừa dối bằng đủ một trăm phương nghìn cách. Tuy nhiên ý thức cũng vẫn cứ bắt đầu cuộc chiến đấu vì cũng đoán được một cách mơ hồ là có sự nguy hiểm đang xảy ra, nhưng vì không biết rõ đối thủ, cho nên ý thức phải nhận cuộc chiến ở trên một khu vực bất lợi.

(1) Trong trạng thái nén tâm, tuy có sự cố gắng để đẩy lui nhưng thực ra không hẳn có sự dồn ép, hay uất sức. Trong ngôn ngữ Việt cũng có từ ngữ « nén lòng », nên chúng tôi đề nghị dùng chữ « nén tâm » để dịch chữ « *refoulement* » của Pháp.

Chính khi ấy các cuộc tranh chấp tâm hồn bắt đầu thành hình, nhẹ thì phát sinh ra những mặc cảm, nặng hơn thì gây ra những *khinh tâm bệnh* (*névroses*), nặng hơn chút nữa là những *tâm bệnh trầm trọng* (*psychoses*) (1). Đây là những hậu quả bệnh lý của những cuộc tranh chấp tâm hồn; ngoài ra các giấc mơ, các sự quên lãng, các sự thôi thúc trong tâm hồn, các sự chối từ tự nhiên mà chúng ta không sao cắt nghĩa được, cũng là những kết quả của các cuộc tranh chấp bên trong chúng ta mà chúng ta không hề ý thức được, nghĩa là không hề biết đến ấy.

Các sự kiện kể trên đã được các nhà tâm lý học biết đến trước Freud và được coi như là những sự kiện không đáng kể của đời sống tâm linh. Sự khám phá của nhà bác học thành Vienne đã chứng minh được rằng chúng có giá trị như những hành động có ý thức của con người, và chúng đều có một ý nghĩa có thể cho phép chúng ta hiểu biết chúng ta hơn và, tùy theo trường hợp, có thể chữa chúng ta khỏi bệnh.

Khoa phân tâm học là một *khoa học về các sự phi lý*, nghĩa là khoa học về tất cả những gì vượt ra khỏi tầm hiểu biết của lý trí thông thường của chúng ta. Khoa phân tâm học đã khám phá ra rằng cái vũ trụ bao la phi lý bên trong chúng ta cũng có những định luật riêng của chúng. Những định luật ấy vô cùng tế nhị và mâu thuẫn; muốn hiểu chúng, phải nắm vững lấy chúng như một toàn thể, phải đem các chi tiết vụn vặt ra đối chiếu với nhau; khi ấy chúng ta sẽ có thể tìm ra đầu dây mối nhợ giải tỏa tất cả mọi sự rắc rối tinh thần và tâm tình.

Theo lý thuyết của Freud, cái phần phong phú nhất và là phần quyết định trong vô thức con người là những kỷ niệm, những cảm xúc và những khuynh hướng con người có ngay từ khi còn trẻ thơ. Muốn tìm hiểu nguyên nhân của các sự tranh chấp tâm hồn, ta phải lần về những ấn tượng buổi thiếu thời ấy. Khi đã tìm ra nguyên nhân (bằng phương pháp phân tâm), vị thầy thuốc chỉ việc đem nó ra phơi bày trước lý trí của người bệnh, giảng giải cho họ hiểu; khi người bệnh đã hiểu rõ nguyên nhân của tâm bệnh của mình thì tự nhiên là khỏi bệnh. Tóm tắt lại vô thức chỉ gây ra những sự tranh chấp tâm hồn và những tâm bệnh vì không được ta biết đến. Nếu ta mang được những mảnh vô thức ra phơi bày trước ánh sáng của lý trí, nghĩa là của ý thức, thì vô thức không còn làm hại được tâm thần ta nữa. Từ dữ kiện ấy, người ta đã rút ra được nhiều định luật. Ví dụ: một người mắc *khinh-tâm-bệnh* (*névrosé*) là một người sợ chính mình một cách vô thức. Muốn thắng sự sợ hãi vô có đó (đối với ý thức), anh ta đi trốn vào trong những thói xấu (như những thói tà dâm, *perversions sexuelles*, v.v...), trong những bệnh tâm thần, hay trong sự khai thác tài năng của mình.

Ở trường hợp sau cùng này, người ta chứng kiến một hiện tượng mà các nhà tâm lý học gọi là *hiện tượng thăng hoa* (*sublimation*). Nhờ hiện tượng thăng hoa mà các nhà nghệ sĩ có thể (có thể thôi

(1) Xin coi bài « Khinh tâm bệnh và sáng tác Văn nghệ » của nhà văn BÌNH-NGUYỄN-LỘC và bác sĩ TÔ-DƯƠNG-HIỆP, Tập san Đại học Quân y số 7 tr. 54 — 67.

chứ không bắt buộc, vì là nghệ sĩ không tất nhiên là phải có ít nhiều mặc cảm nội tâm) trút bỏ các mặc cảm vào trong sáng tác phẩm. Ngược lại với hiện tượng thăng hoa, hiện tượng nén tâm ngăn không cho chúng ta hiểu (một cách ý thức rõ rệt) tại sao chúng ta lại ưa thích thứ này mà không ưa thích thứ khác. Chúng ta không hiểu tại sao chúng ta lại thích tranh của họa-sĩ này mà không thích tranh của họa sĩ khác, thích bản nhạc này mà lại ghét bản nhạc kia, hay ưa nhà văn này mà không có cảm tình với nhà văn nọ. Bởi vì chúng ta như những tấm kính bất hình trong ống ảnh, chúng ta chỉ béc cảm đối với một loại ánh sáng nhất định nào đó thôi, muốn hiểu phương thức hóa học của mỗi tấm kính bất hình là chúng ta, phải nhờ đến khoa phân tâm học phân tích họ.

• •

Mặc-cảm, Trạng-thái-nén-tâm và phản-ứng-theo-điều-kiện là ba danh từ hoặc mới, hoặc cũ mà dùng theo nghĩa mới, được nói đến rất nhiều trong vài chục năm gần đây.

Một bộ môn y học cũng do đó mà ra đời. Các vị bác sĩ của môn phái mới, lần theo con đường của Pavlov mà chữa bệnh một cách *trái ngược hẳn* với những phương pháp cổ điển *Chữa bệnh tinh thần* (ví dụ bệnh điên) thì đi tìm nguyên nhân *vật-chất*, mà *chữa bệnh vật chất* (ví dụ bệnh đau dạ dày) lại đi tìm nguyên nhân *tinh thần*.

Nói như thế không có nghĩa là các vị

bác sĩ tân-tiến này chối bỏ hẳn mọi giáo điều và kinh nghiệm của cả một nền y học cổ điển có đời sống kéo dài qua rất nhiều thế kỷ. Sự thật, họ vẫn là những bác sĩ thường. Nhưng gặp nhiều trường hợp đặc biệt mà phương pháp thường thức được áp dụng không có kết quả, họ đã thử áp dụng phương pháp « giải tỏa » cho trạng thái nén tâm của Freud và họ đã thành công. Ở một số trường hợp khác, nhất là trường hợp huấn luyện « *đề không đau* » cho các bà sản phụ, họ cũng áp dụng có kết quả tốt phương pháp cấu tạo những « phản ứng theo điều kiện » của Pavlov.

Các vị bác sĩ « kiểu mới » này, sau nhiều năm chứng nghiệm trên thực tế, đã được nền y học nói chung công nhận cho họ rằng phương pháp của họ có đầy đủ tính chất khoa học, và, do đó họ được chấp nhận cho lập thành một bộ môn mới của y khoa : *bộ môn phân tâm học*.

Sự thành công của môn phân tâm học rực rỡ nhất trên đất Mỹ, các nhà chuyên môn về bệnh thần kinh công khai áp dụng phương pháp phân tâm và, có lẽ hơi quá đà, có những nhà chuyên môn về phân tâm học đòi áp dụng phương pháp của họ vào cả sự tuyển chọn nhân viên một xí nghiệp, vào cả sự lựa chọn đôi lứa vợ chồng. Cả ở những nơi đó họ cũng thắng lợi nữa.

Ký tới : II *Phản ứng theo điều kiện*.

NGUYỄN-MẠNH-CÔN và
HOÀNG-VŨ

Bà HỒ HỮU TƯỜNG
TRẦN THỨC LINH
Ô. Ô. PHAN KHẮC SỬU
PHAN HUY QUÁT
NGUYỄN HỮU PHIẾM
BÙI HỮU SÙNG
NGUYỄN VĂN TRUNG

trả lời cuộc phỏng vấn về :

NHÂN SĨ và HỘI ĐỒNG NHÂN SĨ

SAU khi lật đổ chính quyền cũ chưa đầy một tuần, ngày 6-11-1963, Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng đã ban hành sắc lệnh thiết lập Hội đồng Nhân-sĩ mà thành phần sẽ được « chọn lựa trong các giới tiêu biểu cho mọi xu hướng quốc gia và hoạt động nghề nghiệp ». Và nhiệm vụ là « giúp Chính phủ lâm-thời thực hiện đường lối Cách-mạng hợp với nguyện vọng của toàn dân ».

Trong cuộc phỏng vấn dành cho Pháp tân xã, Trung tướng Dương-Văn-Minh, Chủ-tịch Hội đồng Quân-nhân Cách-mạng cũng nêu lên trách vụ của Hội đồng Nhân-sĩ là « khuyến cáo nhà cầm quyền trong việc lựa chọn những cơ cấu mới cho Việt-Nam », là « bình thường hóa đời sống chính trị ở Việt-Nam » và « mọi tầng lớp nhân dân cần phải chuẩn bị để thực hiện việc đó ».

Tất nhiên việc trên đây nhân dân ai cũng tán thành vì trong lúc chờ đợi một Quốc hội dân cử thì nguyện vọng của người dân sẽ được thể hiện một phần nào qua cơ quan đặc biệt quan trọng đó, một cơ quan có vai trò làm gạch nối liền giữa chính phủ với nhân dân.

Nhưng cái tên « Nhân-sĩ » của Hội-đồng đã làm nhiều người thắc mắc vì không phải ai cũng hiểu danh từ « Nhân-sĩ » như nhau và người nào cũng cùng một quan niệm về cơ quan tư vấn đó.

Bởi vậy trong tinh thần xây dựng chế độ mới, chúng tôi đã nêu lên hai câu hỏi sau đây để gợi ý và tới phỏng vấn một vài người tại Đô-thành mà chúng tôi thấy là xưa nay vẫn thiết tha quan tâm đến vận mệnh nước nhà,

1.— Xin Ông (hoặc Bà) cho biết ý kiến : thế nào là một « nhân-sĩ » ? (những điều kiện tối thiểu mà một người cần có, để được gọi là « nhân sĩ ».)

2.— Xin Ông (hoặc Bà) cho biết, theo ý Ông (hoặc Bà) thì « Hội đồng Nhân sĩ » cần phải có những điều kiện gì để tham gia hữu hiệu vào công cuộc chung ?

Mong rằng những câu trả lời sau đây cũng phản ánh được một phần nào ý kiến và ước vọng của người dân đòi với Hội đồng Nhân-sĩ.

Xin lưu ý bạn đọc là cuộc phỏng vấn và các câu trả lời đều có trước ngày ban hành sắc lệnh : Quy Chế Hội đồng Nhân sĩ (15/SL/CT ngày 22-11-63).

Ô. PHAN-KHẮC-SỬU

Nằm dài trên giường bệnh ở nhà thương Đồn - Đất, bậc lão thành nầy đã ôn tồn trả lời :

« Nhân sĩ là người có một lí tưởng cao đẹp, lúc nào cũng một lòng vì dân vì nước. Không bè phái, không a dua, không làm hoen ố danh dự mình bằng những hành động hay những lời tuyên bố xu thời ».

Đền câu hỏi thứ hai, ông tỏ vẻ đắn đo. Nghĩ ngợi hồi lâu, ông mới nói :

« Muốn tham gia công cuộc chung cho hữu hiệu, các nhân sĩ, theo tôi, không nên họp thành một cơ quan, nghĩa là không làm nhiệm vụ mình một cách công khai rầm rộ. Tôi muốn nói các nhân sĩ ấy sẽ làm việc một cách âm thầm. Vì theo kinh nghiệm, tôi thấy thế có kết quả hơn. Số người không quá vài chục, và do Hội đồng Quân nhân Cách mạng chọn. Mình phải đồng ý với nhau ở điểm : Hội đồng Quân nhân Cách mạng vẫn một lòng vì dân vì nước, và họ sẽ hết sức thận trọng trong việc chọn nhân sĩ để giúp ý, và khuyến cáo họ, khi cần.

« Người ta sẽ cho như thế là không... dân chủ, là bùng bít, vân vân... Nhưng tôi vì nghĩ đến việc « tham gia hữu hiệu vào công việc chung » trong tình thế đặc biệt của đất nước, nên đưa ra ý kiến đó. Chớ còn đưa ra một danh sách, gồm có người của Hội đồng Quân nhân Cách mạng chọn, và người do các nhóm, các đoàn thể đề cử..., thì rồi ông thầy, rắc rối, lồi thối, mất thì giờ lắm. Mà việc thì cấp bách, như cứu lửa... »

Tôi đứng dậy hỏi ông câu cuối cùng :

— Nói thề thì nếu được mời « âm thám » thì ông nhận, còn được chọn công khai, ông sẽ khước từ ?

Người nằm trên giường bệnh chỉ trả lời tôi bằng một nụ cười.

Bác sĩ PHAN-HUY-QUÁT

— *Nhân sĩ*, thì có nghĩa như tiếng *Personnalité* của Pháp, nghĩa là người có kinh nghiệm, về việc dân, việc nước, được nhiều người biết, và có một ảnh hưởng nào đó. De Gaulle sau khi giải phóng nước Pháp có lập « *Conseil des Sages* » để giúp Chánh phủ lâm thời. Nay Hội đồng Quân nhân Cách mạng hẳn là muốn noi gương vị tướng lãnh anh hùng Pháp quốc, lập một « *Conseil des Notables* ». Thì nhân sĩ là người công dân từng đảm đương một trọng trách nào. Thề mà tôi được nghe Hội đồng Quân nhân Cách mạng sẽ chọn lựa các Nhân sĩ « trong các giới tiêu biểu cho mọi xu hướng quốc gia và hoạt động nghề nghiệp » e rằng có điều mâu thuẫn chăng ?.

« Vậy ta thử xem Hội đồng Quân nhân Cách mạng cần những vị nhân sĩ để làm những gì ? Theo tôi nghĩ, thì để nghiên cứu các vấn đề quan trọng, có tánh cách cấp bách.

« Xét lại, những người có danh tiếng được nhân dân quý trọng, là những bậc đã đứng lên chống thực dân Pháp từ đầu thế kỉ, nhưng lớp người đồng lứa các cụ Phan, cụ Huỳnh nay đã quá vắng quá nhiều ; số người còn lại không bao nhiêu, lại quá già.

« Còn lớp người chống Pháp sau này và chống họ Ngô gần đây, tuy được lòng mến chuộng của nhân dân và hăng hái, quả cảm có thừa, song những đức tánh này có lẽ không phải là điều mà Hội đồng Quân nhân Cách mạng cần đến ở các vị « nhân sĩ », vì như trên tôi đã nói, Hội đồng Quân nhân Cách mạng cần có một Hội đồng Nhân sĩ để nghiên cứu các vấn đề quan trọng, có tánh cách cấp bách.

« Số người, tôi cho độ 50 người là vừa.

« Vai trò của Hội đồng Nhân sĩ, theo tôi, xét thấy nó không quan trọng lắm.

« Còn như « Hội đồng Nhân sĩ » cần phải có những điều kiện gì để tham gia hữu hiệu vào công cuộc chung, thì cái đó, phải do các Nhân sĩ trong Hội đồng bàn với nhau để tìm những điều kiện ấy. »

NHÂN SĨ VÀ HỘI-ĐỒNG NHÂN-SĨ

MỘT CHIẾN SĨ CÁCH MẠNG Ở CÔN-ĐÀO MỚI VỀ

« Ba năm nay, tôi sống như không sống : mắt chẳng thấy, tai chẳng nghe ; giờ như người trong tối lâu ngày được đưa ra ánh sáng : lóa mắt, chưa thấy gì rõ rệt cả. Vậy ý kiến tôi chắc là mơ hồ, thiếu giá trị thực tiễn. Nhưng quý báo đã có lòng tìm đến thăm, lại cò tình muốn tôi góp ý, thì tôi cũng xin thưa :

« Tôi quan niệm *Nhân sĩ* phải là người có một vốn hiểu biết khá rộng, đã đi sâu vào một ngành chuyên môn nào đó, và từng tích cực tranh đấu cho dân. Có tranh đấu cho dân, mới có uy tín ; có chuyên môn, mới có thể bàn đến nơi đến chốn vấn đề thuộc phạm vi nhà nghề của mình ; có hiểu biết rộng, mới có cái nhìn tổng quát về mọi vấn đề.

« Hội đồng Nhân sĩ gồm những người có đầy đủ ba điều kiện nói trên thì tự họ, họp lại, họ sẽ tham gia hữu hiệu vào công cuộc chung rồi. Vì chúng ta ai cũng nhận thấy thiện chí của Hội đồng Quân nhân Cách mạng : thành lập Hội đồng Nhân sĩ chẳng phải để mị dân, như một sở cơ quan tư vấn thời thuộc Pháp, mà là để được giúp đỡ thiết thực, phê phán thẳng thắn trong giai đoạn cực kì khó khăn này. Với thành tâm và thiện ý ấy, chính Hội đồng Quân nhân Cách mạng sẽ tạo những điều kiện cần thiết để các Nhân sĩ được mới có thể làm tròn sứ mệnh của họ ».

Bác sĩ NGUYỄN-HỮU-PHIỄM

1) Danh từ « nhân sĩ » thật ra, khó mà định nghĩa một cách xác đáng được. Đã có báo chí ngoại quốc dịch « Hội đồng Nhân sĩ » là « Conseil des Sages » (!). Có người lại dịch là « Conseil des Notabilités ».

Theo tôi hiểu, trong giai đoạn hiện tại của nước nhà, một « nhân sĩ » trước hết là một người có nhiệt tâm, nhiệt huyết, hằng lo âu đến vận mệnh và tiến đố của tổ quốc trước hiểm họa xâm lăng của Cộng sản. Nhưng thôi chưa đủ. Người đó còn phải là người có tài, có đức. Có tài, tôi xin nói ngay, không có nghĩa là tài cao học rộng, có những « mảnh bằng đồ sộ, đầu óc tuy ních chặt những chữ, nhưng rút cuộc chỉ là những bộ óc ươn hèn, nô lệ » (như các bạn nam nữ sinh viên Đại-học đã viết trong một lá thư ngỏ gửi cho các giáo sư Đại học Sài Gòn cách đây hơn một tháng).

Cần phải là người có kiến thức rộng, đã từng sống sát với

dân chúng, có một lập trường vững chắc, một chủ trương rõ rệt tức là: *triệt để chống Cộng, chống độc tài, chống mọi khuynh hướng trung lập chệch*, và tích cực hoạt động ngõ hầu xây dựng một chế độ dân chủ, tự do thật sự.

Ngoài ra, cần phải có một quá khứ chứng minh không từng làm tay sai cho thực dân, hoặc chế độ bạo tàn, thối nát của Nhu Diệm, hoặc có thành tích chống Cộng. Và sau hết, có một đời sống trong sạch, công cũng như tư.

2) Nếu những vị « nhân sĩ » được mời tham dự vào « Hội đồng » có đủ mấy điều kiện nói trên, « Hội đồng Quân nhân Cách mạng » tất sẽ được tin nhiệm của quốc dân, và tôi tin rằng những vị đó sẽ quan niệm việc tích cực tham gia vào công cuộc chung là một bổn phận của một người công dân, thành thật yêu nước.

Nhiệm vụ của « Hội đồng Nhân sĩ », theo tôi, là soạn thảo hiến pháp, nghiên cứu thể thức bầu cử những vị đại diện của dân sao cho *hoàn toàn dân chủ*, để ngăn ngừa độc tài, đừng để cho nước Việt-Nam yêu dấu bị một lần nữa rơi vào tay những kẻ «đấu cơ chính trị», những kẻ «lưu manh, giang hồ» như bọn Nhu Diệm.

Vì chỉ có Tự-Do thật sự, Dân-chủ thật sự mới thắng nổi Cộng-sản mà thôi.

Ngoài ra, « Hội đồng Nhân sĩ » còn có nhiệm vụ nói lên những nguyện vọng của người dân trên mọi lãnh vực.

Vai trò của « Hội đồng Nhân sĩ » quả thật là quan trọng, cũng như trách nhiệm của « Hội Đồng Quân nhân Cách mạng » trong việc lựa chọn các nhân sĩ rất nặng nề. « Hội đồng nhân sĩ » có trách nhiệm trước « Hội đồng Quân nhân cách mạng » chứ không phải trước « Chánh phủ Lâm thời », — và « Hội Đồng Quân nhân Cách mạng » có trách nhiệm — dĩ nhiên là trách nhiệm tinh thần — trước quốc dân đồng bào hiện nay, hơn lúc nào hết, đang đặt hết tin tưởng và kì vọng vào « Hội-Đồng Quân-nhân Cách-Mạng »

Bà HỒ HỮU TƯỜNG

— Có người bảo rằng nhân-sĩ phải là người trí-thức. Nhưng mà « người có khí khái của kẻ sĩ » thì chẳng thuộc riêng thành phần nào trong xã hội. Người lao động, người dốt cũng có khí khái như người trí thức.

« Nước nhà đang bước sang một vận hội mới, lại phải đương đầu với bao nhiêu khó khăn. Cho nên tôi nghĩ Hội-đồng

NHÂN SĨ VÀ HỘI-ĐỒNG NHÂN-SĨ

Nhân-sĩ nên gồm có những phần tử trung thực yêu nước qua những hoạt động của mình, những phần tử có tinh thần cách mạng.

« Có được thế, Hội-đồng Nhân-sĩ mới được sự tin nhiệm của nhân dân, sự ủng hộ của tất cả tầng lớp dân chúng, và có được thế, Hội-đồng Nhân-sĩ mới được Hội-đồng Quân-nhân Cách-mạng và Chánh-phủ lâm thời vị nể, để thực hiện sự đoàn kết quân dân thật sự.

« Muốn giúp vào việc chung cho hữu hiệu, tôi thấy người nhân sĩ được chọn vào Hội-đồng phải vừa là người có tài, vừa là người có đức. Có tài không, hoặc có đức không, thì cũng chẳng làm gì được. Và thiếu hai điều kiện thông thường này, thì Hội-đồng Nhân sĩ chỉ là một món đồ cổ để chưng cho đẹp mắt mà thôi.

— Theo chị thì số nhân sĩ trong Hội-đồng gồm bao nhiêu người thì vừa ?

— Tôi nghĩ mười người thì đủ.

— Vậy trong số mười người đó, phụ nữ nên có mấy người ?

Chị cười :

— Tôi thấy phụ nữ chúng tôi hiện chưa có người nào xứng đáng để vào Hội-đồng Nhân-sĩ.

Bà TRẦN-THÚC-LINH

Đáp : Trước hết, các câu hỏi của Bách-Khoa đặt ra một vấn đề thuần túy chính trị. Tôi không muốn trả lời vì đến nay tôi vẫn quan niệm phụ nữ không làm chính trị.

Hỏi : Nhưng trong cuộc Cách-Mạng vừa qua, nền Quân-Đội Cộng-Hòa đã xoá ngã chề độ độc tài, chúng tôi tưởng phụ nữ các chị cũng đã tranh đấu nhiều khiến nền móng chề độ ấy trước sau cũng đổ. Như vậy phụ nữ không làm chính trị là gì ?

Đáp : Cách-Mạng đã thành công. Ai này nên trở về cương vị cũ. Cũng như người quân nhân lại diệt giặc cứu quốc, người phụ nữ lại trở về làm bếp, dạy con, kỳ dư hoạt động văn-hóa và xã-hội.

Hỏi : Như vậy cũng là một thái độ chính trị. Và lại Xã-hội, văn hóa, giáo dục, cũng phải hướng theo một đường lối chính trị nào. Đó không phải là một vấn đề chính trị ư ? Và lại Hội Đồng nhân-sĩ sau này có thể gồm các ông và các bà. Xin chị cho biết ý-kiến.

NGUIỄN-HỮU-NGU

Đáp : Tôi không đề ý đến nhiều nên xin nghĩ đến đâu nói đến đây.

Có người cho rằng nhân-sĩ là những vị mà vua biết mặt, dân biết tên. Như thế thì cô Tư-Hồng, bà Bé-Tý đều là nhân-sĩ cả chẳng ?

Có người cho nhân-sĩ là những người hiền. Nhưng làm sao tìm ra mực thước để đo hiền với ngu.

Có người cho nhân-sĩ là những ai đã làm cách-mạng. Nhưng có những nhà cách-mạng chân chính cũng có nhà cách-mạng hoạt đầu có người đi Côn-Lôn vì đại nghĩa cũng có người xuất ngoại vì những lý do bỉ ổi.

Có người cho nhân sĩ là những nhà có học thức, có kinh nghiệm lại có đạo đức. Trong số đức tính nổi bật là tính bất khuất. Nghe ra như xuôi tai nhưng trong thực tế kiểm đâu ra những vị đó và lấy gì làm tiêu chuẩn mà chọn lựa ?

Cho nên tôi cho nhân sĩ là những kẻ sĩ đại diện cho nhân dân.

Hỏi : *Vậy Hội Đồng nhân sĩ phải hội những điều kiện gì để hoạt động hữu hiệu.*

Đáp : Vấn đề này rất phức tạp. Tôi tưởng ít ra cũng phải phân tích những điều kiện dưới những khía cạnh tuyển lựa, tổ chức, điều hành, quyền hạn v. v...

1.— Về vấn đề tuyển lựa, tôi thấy không thể dùng cách chỉ định được. Người cầm quyền có đôi chút khiêm nhượng không dám làm việc ấy. Dân chúng cũng sẽ kêu âm lên là lạc hậu, là tái diễn những hội nghị bù nhìn...

Cũng không thể tuyển cử trong lúc này vì những lý do ai cũng rõ. Tôi thấy tạm thời có thể để các đảng chính trị có tên tuổi, có hoạt động, những đoàn thể nghề nghiệp cử đại diện vào Hội Đồng Nhân sĩ.

2.— Về tổ chức tôi tưởng cần nhất phải :

- Họp thường xuyên để hằng ngày theo dõi các biến chuyển,
- Họp công khai để dư luận kiểm soát ;
- Nhân sĩ không lĩnh thù lao hay phụ cấp gì để tránh nạn công chức hóa nghị trường.

3.— Về quyền hạn tôi không có ý kiến vì tôi không tán

thành việc thiết lập Hội-Đồng nhân sĩ.

Cho các nhân sĩ quyền biểu quyết chẳng ? Như thế thì Hội-Đồng Cách-Mạng và Chính-Phủ sẽ còn quyền gì ?

Chỉ để các nhân sĩ có nhiệm vụ tư vấn ? Như vậy vô ích. Không có trách nhiệm, các nhân sĩ khuyến cáo những chuyện lập bè vá trời, nghe sao được. Nếu không nghe thì tránh sao được những hờn giận, bất mãn. Tóm lại, bộ máy công quyền thêm kênh cang, Công quỹ thêm tốn kém, công việc thêm nặng nề... mà kết cục : vô ích.

Chính-Phủ nên hết sức tránh những chuyện hình thức, hữu danh vô thực.

Hỏi : *Quan niệm bà chị có phần tiên cực...*

Đáp : Anh quá vội phê phán. Tôi thiên nghĩ không nên thiết lập Hội-Đồng nhân sĩ mà nên triệu tập *nhiều ủy ban chuyên môn*. Lúc này, nhân sĩ, thì khó kiếm ra ai ; nhưng chuyên viên không phải là không có. Nếu cần ý kiến về vấn đề Hiến Pháp, Hội-Đồng Cách Mạng hay Chính-Phủ mời những chuyên viên từng khảo về hiến pháp. Cũng như các chuyên viên về Hiến pháp các chuyên viên Kinh tế, tài chánh, nông vụ v.v., sửa soạn các dự án hiến pháp, kinh tế, tài chánh, nông vụ v.v...

Hàn BÁCH - KHOA thảo mác về điểm Hội - Đồng Cách - Mạng và Chính - Phủ muốn biết rõ nguyện vọng và các ý kiến xây dựng của nhân dân về mọi vấn đề... Có khó gì. Chỉ việc cho tự do ngôn luận, Hội-Đồng Cách Mạng và Chính-Phủ sẽ có ngay dư luận quần chúng. Nhưng đó lại là một vấn đề khác.

Ông BÙI-HỮU-SÙNG

1. — Thời xưa « nhân sĩ » là người có học (kẻ sĩ) hoài bão mang tài đức của mình ra kinh bang tế thế.

Ngày nay, nghĩa chưa được xác định. Nhưng theo thiên ý, « nhân sĩ » vẫn là người có đức độ, có học lực vững, thiết tha yêu nước như ngày xưa. Thêm vào đó, « nhân sĩ » ngày nay phải là người hoạt động chính trị, cách mạng hay tối thiểu đã từng quan tâm từ lâu đến những vấn đề liên quan tới vận mệnh quốc gia như : chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội.

2.— « Hội đồng nhân sĩ » là biểu hiện ý thức quốc gia (la conscience nationale) chứ không phải là một nghị trường để đảng phái tranh chấp như trong một Quốc-Hội.

— Hội đồng này phải được hưởng quyền « bắt khả xâm phạm » để phê bình thẳng thắn Chính phủ và nói lên mọi sự thực, bày tỏ mọi uất ức hay khát vọng của các tầng lớp nhân dân.

— Hội đồng này phải có quyền được cứu xét hồ sơ các vụ chính trị lớn liên quan tới tiền đồ quốc gia (trừ các việc thuộc loại bí mật quân sự).

— Hội đồng này còn phải được công khai tiếp xúc với dân chúng để thu lượm ý kiến và hưởng quyền tự do ngôn luận nghĩa là thảo luận với các đảng phái hay diễn thuyết viết báo để trình bày quan điểm.

Giáo sư NGUYỄN-VĂN-TRUNG

Hỏi : Anh nghĩ thế nào về Hội đồng nhân sĩ ?

Đáp : Muốn phát biểu những ý kiến thiết thực về Hội đồng nhân sĩ, thiết tưởng trước hết phải xác định *thế nào* là một nhân sĩ và *ai* là nhân sĩ bây giờ ở miền Nam ta ? Nêu lên những câu hỏi trên, chúng ta thấy ngay những khó khăn vì chữ Nhân sĩ rất mơ hồ. Vậy để giải quyết những khó khăn trên, tôi đề nghị phân tách lần lượt mấy điểm sau đây :

1 — *Mục đích việc thành lập Hội đồng Nhân sĩ.* — Khi nêu lên việc thành lập một Hội đồng Nhân sĩ, chắc hẳn người ta muốn chứng tỏ cuộc đảo chính 1-11-63 nhằm chấm dứt một chế độ. Nếu hiểu chế độ không phải chỉ là một chính quyền mà còn là những cơ cấu hành chính, kinh tế, xã hội, giáo dục và những ý thức hệ chỉ đạo những cơ cấu đó, thì cuộc đảo chính vừa qua chỉ đã chấm dứt một *chính quyền* và mới tạo cơ hội chấm dứt một chế độ. Vậy nhiệm vụ chủ yếu là nhằm lật đổ đi những cơ cấu ý thức hệ của chế độ cũ và thay thế bằng những cơ cấu, ý thức hệ mới. Nhưng cơ cấu, ý thức hệ mới đó là gì ? Chưa ai thấy rõ khuôn mặt của một Nhà nước, một tổ chức hành chính, một chính sách kinh tế, một quan niệm giáo dục trong chế độ mới đó là thế nào. Cần phải tìm kiếm, sáng tạo ra và công việc đó không phải dễ vì những quan niệm đề ra không được lý thuyết xuông, nhưng phải thiết thực, hợp lý, phù hợp với thực tế đất nước.

NHÂN SĨ VÀ HỘI-ĐỒNG NHÂN-SĨ

2— Ai đảm nhiệm được vai trò trên ?

Tôi thấy có thể đề ra ba tiêu chuẩn để chọn những người đảm nhiệm vai trò soạn thảo một đường lối cho dân tộc trước tình thế mới này.

a) Có uy tín trước quốc dân, những người này phải đại diện cho ý thức quốc gia để dân chúng có thể tin nhiệm vào lời nói của họ vì biết rằng tiếng nói đó phát ra từ đáy lòng họ chứ không phải do một thế lực đảng phái, quyền lợi tư riêng nào và qua tiếng nói đó, ai cũng có thể nhận ra chính tiếng nói của quyền lợi dân tộc, của lương tâm nhân loại.

b) Có khả năng chuyên môn. Muốn đảm nhiệm vai trò trên, không phải chỉ có thiện chí, trung trực, nhiệt tình ái quốc là đủ, còn cần những khả năng chuyên môn để có thể hiểu những vấn đề chính trị kinh tế, giáo dục, và giải quyết được theo những đòi hỏi của một quốc gia tân tiến, hiện đại là mục tiêu mà chúng ta muốn vươn tới.

c) Không tham chính, để đảm bảo thực sự tính cách vô tư và thiện chí của những người mà quốc dân tin nhiệm uỷ thác cho vai trò chỉ đạo, thiết tưởng những người được mời vào trong hội đồng này sẽ hứa không tham dự vào chính quyền tương lai.

3.— Những thành phần nào ở Việt-Nam bây giờ có thể đảm nhiệm vai trò trên ?

Nếu chúng ta đồng ý vào vai trò và tiêu chuẩn lựa chọn, vừa xác định trên, bây giờ thử hỏi những thành phần lãnh đạo nào ở Việt-Nam có đủ ba tiêu chuẩn đó ? Người ta có thể nghĩ tới ba loại người sau đây :

1.— Những người làm cách mạng chống Pháp, làm chính-trị đối lập dưới chế độ cũ.

2.— Những vị lãnh đạo các tôn giáo, các phong trào chuyên nghiệp (nghệp đoàn) hay sinh viên thanh niên, và một số nhà văn tên tuổi.

3.— Những người tri thức, chuyên viên, giáo sư, đặc biệt là giáo sư Đại học.

Về loại người thứ 1, có những vị lão thành làm cách mạng chống Pháp, có uy tín, được dân chúng mến phục, nhưng lại không thể nhìn những vấn đề hiện đại thích hợp với đòi hỏi của thời cuộc. Còn trong số những người làm chính trị đối lập dưới chế-

độ cũ, có thể có người đòi lập chỉ vì mất tín nhiệm nên bị ông Diệm đẩy ra hay vì không có một chỗ trong chính quyền cũ, chứ chưa hẳn là chống ông Diệm nhân danh một quan điểm chính trị, một chế độ xã hội khác hợp lý hơn, tiên bộ hơn; hoặc chỉ làm chính trị theo kiểu « Sà lòng » dựa vào thế lực ngoại bang, không có cán bộ hoặc thế lực gì trong quần chúng nhân dân.

Thành ra, có vị có uy tín phần nào, thì quan điểm chính-trị lại lỗi thời (*dépassé*) có vị có khả năng nhưng lại không có uy tín, bị dân chúng nghi ngờ và đôi khi có thể còn chán ghét nữa.

Với loại thứ hai, những vị lãnh đạo các tôn giáo, đoàn thể thanh niên, văn hóa v.v... chắc có uy tín, được dân chúng mến phục và tin nghe, nhưng có thể các vị đó lại không am tường về những vấn-đề chuyên môn, ở ngoài lãnh vực của mình. Với loại sau cùng, trên *nguyên tắc*, chúng ta thấy những người trí thức có đủ cả hai điều kiện trên. Nếu hiểu trí thức (1) là một nguồn suy tưởng và người trí thức với cái nghĩa « suy tưởng » đầy đủ hơn là giáo sư Đại học, theo nghĩa mà *truyền thống* Đại học thế giới hiểu, thì người trí thức vừa là một đại diện cho lương tâm nhân loại, ý thức quốc gia, vừa là tiêu biểu cho vốn kiến thức nhân loại ở cấp bậc hiện đại nhất; do đó họ thường được tôn trọng và tín nhiệm. Nhưng trong *thực tế*, giới trí thức Việt-Nam và cụ thể hơn, giới giáo sư Đại học Việt - Nam chưa tạo ra được truyền thống trên như truyền thống của trí thức Pháp chẳng hạn; vì chế độ Đại-học ở Việt-Nam không phản ánh đúng lý tưởng của một nền đại học đích thực, và điều đáng buồn là vụ tranh đầu Phật-giáo vừa qua, càng chứng tỏ giới này (trừ Đại học Huế) đã mất uy tín.

Dư luận, đặc biệt là dư luận sinh viên đồ kỹ, ác cảm giới này vì họ chỉ thấy chức giáo sư Đại học, giới trí thức, là một địa-vị xã hội được ưu đãi, một danh vọng.

4. — Một hậu quả bi đát của chế độ cũ.

Đưa ra những nhận xét trên, tôi thấy thật khó biết ai là nhân sĩ, và ai là những người có thể được mời vào hội đồng mà vừa lòng mọi người.

Thiếu lãnh tụ chính trị tài đức thực sự, thiếu nhân sĩ đó

(1) Tôi đã trình bày điều này trong cuốn « Lược khảo văn học » trang 172

là một trong những hậu quả bi đát của chế độ cũ. Dưới chế độ này, người ta buộc chúng ta phải trao sổ phận của mình cho họ dẫn dắt; do đó không có sinh hoạt làm chính trị, cũng không có sinh hoạt suy tưởng về chính trị. Kết quả là tiêu hao gần hết những nhà cách mạng, chính trị thuộc thế hệ đàn anh từ 50 trở lên và ngăn chặn không cho thế hệ trẻ được có kinh nghiệm và luyện tập suy nghĩ, làm chính trị. Cho nên bây giờ, chế độ cũ sụp đổ, nhìn lên bậc đàn anh, thật đáng kính nhưng không khỏi thấy ít nhiều lỗi thời, trông xuống thế hệ từ 30 đến 40 tuổi, thì chỉ thấy một trống rỗng. 90 năm chuyên chế đã không cho họ không những có cơ hội thi thố tài năng do đó làm sao mà có được nhân tài, lãnh tụ? Sự chuyên chế để lại một sự trống rỗng mà hình như còn làm tê liệt ngay cả những ý chí phục hồi đời sống chính trị trên bình diện suy tư hay hoạt động. Sự mất tự do suy tưởng, những lo sợ thường xuyên vì bầu không khí mật vụ, . . . quá lâu ngày đã làm cho những tâm hồn trẻ mất thói quen ưa tự-do, bất chấp nguy hiểm, đe dọa . . . Cho nên khi được tự do người ta cũng không có hứng thú bao nhiêu muốn lao mình vào hoạt động tựa người bị cùm lâu ngày chân đã tê liệt, nên khi xiềng xích đã cởi bỏ vẫn cảm thấy tê cứng như khi còn bị cùm vậy. Họ vẫn lo âu ái-ngại vì những hình ảnh nhà tù, tra tấn, bắt cóc bừa bãi còn quá sâu đậm và dè dặt, thận trọng vì sợ bị lợi dụng hay sợ người ta cho rằng mình lợi dụng chăng? Do đó có khuynh hướng tiếp tục im lặng, thụ động, trở về chuyên môn của mình. Có lẽ không phải tất cả những người thuộc thế hệ 30-40 có tâm trạng trên. Nhưng chắc có một số không phải ít có tâm hăng đó.

4— Những đề nghị.

Sau khi nêu lên mục đích và những khó khăn, tôi đề nghị :

a) — Vận động thành lập một Hội đồng Nhân sĩ gồm những vị lãnh đạo tối cao các tôn giáo, các nhà Cách mạng tuổi tác, những nhà văn hóa chân chính để tạo thành một lực lượng tinh thần đứng ở ngoài chính trị, để kêu gọi đoàn kết quốc gia, thống nhất dân tộc, xây dựng đất nước trên căn bản những nguyên tắc tự do dân chủ và công bình xã hội v.v...

b) — Thành lập một hội đồng tư vấn hay một ủy ban nghiên cứu nhằm soạn thảo đường lối, chính sách cho chế độ, chính thể mới. . Chọn người vào ủy ban này căn cứ vào 2 tiêu chuẩn :

— Có khả năng chuyên môn về từng ngành (chính trị, kinh tế, giáo dục v.v...)

— Trẻ tuổi, hay còn trong sạch chưa liên hệ nặng nề với những chế độ cũ.

— Nếu những người ở trong ủy ban này hứa danh dự sẽ không tham chính thì có lẽ sự soạn thảo được đảm bảo hơn về tính cách vô tư và chính trực.

Điều cần thiết cấp bách bây giờ là thành lập hội đồng tư vấn trên và nhấn mạnh vào tính cách *tạm thời* của nó vì nó sẽ *đương nhiên* giải tán khi soạn thảo xong dự án về đường lối, chính thể. Theo tôi nghĩ, hội đồng tư vấn này không phải là chỗ để các thế lực chính trị tranh giành ảnh hưởng, vì chỗ tranh giành ảnh hưởng là ở Quốc hội sau này. Nếu qui định rõ rệt những giới hạn trên, hội đồng tư vấn, chắc chắn sẽ thành lập được mau chóng dễ dàng đồng thời đảm bảo được tính cách vô tư của nó.

NGUYỄN-HỮU-NGƯ thuật

VỀ SỐ KỶ NIỆM 7 NĂM CỦA BÁCH KHOA



Năm nay Số Kỷ Niệm 7 năm sẽ là số 169 ra ngày 15-1-64 như thường lệ và sau đó là số Tết. Rất mong sẽ được các bạn gửi bài về giúp cho các số báo trên đây được phong phú và đặc sắc như mọi năm. Thời hạn chót nhận bài dành cho các số báo đặc biệt đó, là 15-12-63.

● *lữ quỳnh*

Những đứa bạn anh tay vàng khói thuốc
Đốt suy tư từ lúc tuổi học trò
Quá khờ buồn trong ánh mắt ưu tư
Chưa kịp lớn đã âu lo số phận
Tổ quốc đẹp không tô bằng son phấn
Môi anh hiền ngậm khói đắng biên cương
Dù trăm rưng không ngọt vị nam trần
Cũng đủ mát anh suốt mùa nắng cháy
Những đêm ngủ trong rừng nghe suối chảy
Nhìn sao khuya mà nhớ lạnh se hồn
Tổ quốc mình một dải đất hoang thom
Anh nhớ xót xa ngày xưa... lịch sử...
Những đứa bạn bây giờ thành viễn xứ
Anh ước ao sẽ kéo được chúng về
Mỗi bản tay góp lại chút đam mê
Đủ ước vọng không còn là ảo vọng
Bằng tất cả anh đi vào cuộc sống
Tim say sưa và mắt sáng thiên thần
Em vẫn hoài ôm giấc ngủ mùa xuân
Niềm hy vọng chảy dài trên suối tóc
Dẫu rừng núi có làm anh cô độc.
Thì em ơi còn ước nguyện trong lòng...

Hai đứa mình chờ đến mấy mươi năm ?
Xin khép mắt cho hồn mềm tuổi đại...

LỮ QUỲNH

BÁCH KHOA CLXVI

CHO BÂY GIỜ

và

MAI SAU

Vòng chiến thắng reo vui trời xuân biển
Nửa quê hương cầm lấy nửa quê hương
Rừng thân ái chim mùa ca thắm thiết
Ấm tình lên màu lửa nắng thiên đường.

Tóc mẹ rụng ưu tư vào dĩ vãng
Lời ca dao vời đỉnh sử quang vinh
Mắt hãnh diện nhìn con về chói rạng
Chiến công đầu từ thuở nhuộm đao binh

Xin làm gió nâng cao hàng biển ngữ
Xin làm mây thấp sáng tuổi Non sông
Người-đã-mất đài Thiêng xin đến ngự
Cây tương lai rồi có kẻ vun trồng !

Hoa xuống nở vàng trán em hiền hậu
Nụ cười bay theo áo trắng huy hoàng
Bãi Tự Do chưa một lần hợp tấu
Sẽ vui cùng nhịp đất rộn âm vang...

Trời cao hơn cho toàn dân dự Hội
Cỏ thơm hơn cho vẹn ý thanh bình
Cỏ thêm dài cho lời thương tiếp nối
Chim thêm ngoan cho lộc mới đơm cành..

Tôi mơ thấy ngày mai trời xuân thắm
Hỏi bao giờ mới sống một ngày mai ?
Con đường đó sỏi già chông rậm lắm
Nhưng tuổi này nghe cũng khó hoang phai !

Muốn làm dân nên bây giờ làm lính
Dân khi yên bình — Lính buổi nhiễu nhương
Nâng cánh súng ghi một vùng đất tĩnh,
Ghi nghìn vùng trên giải đất quê hương...

HOÀNG LỘC

(thơ anh bây giờ)

thơ hà li hải

hồi kết cuộc

anh còn lo gì nữa
những thi đua võ trang
đưa đến hồi kết cuộc
nhân loại thời bành hoàng
mặt đất giờ nhiệm độc

anh còn mơ gì nữa
địa cầu hết phân đôi
không đâu còn phong tỏa
tự do bình đẳng rồi

anh còn mong gì nữa
những tên hề nhẩy múa
người ta đã lật nhào
như một bầy trâu ngựa

anh còn muốn gì nữa
những ngày vui cuối cùng
không cần phải võ trang
thôi nghe lời đe dọa

anh còn chờ gì nữa
đêm lạnh về từ lâu
căn phòng đóng kín cửa
giám chúng mình yêu nhau

10-1963
HÀ LI HẢI

vực thăm

rồi mây bay mây bay
mặt trời buồn vẫn mọc
quả đất già mãi quay
loài người còn ngã gục
cả trăm lần như một
tôi quay mặt không nhìn

qua hàng rào gai kẽm
những tàn tuồng dã man
những lần đi qua đó
tôi trở về khóc thân
rồi mai này cũng dự
cảnh cốt nhục tương tồn
tôi làm sao làm sao
trèo lên bờ vực thăm
với tuổi đời bé mọn
mang hình hài sậy lau
không còn gì ích nữa
một vài con bồ câu
trên bầu trời đen tóa
loài chim ăn thịt người

5-1961
HÀ LI HẢI

cô đơn

nếu em là đại dương
anh làm tên thủy thủ
nếu em là rừng thẳm
anh làm người thợ săn
nếu em là mặt trời
anh làm kẻ hướng dương
nếu em là đức tin
anh làm người ngoan đạo
nếu em là cuộc đời
anh làm nhà nghệ sĩ
em là người con gái
anh thành kẻ cô đơn

10-1963
HÀ LI HẢI

NGƯỜI TÌNH NGOÀI MẶT TRẬN

Truyện ngắn TRẦN THI NHÃ CA

THU leo lên ngồi ở thành cửa sổ nhìn xuống đường, buổi chiều trống vắng ở trên cao và tấp nập bên dưới. Mọi người đi về dưới đó và lát nữa mẹ Thu sẽ về tới đó. Thu cầm chặt lá thư trong tay, lòng băng khuâng chờ đợi. Mới có sáu giờ hơn, ít nhất cũng sáu rưỡi mẹ mới về tới. Thu bỗng thấy mình bé nhỏ, bé nhỏ hơn tất cả mọi đồ vật trong căn phòng này.

Tất cả đều rộng lớn mệnh mông đến dễ sợ. Bức ảnh ba treo trên tường mỉm cười, mắt ba nhìn Thu và đã không biết bao nhiêu ngày mắt ba đã nhìn Thu như thế. Bây giờ ba cũng đã về, ba về rồi. Thu chợt nhớ rất mau là mùa hạ đã qua hết. Tin của Thạch cho biết Dương đang ở trong rừng. Thu bồi hồi, biết đâu chàng chàng đã cùng chiến đấu bên ba mình. Hơn nửa tháng vắng tin Dương rồi đó Dương ơi Thu kêu lên và nhìn những sợi dây điện giăng ngang dọc sà sà mái ngói. Anh chả bảo là mùa thu thế nào anh cũng về thăm Thu, thăm Thu và dẫn Thu

đi mua nhãn hời. Thu rớm nước mắt, nhưng không muốn khóc. Mình phải bình tĩnh, với mẹ, mình cần bình tĩnh. Chắc mẹ cũng không khóc đâu. Thu nhìn xuống đường : A, mẹ về, mẹ về.

Chờ cho mẹ thay áo xong, Thu mới gọi :

— Mẹ ạ, lại đây với con.

Bà Kỳ tới gần Thu, đứng nhìn xuống đường :

Ở nhà có gì lạ không con ?

— Dạ không.

Rồi Thu cầm tay mẹ, mình phải từ từ, phải bình tĩnh :

— Mẹ khỏe chứ mẹ, con thấy độ này mẹ gầy đi.

Thu thấy mẹ mỉm cười, Thu cố cười, dù lúc đó nước mắt Thu đã rưng rưng.

— Ngày mai mẹ nghỉ phải không mẹ ?

— Ừ, chiều nay nữa, chiều nay thứ bảy, công việc sở lúc này cũng nhàn.

Thu ấp bàn tay mẹ vào tay mình, bàn tay mẹ ấm áp làm Thu rung mình. Thu thích được ấp tay mình vào tay mẹ và như gần một thói quen, đêm ngủ Thu cũng hay rúc vào mẹ, bé bỏng.

— Mai mẹ vào thăm ba nhé.

Thu thấy bàn tay mẹ giật mạnh ra khỏi tay nàng, và sự lạnh lẽo thoáng khắp người nàng rất nhanh. Mẹ cúi xuống nhìn vào mặt Thu, tiếng gọn gàng :

— Cái gì vậy, cái gì vậy con.

Thu đưa lá thư cho mẹ, nhìn xuống đường, ở đó mọi người đi qua, đi lại, qua lại mãi mà không một ai nhìn lên hết. Chắc mẹ đang khóc và kêu trời ơi, phải rồi mẹ vừa kêu trời ơi, Thu nghe tiếng đó vang khắp phòng. Nhưng khi nhìn lại, Thu thấy mẹ vẫn bình tĩnh, mẹ gấp lá thư lại vuốt tóc Thu :

— Con đi ăn cơm trước đi, ngày mai mình vào thăm ba sớm.

Mẹ đi vào, nằm yên trên giường, chắc mẹ đang nghĩ đến ba, đến vết thương của ba. Vết thương ở vai, tuy vậy dễ gì. Thu nhắm mắt. Anh Dương anh vẫn còn ở trong rừng đấy chứ ? Tại sao anh không viết thư cho em. Mùa thu về rồi đó, tuy vậy em không thấy được một chiếc lá vàng. Ở rừng thì biết bao nhiêu lá : rừng bao nhiêu lá thương nàng bấy nhiêu.

Thu thấy cay mắt. Tiếng ồn dưới phố như chát tai, Thu bưng lấy mặt một lúc và gió như nhắc bóng nàng lên cao. Mẹ vẫn nằm yên trong bóng tối.

* *

Chiếc xích lô máy đang chạy được nửa đường thì cơn mưa trút như xối. Mẹ kéo

nép Thu vào người. Đường nước ngập mau vùn vụt Thu có cảm tưởng như nước sẽ dâng hoai và kéo trôi hay nhận chìm chiếc xe. — Không chạy được nữa bà ơi, cho vào đây trú một lát đã. Gã lái xe nói. Mẹ Thu trả lời, Thu không nghe hết và chắc gã cũng không nghe. Chiếc xe đậu lại một bên đường, gã vào trong quán. Thu giữ mẹ ngồi yên trên xe, hai mẹ con bị nước tạt ướt gần hết. Cơn mưa ầm ầm một lát thì còn lai rai, đường vẫn ngập, gã phu xe chạy ra, đạp mãi xe mới nổ, chạy một lát lại tắt, lại đạp, nước bị bơm trị kéo bánh xe. Thu bực mình, vất vả quá, lòng nàng nóng như lửa, ba đời tội nghiệp biết mấy. Thu thấy mẹ vẫn hiền hòa, nét lo lắng trông nhỏ trong đuôi mắt. Thu nhìn đồng hồ, hơn ba giờ, vậy mà lúc ở nhà mới một giờ ba mươi. Thu đã cuống lên dục mẹ. Chiếc xe đỗ xích lại, Thu vội nhảy xuống và đỡ mẹ, nàng đành lấy chiếc đồ xách, mẹ nàng bước đi như chậm hơn, cổ theo con, lúc này Thu mới thấy được khuôn mặt đặc biệt sống động của mẹ. Khu bệnh viện rộng lớn, những dãy nhà dài, hai mẹ con đứng khựng lại trước nhiều lối rẽ. Thu nói : Mẹ ạ, phải vào phòng chỉ dẫn hỏi mới biết được. Thu thấy mẹ gật đầu, hai mẹ con phải ngồi đợi đến mười lăm phút ở ghế dài. Người phụ trách ghi cho Thu sổ phòng trên một miếng giấy nhỏ. Đi về phía tay mặt, dãy G, người ấy nói. Thu lí nhí cảm ơn rồi kéo mẹ đi. Con đường trải nhựa, nhỏ láng. Thu nhìn bãi cỏ rộng, cuối sân có một cột cờ hiệu, lá cờ hình ống cuốn rủ, hạ sát cổ. Cờ từng khoang hồng, trắng cột chôn trên mép bãi cỏ, chắc là chỗ hạ của phi cơ trực thăng. Tìm mãi hai mẹ con mới đến dãy G. Suốt hai

đầy hành lang, những người bị thương hoặc bó tay bó chân hoặc cụt hẳn, ngồi, đứng lổ nhổ. Thu nhia vào cửa sổ phòng nào cũng đầy nhóc người. Nhiều người ngồi trên chiếc xe nhỏ, dùng hai tay quay quay tự đẩy chiếc xe lăn. Khi Thu theo mẹ bước vào phòng thì mắt nàng tối lại, mẹ Thu vừa đi vừa nhìn từng giường, một vài giường có thân nhân ngồi, nói chuyện như vợ. Một vài giường thương binh nằm yên, nhìn người khác. Mẹ hỏi một người lính trẻ ngồi trên giường đánh cờ một mình, chắc mẹ hỏi về ba, và người lính trẻ chỉ về một chiếc giường trống cuối phòng :

— Thưa bà, ông nằm ở đó, buổi trưa người ta chở sang phòng lạnh, rồi sau đó chắc vẫn về đây. Mẹ cảm ơn và đi lại phía giường, Thu đặt một tay lên mép giường, tấm ra còn loang lổ những vết máu đen khô. Mẹ ngồi bệt lên đó :

— Máu, trời ơi, máu nè.

Người nằm giường sát cạnh kéo tung cái chăn ra, Thu hơi hoảng hốt lùi lại, khuôn mặt nám đen, bầy những vết vụn, một chân gác lên cao, một chân duỗi thẳng. Thu chớp chớp tới Dương. Biết đâu Dương cũng đã thế này. Ôi chiến tranh, thế đó. Giữa khuôn mặt nham nhở người đàn ông có một đôi mắt to đen, sâu, trầm buồn và mơ mộng. Đôi mắt sao giống Dương thế hả trời, Thu kinh hoàng. Biết đâu chiến tranh đã thay đổi tất cả, chiến tranh thay đổi từ tâm tính từ con sâu, thước đất, hưởng hờ những người lính. Tự nhiên Thu thấy muốn khóc và nước mắt Thu tự động trào ra. Thu thấy mẹ cũng khóc và mắt mẹ đỏ hoe. Người lính vẫn giường mắt nhìn hai mẹ con Thu

rồi nhếch mép cười. Thu không phân biệt đó là nụ cười thương hại hay ngạo mạn, nhưng tự ái nàng không hề tổn thương. Thu bàng hoàng không biết mình phải làm gì, phải nói gì, với mẹ. Với người lính trẻ nằm kia. Thu đoán y còn trẻ, đôi mắt như mơ màng non dại như một thí sinh. Thu đưa tay lật miếng sắt nhỏ treo lủng lẳng trên đầu giường Phan-Chánh-Cảnh K.B.C...

Đúng ba ở đây rồi, Thu nói với mẹ :

— Đúng ba bị thương, tên và K.B.C của ba có ghi đây này.

Đôi mắt mẹ đã tối lại sâu thêm, bà quay lại phía người lính nằm :

— Nhờ cậu chỉ hộ bây giờ họ đem nhà tôi đi đâu ?

Cháu là Dương. Người lính trả lời và hơi nhồm người dậy.

Thu kinh hoàng nhìn trần trời vào khuôn mặt nham nhở của người lính trẻ, Dương, thật Dương sao ? Giọng nói này nhất định không phải, Thu cố gắng đứng im, quả tình hai bàn tay Thu bắt đầu run rẩy. Người lính nói tiếp :

— Ông đã được đem vào phòng lạnh, tôi không biết phòng đó ở đâu, nhưng bây giờ hết giờ rồi. Có lẽ vậy, sắp hết giờ rồi. Gã đưa tay che mắt nhìn ra ngó ngoài cửa sổ. Tôi tên là Nguyễn-Văn-Dương, tôi bị thương sắp chết.

Nguyễn-Văn-Dương, Thu thở phào nhẹ nhõm. Nhưng sao anh chàng hơi có vẻ ngớ ngẩn. Chiến tranh chết chóc và nổi kinh hoàng như còn làm tê liệt mắt Dương, thảo nào trông gã có vẻ dại, dễ chừng mất trí. Gã cười nói với Thu :

NGƯỜI TÌNH NGOÀI MẶT TRẦN

— Cô là con của ông ấy đó à, giống ghê. Tôi cũng có vợ con, mà nói làm gì, chắc nó có chồng khác rồi, ai mà chờ hoài hũy được, phải không cô ời.

Gã lại kéo chân trùm kín mặt, lăm bằm :

— Mặt mày tôi kinh tởm lắm mà, cô cho tôi mượn cái gương đi, dầu, dầu thế nào được.

Tôi nhìn mẹ, chưa kịp nói gì thì keng báo hết giờ thăm bệnh. Mẹ vẫn ngồi lặng ở trên giường cho đến lúc mọi người đi thăm ra gần hết. Những người phụ trách đem phần cơm tối, với những cô y tá tràn vào phòng. Gã đàn ông lại tung chân ra, thấy hai mẹ con Thu hấn lại kéo chân lại :

— Đã bảo hết giờ mà, về đi, cứ khoe cái mặt tôi với các người, tôi gớm quá.

Cô y tá mỉm cười dịu dàng kéo chân cho hấn :

— Dậy ăn cơm anh Dương, anh vẫn tỉnh chứ? Hôm nay giường này không có người.

Chợt trông thấy chúng tôi, cô hỏi :

— Bác và cô vào thăm ai đó, sao chưa về, họ đóng cửa mất ạ.

Má Thu chỉ vào giường và bỗng nhiên bật khóc nức nở, cả người bà dúm lại. Thu cảm thấy như mẹ mình vừa gầy đi nhiều lắm và nổi già nua không tưởng nổi.

Thu âm thầm cầm tay mẹ đi ra cổng bệnh viện. Khi ngang sân cỏ, Thu thấy một chiếc phi cơ trực thăng đang tìm cách đáp xuống và chiếc cờ hai màu hồng trắng đã được kéo lên cao, no gió bay phơ phất. Tim Thu đập mạnh lạ thường,

nàng cầm chặt tay mẹ, nghẹn ngào nói thầm : Lạy Phật, mong không phải anh Dương.

Mẹ vẫn còn đưa khăn chặn nước mắt.

* *

Dương mở lớn đôi mắt nhìn Thu, một lát hấn nói :

— Cô có nhớ hôm cô tới lần đầu không, chiều đó máy bay đem về một thằng lỏi bị thương gần tan xác, vậy mà hấn vẫn sống đó.

Thu tò mò :

— Hấn như thế nào ?

— Hấn còn trẻ lắm, học sinh mới ra mà. Nó bị đứt tai, mất tóc, cụt chân, người ta cắt nghiêng vứt đi đó. Gã buồn rầu. Chắc chết, nó sướng hơn tôi.

Thu nhìn gã thương mến, mấy ngày vô ra Thu đã quen tính nết hấn, biết là sau khi mổ vết thương hấn dần ra khờ, nhưng nhiều lúc hấn khôn ngoan lắm. Trước kia hấn là một giáo viên trường làng. Lính, chiến đấu và bị thương, lần này gã tuyệt vọng hấn, gã không nghĩ ra rằng mình còn thích trở lại chiến trường nhưng nghĩ tới khuôn mặt, đôi chân, sự đau đớn đã làm gã mất trí. Thu đưa tay sờ lên ngực ba, ba vẫn ngủ yên, mắt nhắm chặt, nét mệt mỏi hiện rõ trên vùng trán rộng, mệnh mông buồn. Đôi mắt ba mệt mỏi, tái mét, ba nằm yên, hai chân duỗi thẳng, xuôi tay. Đôi lúc tưởng tượng đến ba chết, Thu lo sợ kinh người.

Mẹ chỉ vào được có hôm thứ hai và thứ tư, như vậy cũng đã khó nhọc xin phép lắm mới được. Mẹ không thể bỏ sở.

BÁCH KHOA CLXVI

Nhớ lần đầu tiên thấy ba, mẹ không dám khóc lớn nhưng nước mắt mẹ đầm đìa. Mẹ không dám động tới ba, ba vẫn ở trong trạng thái nửa tỉnh nửa mê. Vết thương lớn ở đầu. Suốt bốn năm ngày Thu ngồi bên ba, mỗi lần tỉnh dậy ba chỉ nhìn Thu, chưa nói được. Trong những lúc ba mê man, Thu không biết làm gì cho đỡ cô đơn, lo sợ, nàng bắt chuyện với gã trẻ tuổi tên Dương nằm cạnh giường ba. Biết Dương lẩn thẩn, nhưng dần dần Thu quen lối nói chuyện không đầu đuôi đó. Thu mơ màng ngồi nhìn ra ngoài trời, mấy hôm nay chiều nào, sáng nào cũng có máy bay đưa người bị thương về. Mặt trận đã mở rộng, một người anh, một cậu em trong họ Thu vừa theo khóa sĩ quan Thủ-Đức. Chính Thu cũng hoang mang, nàng không hiểu và không tưởng tượng nổi tại sao người ta cầm súng giết nhau; nhưng nàng tưởng tượng nổi rằng chiến tranh khốc liệt dường nào. Nhiều lần coi chiếu bóng, trên màn ảnh cũng lắm cảnh đánh nhau, lắm cảnh chết chóc khói lửa, nhưng sự nhận xét, kinh hoàng không sâu đậm trong lòng. Bây giờ đây, nhìn những thương binh, nhìn những chuyển thực thặng đi về, những tấm ra đầy máu, Thu mới thấy thương dân mình thế thảm. Không giết người, không bắn người, người bắn mình, khi con lớn con sẽ hiểu, con chưa nhìn thấy chiến trường làm sao con biết được. Những kẻ chết bên mình là đồng đội, chia vui sẻ buồn. Lời ba như còn vang mãi bên tai. Thu xôn xao khó hiểu lòng mình. Buổi chiều vàng vọt từng mảng nắng. Dương đã chống tay ngồi dậy được, chàng nhăn nhó: Trước khi bị thương tôi đâm phải xác của một tên địch, tôi đã

nghĩ tới việc lấy túi mật của nó, lúc đó nó còn hấp hối. Vậy mà tôi không nỡ làm. Cô biết không, khi bị thương tôi còn bắn ngã đâm tên, người tôi bao bằng máu đặc. Vậy mà giờ tôi lại thiếu máu. Phí hết sức, máu đổ biết bao nhiêu.

Thu hỏi:

— Anh tiếc à.

— Không, tôi đã nói vậy sao?

Thu mỉm cười nhìn Dương đang mở lớn đôi mắt nhìn nàng, một lát Dương cúi đầu đưa tay sờ mặt:

— Tôi không tiếc máu tôi, nhưng tôi hối tiếc cho chiến tranh.

Biết đâu gã chẳng biết Dương, Thu gọi:

— Anh quen hết đồng đội không?

Dương lắc đầu:

— Tôi ít quen lắm, ngày ở trong binh chủng tôi chỉ biết say tập, với vài đứa bạn thân. Cái thằng hấp hối phòng bên cũng bạn thân tôi đó.

— Anh bảo ai?

— Tuấn, người mà tôi vừa nói không qua khỏi với cô lúc này đó, hắn có một người yêu, còn đi học. Hắn mười chín, non choẹt, con bé chỉ độ mười sáu, chắc cô cũng mười sáu chứ mấy. Gã cười. Con gái giờ biết sớm quá. Không thấy cô ả lại thăm, nghe nói cô đã cặp kè đứa khác rồi. Tiên sư con lỏi, tôi như vậy tôi vắn cổ.

Thu không giận được Dương, hắn thành thật, bả đâu nói đó, có Dương Thu đỡ buồn trong những lúc ba mê man ngủ. Thu hỏi tiếp:

— Anh có quen ai tên Dương nữa không?

NGƯỜI TÌNH NGOÀI MẶT TRẦN

— Tên Dương thì chán gì, năm bảy đứa, đứa cao thì gọi Dương Cao, đứa gầy gọi Dương Cò, còn tôi là Dương Dê.

Thu bật cười, Dương cũng cười :

— Tên đó bắt hủ quá há cô, tại tôi đen, to, tôi có chiếc mũ chóp mào hôi của tụi lính lê dương để lại. Của anh Hai tôi đó, đội lên nó như có sừng trên đầu. Cô cười à, tôi có dê gì đâu. Thiệt mà, cô cười làm tôi xấu hổ quá.

Thu cắt cho Dương một miếng cam, hân hân lấy ăn ngon lành :

— Cám ơn cô, chưa ai đãi tôi hậu bằng cô. Tôi chẳng có ai vào thăm hết. Nhiều lúc thèm một múi cam chảy dãi. Tối qua tôi đánh cắp của ông một trái cam đó, cô đếm lại thấy thiếu cho coi.

Thu cảm động thực tình, nàng coi Dương như người thân hẳn :

— Anh cứ lấy ăn tự nhiên, tại sợ anh chê không dám mời chứ. Thu nói lảng. Anh không có gia đình ư ?

— Có chứ, vợ con đàn ông. Nhưng giờ thì không biết, chắc hẳn lấy chồng rồi, lâu quá mà. Kỳ đóng đồn ở một làng quê, tôi có mê một đứa con gái, nó cũng có nhiều người mê quá, rồi tụi nó ghen nhau, con nhỏ về sau lấy một thư ký quận, đêm, tụi đem súng bắn cả đôi.

— Ai bắn ?

— Thì tụi hẳn ghen, không phải tôi đâu. Hẳn cười, mắt lành khô.

Có tiếng la lớn ở phòng bên cạnh. Thu lắng tai nghe ngóng. Tiếng la đau đớn của một thương binh bị vết thương hành.

Thu nhăn mặt, nghĩ tới vết thương của ba. Chắc ba cũng đau lắm. Thu vuốt ve bàn tay xanh xao của ba, những đường ghi sự mệt nhọc của kiếp người — Dương ơi, liệu Dương có bình an trở về, bây giờ mới đầu mùa thu, cũng chưa muộn. Anh nhớ mang cho em những chiếc lá rừng, những người bạn nhỏ đáng yêu của anh. Thu mơ màng nhìn bầu trời — Dù trong nỗi thống khổ nào cũng nghĩ tới hy vọng, hy vọng đó là Dương, Dương ơi.

— Chiều nay cô về sớm chứ ?

— Sau 5 giờ tôi mới ra.

— Cô nhớ cho tôi một bao thuốc đen nhé, thứ vài tý thôi, tôi thèm thuốc quá trời.

Thu vui vẻ nhận lời, Dương sung sướng, khuôn mặt như nở lớn kéo dài những vết sẹo nhỏ. Hân đứng dậy, ngồi lên chiếc xe.

— Tôi đi thăm thằng Tuấn đây cô, cô nhắn gì không ?

Thu mỉm cười :

— Thăm anh ấy và cầu qua khỏi.

Dương đi khuất rồi Thu dọn đồ đạc đặt gối ngang trên chiến bàn nhỏ kê sát đầu giường bệnh. Rồi việc, Thu ngồi đọc kỹ tấm lác ghi tên họ ba. Chiếc tên thân yêu, quen thuộc làm Thu buồn phát khóc, Ba năm kia không biết gì hết. Bây giờ chắc mẹ sắp vào. Mỗi chiều mẹ đều cố về sớm để vừa kịp đến nhìn ba thì hết giờ thăm bệnh, và hai mẹ con lại dắt nhau về.

Tích đi ba ơi và nói với con một lời. Thu nhìn sát mặt ba, ngửi hơi thở của ba. Rồi ba bỗng cự mình mở mắt. Ba nhìn Thu và hình như nhận ra, Thu thấy

TRẦN THY NHÃ CA

những bắt thịt nhỏ trên mặt Ba rung động. Ba ời, ba ời, con đây, con Thu của Ba đây. Nhưng ba không nói gì hết. Ba nhìn Thu và nhắm mắt lại, tay Ba cầm chặt tay Thu. Ba ời, ba ời.

— Ba có sao không con.

Thu nhìn lên, mẹ đã vào, bà đứng yên, mắt không rời Thu.

— Ba vừa trông thấy con.

Thu ôm lấy mẹ khóc sung sướng.



Đồng hồ gõ hai tiếng, Thu đứng dậy, nàng xếp bỏ lá thư vào ngăn kéo. Lá thư mà Thu đã cầm cùi suốt cả buổi trưa, viết và khóc. Nhưng làm cách nào để Dương đọc được, chàng đang chiến đấu trong rừng sâu. Nếu lá thư này đến tay chàng. Thu thở dài lau nước mắt, chiếc áo đen làm đôi mắt Thu âm u hơn, Thu bỏ gương, xếp thức ăn, đồ dùng của ba vào giỏ và xuống đường gọi xe. Chợt nhớ đến lời dặn của Dương, Thu đi bộ xuống phố, nàng mua một chục cam và hai gói thuốc đen. Nàng nhờ gói cẩn thận. Hình như có ai gọi, Thu quay lại, Hạnh dừng xe solex, đứng xuống :

— Mua gì nhiều dữ vậy bồ ?

— Mình vào nhà thương Cộng Hòa,

— Thăm ai vậy ?

— Ba.

— Bác làm sao phải nằm trong đó. Mình vào mới nghe.

Thu từ chối, nàng không thích đi với Hạnh vào thăm Ba, Thu cũng không hiểu tại sao mình lại thế. Thu nói :

— Cám ơn Hạnh, vào đó phiền phức lắm.

Hạnh ghé vào tai Thu, dặn nhỏ :

— Tối rồi lại mình chơi, tiệc nhỏ. Bồ có biết chi không, lẽ dạm hỏi mình, nhớ Thắng chứ.

Thu vẫn nhớ, Thắng là bạn thân của Dương, thi đỗ, thành tài, chạy chọt thoát quân dịch, rồi cưới vợ. Hạnh vừa xinh đẹp vừa giàu. Tự nhiên Thu thấy ghét bọn họ. Họ không phải là người mình có thể thân, thể chơi. Và Dương chắc Dương phải nghĩ như mình. Thu mỉm cười lấy lòng bạn :

— Thắng ấy à ? Nhớ chứ. Chưa chắc mình có tới được không, nhưng muốn lắm.

Hạnh siết tay bạn :

— Mình cứ nhấn Hải mời cậu mãi, nó bảo nhà cậu khóa cửa suốt ngày, tưởng đã đi chơi đâu xa. Nhớ thế nào cũng phải có mặt đó, không mình buồn.

— Không dám hứa, nhưng sẽ cố đi . . .

— Rồi đến bồ cũng mời chứ, định chung tình với anh chàng mãi à ?

Chiếc xe solex của Hạnh nổ máy thật ròn. Anh Dương ời, em muốn được mang tới cho anh một bao thuốc lá. Em vụng về lắm không biết đan áo len đâu. Thu muốn thổn thức khóc, bao thuốc lá cũng đủ sưởi ấm Dương bao nhiêu. Thu gọi tắc-xi đi đến nhà thương Cộng-Hòa, đến cửa thì đã ba giờ kém năm phút.

Vẫn chiếc cổng quen thuộc, những con đường rải nhựa đen, bãi cỏ rộng và lá cờ buông rũ nhưng Thu thấy quen thuộc lạ

lùng. Tất cả đã ăn vào trí nhớ trời biển biệt như lùi về thật xa. Nắng bỗng dịu xuống. Thu thấy nhiều mây đen. Những trận mưa cuối mùa mang nhiều thay đổi. Tự nhiên Thu thấy mất hết tin tưởng và đời sống như hao mòn trở lại. Cuối dãy hành lang phòng Dương đang đứng, đưa tay vẫy Thu. Thu bước nhanh hơn, định bụng trao cho Dương gói quà, anh chàng hẳn phải cảm động lắm. Dương đưa tay ra đón nhận và kéo tuột Thu vào phòng :

— Chị vào đây một chút.

Thu ngạc nhiên :

— Làm gì, tôi phải vào thăm ba tôi đã.

— Việc này cũng quan trọng lắm, chị nhớ Tuấn chứ, tôi đã kể với chị.

Dương đưa Thu tới phòng Tuấn, Tuấn nằm im, đôi mắt nhắm chặt, gương mặt mờ hồ và dường như chàng đang chống chọi với giấc ngủ dài. Khuôn mặt Tuấn thật trẻ, đẹp rần rở. Anh Dương Thu kêu thầm và nước mắt muốn chảy. Đời sống thật tàn nhẫn vậy ư ? Nó đang bỏ đi chút năng lực cuối cùng dần kéo trên từng thớ thịt nhỏ gọn trên da mặt. Dương lay lay vai Tuấn.

— Anh Tuấn. Hồng đây, Hồng đến thăm anh này . . .

Gương mặt Tuấn lay động rồi chàng mở mắt. Đôi mắt Tuấn đã dại và hình như chàng chẳng nhìn ai hết. Dương nhìn Thu van lơn :

— Cô hãy nói đi, cô là Hồng, cô nói đi.

Tuấn mở lớn mắt như chờ đợi, dáng chàng bất động. Thu nói không suy nghĩ :

— Em là Hồng, em là Hồng đây.

— Cúi xuống chứ, cô nói lớn lên.

Thu cúi xuống, nói lớn :

— Anh Tuấn, em là Hồng đây.

Đôi mắt của Tuấn nhường lên và một thoáng vui kéo nhẹ trên vành môi nhợt nhạt. Đầu óc Thu quay cuồng, trần nhà thấp xuống, thấp xuống dần. Thu thấy mặt mình hoa lên và tối sầm lại. Có tiếng khóc bật lên từ trên cao, Thu đưa tay vuốt mặt, thấy mặt mình cũng đầm dề nước mắt.

Dương đẩy Thu ra ngoài :

— Cám ơn cô, xong rồi.

Thu đi vào phòng ba, ba đã tỉnh. Ông cầm chặt tay con :

— Sao con khóc, ba đã đỡ nhiều rồi mà.

Thu gục đầu vào ngực ba thổn thức :

— Ba ơi. Con vừa đóng kịch với người chết.

Và Thu kể lại cho ba nghe câu chuyện đã xảy ra. Ba nghe xong vẫn lặng lẽ, Thu nói :

— Con sợ quá, lần đầu con nhìn thấy người chết, con sợ bị ám ảnh.

Ba cầm tay Thu, dịu dàng nói :

— Con vừa làm một việc thiện, đáng lẽ ra lương tâm con phải trong mát mới phải. Thôi bỏ qua chuyện đó đi, con mừng ba lành bệnh đây này.

Thu cố nở một nụ cười. Hình như mọi người trong phòng đã đi ra ngoài hết, gian phòng im vắng hẳn, im vắng đến cả Thu nghe những mảng nắng yếu ớt chuyển mình ngoài cửa sổ. Trong một

phút nàng thấy mình chìm đắm vào một cảm giác mơ hồ, mênh mông để sợ đến độ Thu không còn nhận ra mình đang ngồi ở trong gian phòng đầy hơi người, hơi bệnh. Trí nhớ Thu thật kém, dù nàng đang muốn được sống trong một kỷ niệm nhỏ của Dương, trong tiếng nói của Dương, khổ nỗi, đến hình ảnh Dương, Thu cũng không tưởng tượng thấy.

Mẹ chiều nay không vào.

Thu giật mình bờ ngõ, nàng chợt tỉnh lại ngay, giọng nói của ba đã mang Thu ra khỏi cảm giác huyền hoặc. Khuôn mặt ba hình như già hẳn, mấy tuần năm bệnh, râu mọc dài, Thu thấy Ba thật ngộ nghĩnh. Bộ râu này mà tía thì đẹp lắm.

— Thưa ba, mẹ chiều nay bận việc sở nhiều, không biết có vào kịp không.

Con nói với mẹ, chiều thứ bảy này tới đón ba về, đi ra vào hoài tốn kém lắm.

— Thứ bảy này ba ra được rồi sao. Thu vui mừng.

— Con không nhìn thấy sân máy bay trực thăng kia sau, mỗi ngày thêm hàng bao thương binh.

— Lần này ba có được về không ba. Ba thâm trầm :

Được thì có thể được, nhưng ba không thích về.

— Ba cứ để mẹ con con sống xa ba ba mãi sao ?

— Ba cũng không thích xa con, nhưng... thôi không phải lúc nói chuyện này, má con hiểu ba lắm. Má con bằng lòng như vậy.

Thu không hiểu ba muốn nói gì, nhưng thấy ba có vẻ buồn, nàng không dám hỏi

tiếp. Phòng bên có nhiều tiếng chân ra vào Phần Tuấn để lại đó. Thu thấy nhiều lần Dương đi ngang qua cửa sổ rồi đi về lại, trông lảng xãng, Thu nghĩ anh chàng sẽ không làm được việc gì hết. Máy bay trực thăng lại lại hạ xuống sân cỏ, bóng người chạy lảng xãng, những đầu người nhòm nhìn ra. Mất ba tối sầm lại, Thu thấy ba như muốn nói một câu gì, Cuối cùng ba nằm im tay gác lên trán. Thói quen đặc biệt của ba vẫn gác tay lên trán, mắt ngoi trần nhà, bình lặng. Một dạo Thu đã nhìn thấy ba nằm nhiều ngày như thế trong căn phòng rộng, một mình. Đó là lần chú Nhân chết. Thu nhớ, không nhớ chú đã chết trong trường hợp nào. Bây giờ ảnh chú Nhân đã treo trong phòng ba, chú không cười, dăm chiêu. Chiếc ảnh đã cũ lắm, một vài vết loang lổ đã nổi, ba vẫn bảo mang đi chụp lại, rồi ba đi, cho đến giờ bức ảnh vẫn để vậy. Khi ba về đến nhà sẽ không thay đổi, mẹ đã cố thu dọn từ tuần nay, quét bụi, giặt màn, lau từng khe cửa, nhưng vật gì của ba vẫn nguyên. Mẹ nói : Tính ba không ưa thay đổi. Thu cười : Bởi vậy, bao năm chỉ có mẹ. Mẹ quay đi dấu vẻ sung sướng, má mẹ còn hồng lên một giây. Có tối mẹ khóc, Thu biết mẹ khóc vì xúc động nhiều, khóc sung sướng... Ba bỗng hỏi :

— Con thi cử thế nào, đủ điểm lên lớp chứ ?

— Dạ lên lớp, năm tới đi phần một con sẽ cố.

Ba hỏi về bức ảnh chú Nhân. Thu kể với ba chưa đem chụp lại, ba vui vẻ :

— Thôi khỏi chụp lại, ba được nghỉ, một tháng, để ba vẽ chân dung chú.

NGƯỜI TÌNH NGOÀI MẶT TRẦN

Thu reo lên, thế mà Thu quên mất. Ba còn là một họa sĩ nữa, Thu phục ba quá ba biết tất cả. Thu nhìn ba trêu mếu, ba cười. Thu thấy nụ cười ba đã tan gần hết một mỗi, và Thu cũng cười: — Ba.

Khi Thu quay lại thấy Dương đang đứng đằng sau lưng mình, miệng hút thuốc. Bao thuốc lá trên tay Dương đã vơi gần một nửa. Anh chàng hút bù đây mà. Thu mỉm cười, nụ cười trên môi Thu sượng lại, nét mặt Dương, anh chàng Dương hiệu Dê, đã mất hết vẻ bông đùa. Đôi mắt gầy đỏ hoe. Thì ra hẳn đã khóc. Thu định nói lời chia buồn thì Dương đã nói:

— Cô đóng kịch giỏi lắm, nhưng thế cũng xong...

Và hẳn cố gắng nở một nụ cười:

— Còn nữa, cảm ơn cô đã cho quà.

Ba nhìn Thu cười khen thưởng, Dương hỏi thăm ba vài câu rồi leo lên giường nằm:

— Xin lỗi ông và cô, tôi thấy muốn sốt. Và hẳn nói nhỏ.

— Tuần nó chết thật rồi cô. Tôi phải trở lại..

Trước khi Dương quay đi còn nói với:

— Tin hôm nay: địch chết 10, ta chết hai, bị thương bốn.

Lạy trời không có Dương của mình. Tim Thu đập liên hồi, tự nhiên Thu cảm thấy lạnh khắp châu thân, trước mặt Thu những Dương là Dương, Dương đang ở cùng khắp.

— Trời gió, gió chỉ cho thêm lạnh lòng thân chiến sĩ nơi sa trường... Tiếng lá, của một thương binh cụt tay nổi lên ôm

ôm trong phòng, Thu vuốt cánh tay ba, thấy da ba nổi gai gộc.

•••

Chiều thứ bảy khi Thu và má vào tới thì ba đã sửa soạn xong, chiếc ba lô đã được đặt dưới chân giường. Dương nằm im đôi mắt nhìn Thu không chớp. Thu đi tới gần Dương và nói:

— Chiều nay chào anh, chắc khó gặp lại.

Dương mỉm cười lặng lẽ. Thu không đọc được nét buồn vui nào trên khuôn mặt chàng. Ba đặt cả gói cam, cùng tất cả những thứ có thể để lại lên bàn Dương:

— Thôi biểu cậu, gắng để gặp nhau một lần ở một cuộc hành quân khác nghe.

Dương nói mấy lời cảm ơn và chúc may mắn. Má nhìn Dương ái ngại, chắc là định nói một câu an ủi nhưng dừng kịp. Tính má vẫn đắn đo. Ba khoác ba lô lên vai, má vội đỡ:

— Mình để em mang cho, mình còn yếu mà.

Ba xua tay:

— Anh mạnh rồi, chừng này chứ nữa cũng mang hết, lính tráng quen khổ rồi.

Sự thật ba lô chỉ đựng một ít quần áo, những thứ lặt vặt đã bỏ riêng vào cái giỏ của mẹ. Dương nhìn Thu, Thu đoán Dương muốn gọi chuyện. Thu bỗng nhớ ra hai bao thuốc lá làm quà cho Dương, bâng vui vẻ:

— Ấy chết, có mua thuốc cho anh mà quên.

Dương cảm động ra mặt:

— Cảm ơn cô.

TRẦN THY NHÃ CA

Dương đặt hai gói thuốc trên đầu giường trịnh trọng :

— Tôi sẽ nhớ cô mãi, tôi là Dương...

— Thôi anh khỏi nhắc, tôi nhớ hiệu anh mãi mà.

Có tiếng kèn thổi phía trong cùng bệnh viện, Dương vùng ngồi dậy :

— Quên mất, đám tang Tuấn, tôi phải ra...

Dương vờ đôi nạng gỗ, khập khểnh ra hành lang, Thu thở dài nhìn theo ba hồi :

— Con có muốn tới đó không ?

— Thôi ba ạ, bây giờ mình về.

— Đám ma ai đấy. Mẹ hỏi.

— Con không biết.

Ba, mẹ cùng Thu ngồi một băng ghế sau, gã tài xế nhìn ba cười,

— Ngày trở về đây ông ?

Ba cũng cười, một lát, khi xe đã vào trong thành phố ba ngừng nói chuyện với mẹ, quay sang Thu :

— Con có quen ai là Dương không ?

Tim Thu bỗng nháy liên hồi Tại sao ba lại nhắc đến Dương. Chắc hẳn ba chưa biết gì chuyện mình và Dương hết. Thu chưa kịp trả lời ba nói tiếp.

— Không phải anh chàng Dương Đê nằm ở bệnh viện với ba đâu. Ba lại mỉm cười, Thu hồi hộp :

— Dạ, con có quen Dương, nhưng sao thừa ba ?

Lạy trời không phải tin dữ. Thu lo sợ tái người. Dù môi ba vẫn nở nụ cười.

Thu nóng ruột, nhưng không dám dục,

— Con có lá thư của Dương.

Thu không kìm hãm nỗi lo lắng, nàng hỏi :

— Thừa ba, anh ấy có làm sao không ạ.

Ba đưa tay vuốt tóc Thu. Trời ơi, thế là có chuyện rồi, nước mắt Thu bỗng lưng ứa ra. tay Thu cầm chặt chiếc mũ xoa nhàu nát. Dương đã chết rồi ư ? Dương, Dương ơi. Giọng ba chậm rãi :

— Ba bằng lòng Dương lắm, nó là một thằng dũng cảm. May mắn nó có thể trở về bình yên. Chính ở trận, Dương luôn theo sát bên ba. Hấn kể cho ba hết rồi. Trước khi tiến sâu vào rừng hấn gửi ba lá thư lúc đó ba cũng ngã xuống.

Thu thấy mình còn hy vọng, cuộc chiến còn kéo dài và còn cần những người như Dương, Dương chưa thể chết được đâu. Thu gục vào vai ghế, chiếc xe vẫn chạy đều đều. Chiếc xe đưa chúng ta trở về nhà. Mãi lâu mẹ mới cho ý kiến :

— Mẹ chưa nghĩ được về câu chuyện cha con con bàn, nhưng mẹ ngại, lấy chồng chiến sĩ, hay nhờ nàng...

Ba đưa tay qua choàng vai mẹ.

— Bậy nào, thế em, em lấy chồng gì...

Thu chẳng nghe thấy lời ba, mẹ nói, Đầu óc Thu đang nghĩ ở tận đâu, và khuôn mặt Dương không tròn nét. Điều quan trọng là Dương có được trở về không đã. Xe vẫn chạy chậm rề rề. Thu cầu mong sớm về nhà để đọc thư Dương. Lạy trời chưa phải là lá thư cuối cùng. Thu bật khóc. Ba nhẹ nhàng vỗ vai Thu :

— Đừng khóc con, can đảm lên.

Nhưng Dương, Dương có trở về không ? Thu lau nước mắt. Chiếc xe đã đỗ lại. Mẹ cầm tay ba đi trước Thu. Mãi gần một tiếng đồng hồ sau Thu mới cầm được lá thư của Dương. Thu vào phòng

đóng cửa. Thu đọc mãi đọc mãi và khóc không biết bao nhiêu. « Có thể anh chết, có thể anh sẽ thành phế binh, điều đó xảy ra thật dễ. Ở đây anh nhìn thấy đầy rẫy... và Thu liệu em có can đảm ».

TRẦN THY NHÃ CA

● N... ngờ tất cả hoặc tin tưởng tất cả, đó là hai giải pháp cùng tiện lợi cả hai và đều miễn cho ta suy nghĩ.

Henry Poincaré

● Chính những bãi sa mạc khao khát một giòng nước hơn hết và những kẻ ích kỉ khao khát được thương yêu hơn hết.

Paul-Jean Foulet

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S. O. A. E. O.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tổ (Khánh-hội) — SAIGON

Tél : 23.741 — 23 742

∴

Fabrication : **Oxygène — Acétylène — Gaz Carbonique**

• *Vente :* **Hydrogène - Ammoniaque - Cyclopropane
Protoxyde d'Azote — Argon etc...**

Matériel pour soudures oxy-acétylénique et électrique.

Installations de gazothérapie.

Note service technique d'application est à la disposition de la clientèle pour toutes études et installations.

VIỆT-NAM CÔNG-THƯƠNG NGÂN-HÀNG

BANQUE COMMERCIALE & INDUSTRIELLE du VIET-NAM)

Số vốn : V.N. \$ 50.000.000

TỔNG CUỘC SAIGON :

93 - 95, Đại-lộ Hàm - Nghi

Điện thoại : 21.558 - 21.559

Điện tín : VIETNAMBANK

CHI NHÁNH :

- SAIGON, 209-213 đại-lộ Trần-Hưng-Đạo
 - ĐÀ-NẰNG (Tourane), 59 đường Độc-Lập
-

ĐAM-NHIỆM tất cả **NGHIỆP-VỤ NGÂN-HÀNG**

— **CÓ ĐẠI-DIỆN KHÁP HOÀN-CẦU** —

B. N. C. I.



BANQUE **NATIONALE** **pour le Commerce et l'Industrie**

S. A. au capital de : 120.000.000 F F.
siège social : 16 Bd des Italiens Paris 9^e

SAIGON

36 Rue TÔN-THÁT-ĐẠM
135, Bât - lô NGUYỄN - H U Ê
(ex Charner)

Téléphones : 24.902 — (3 Lignes)
99 797 — B.P.E. 5

PHNOM-PENH

Moha Vithel Preah Bat Norodom
(ex Dudart de Lagrée)

Téléphones : 385 et 543
B.P. 122

Succursale de Hongkong

Central Building Queen's Road Central

Tel. 35.601
P O. Box n° 763

La B. N. C. I. et ses filiale possèdent plus de 1.350 sièges en France dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A. O. F., A. E. F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Syrie et Liban (B.N.C.I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba (Bureau de Représentation) (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kane, Ebute Matta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico Banco del Atlantico ; à Panama (Panama Trust Co. Inc.).

THẰNG HAI CHẮT

★ *Truyện ngắn của LÊ-VĂN-SIÊU*

(Truyện này viết từ 1960, nay mới có điều kiện thuận tiện để cho ra mắt độc giả).

Kể từ ngày chú Mười cho nó ra ở riêng, thật quả thằng hai Chắt chưa mua sắm vào trong nhà được lấy một chút gì cả. Mấy cao ruộng mà chú bảo chia phần cho nó làm, thì đến mùa gặt, gặt được mấy chục gia lúa đem về, chú cấm không cho nó bán, cũng không cho nó xay để ăn, mà bắt phải để dành cho đến ngày giáp hạt. Còn hàng ngày hai vợ chồng nhà nó chỉ được ăn vào lúa đi đập thuê. Mà nếu lúa này không đủ thì vợ chồng phải gắng đi làm thuê làm mướn, hoặc làm gì thầy kệ ! để lấy cái ăn hàng ngày.

Chú Mười sợ dĩ phải cấm cản nầy mực cho con như thế, là vì chú cho rằng nó ngờ nghệch quá. Khi bán lúa, mặc dầu lúa để ở nhà nó, chú cũng phải chạy qua để đong và để nhận tiền rồi giữ giùm cho nó, dặng rồi trừ dần vào tiền sang sở ruộng, tiền nó thuê trâu của chú để cày, tiền cái nhà

mà chú cất cho nó và... biết bao nhiêu là tiền nữa mà nó thiếu của chú, cả làng ai cũng biết. Chỉ có nó là hay quên, cứ tưởng tiền nợ tiền kia mùa lúa trước Ba đã tính để trừ rồi, chẳng dè như thế thì « bao nhiêu mùa lúa nữa, Ba cũng chưa tính hết đâu, con ạ ! »

Mỗi lần vào dịp gần tết, chú Mười kêu nó qua để tính toán như thế, thì nó không nói không rằng gì hết, chỉ biết nháy nháy cái mắt và cười, nhe bộ răng hô với cái nướu đỏ chói ra để xin nhận thế nào cũng được. Nó ngồi trên bậu cửa, lấy cái lá phe phẩy quạt để đuổi những con ruồi bầu vào ống chân sâu quăng của nó. Rồi nó nhổ toẹt một bãi nước miếng trên thềm nhà và đứng dậy tập tễnh đi về, chẳng vui mà cũng chẳng buồn.

Cái ống chân sâu quăng, nó đeo từ năm 20 tuổi đến nay là 8 năm rồi, không có

THẰNG HAI CHẤT

tiền để chữa thuốc, đầu đuôi cũng là tại khi vỡ đất làm ruộng, chú Mười bắt nó đào cả những ngôi mộ hoang rồi vớt xương của người ta đi, để cho tiện việc cấy cấy của chú. Cả làng nói rằng rồi những cái oan hồn sẽ oán gia đình này mà làm cho thằng Chất còn là khổ sở. Nhưng thằng Chất thì không hề hé răng phản nản lấy một tiếng nào.

Bởi nó hiền lành, yếu đuối, và ngu dốt như thế, cho nên chính các em nó cũng tìm cách bắt nạt nó. Thằng ranh con thằng Xu thì chuyên rình lúc vợ chồng nó vắng nhà để lên vào ăn cắp phân trâu mà nó đi hốt về để ở giữa sân. Thằng Xi lớn hơn thì lại rình lúc nhắp nhem vác cuốc vào vườn bứng trộm cây của nó ! Còn con Cái mới nứt mắt ra mà hề anh chị nhờ việc gì là y như ngựa tay đòi tiền thuê mới chịu làm cho.

★

Cả nhà có lẽ chỉ có thiếm Mười là còn có ý thương xót hạt máu ấy của mình. Thiếm thoảng thiếm ghé qua chơi nói chuyện với vợ chồng nhà nó. Nhất là vào những buổi đi chợ về không đưa đủ tiền để trả cho chú Mười tiền gạo tiền đậu, tiền lá, thiếm bị chú bạch hỏi tra khảo đủ thứ để bóp nặn cho không còn dành dùm được một chút gì hết.

Thiếm ngồi bằng thằng cu con nhà Hai Chất, trông vết sâu quầng ở chân bồ nó mà lộ một vẻ uất hận. Nhưng hôm nay thiếm lại lén lẩn tay trong túi áo khi mà cười kín đáo, một nụ cười khoái trá.

Thì ra người ta ghét với chú Mười là thiếm ấy mỗi lần đi chợ về lại có ghé

vào rừng lượm củi để nấu bánh mà vẫn tính tiền với chú là củi mua, rồi để dành tiền chơi hội, và nay mới hốt, và rồi lại mới ghé qua hàng vàng để làm gì nữa đó.

Cho nên chú Mười điên cả người lên. Từ nhỏ làm nghề đánh xe ngựa, buôn trâu bò, làm ruộng, trồng rẫy... chú không lừa ai thì thôi chứ đừng hòng ai qua mặt chú. Chú mà được ở đất Bắc để làm cán bộ cho Bác thì phải biết ! Thế mà lần này chính vợ chú lại làm chú một vợ điếng hồn ấy. Thì chú nhất định phải thắng trong cuộc này mới được.

Chú nhóm lửa đun nước pha cà phê, rồi chú cuộn thuốc hút, rồi chú nhìn ra vườn, lặng lẽ không nói lại một tiếng nào cả.

★

Sáng hôm sau, mới khoảng bảy giờ, thằng Xi vừa đánh trâu ra đồng, chú còn đương quét dọn trong nhà, đã thấy thiếm hốt hơ hốt hải đem gióng gánh về, đặt phịch giữa sân, rồi chạy vội vào nhà hỏi :

— Ba thằng Chất có lượm được cái gì của tôi không ?

— Tao biết đâu mà lượm ? Má mày mất gì ?

Thiếm không trả lời, chạy vào giường, rũ chăn chiếu rồi dòm khắp cả đầu giường chân giường... Mặt thiếm tái đi.

— Má nó mất gì ? để đâu mà mất ?

Thiếm còn bán tín bán nghi nên buông lửng một câu :

— Có cái giấy kiểm tra, mà đánh rớt đâu không biết. Sợ rớt trên chợ tại mất chớ !

— Ôi ! hơi đầu mà lo. Mất thì lên làng bảo thằng xã nó làm cho một bản khác. Rồi chú lại hí húi lau chùi cái tủ thờ.

Thiêm bước ra sân, ghé vai gánh đồ ra ngõ, vừa đi vừa cố ý nói cho chú nghe biết là đi : Lại phải kiếm trên chợ vậy. Sợ không thấy chó !

Ra tới đầu ngõ thiêm ngó lại, không thấy chú nhìn theo, thiêm rẽ vào bụi cây dẫu đồ dưới tùm lá, rồi thiêm len lén trở về, lách cửa chui vào sau bàn thờ tối om, và nhìn qua khe vách để xem chú làm gì.

Chú ra sân nhìn về phía ngõ, rồi chú quay vào tùm tĩm cười. Chú thò tay vào túi áo trong. Chợt mặt chú tái đi. Chú đi quanh nhà tìm kiếm và mở toang các cửa ra cho sáng. Không thấy gì hết ! Chú vào bếp, rồi chú lại ra cái ghế mà chú vừa ngồi uống cà phê, mặt mũi có vẻ nghi ngại để cố nhớ xem từ sáng chú đã làm những việc gì và đã đi đứng ở những chỗ nào. Chú chợt vỗ đùi chạy vội ra đồng rơm. Chú lấy khúc cây bới tung đồng rơm ra. Tay chú vừa làm vừa run. Mặt chú tái đi như không còn lấy một giọt máu.

Chú dừng lại suy nghĩ một lát. Rồi chú kêu : Ớ Cái !

Con Cái từ trên cành cây điều đương hái trái, nghe tiếng kêu thì dạ, rồi leo xuống chạy lại.

— Từ nãy giờ mày có đến đồng rơm chơi không ?

— Không có ! Tôi đi mua đường cho ba uống cà phê rồi tôi đi cầu, mới về tức thì đây nè ! thì hái ba cái trái điều để đi bán.

— Mà mày thấy đứa nào quanh quẩn đây không ?

— Có hai con trâu nó đứng gặm rơm, rồi kể đó anh Xi tới lừa đi.

— Mày đi lẹ ra ruộng, kêu thằng Xi đánh trâu về đây ngay ba biểu. Con Cái dạ rồi chạy liền ngay.

Chợt chú Mười lại nghĩ ra chuyện gì, vội kêu : Ớ Xu ! buổi sáng con cái gì mà không một đứa nào ở nhà để nhờ sai bảo ! Ớ Xu !

Thằng Xu từ ngoài quán dạ lên rồi về.

Trông thấy nó, chú Mười mắng ngay : Mới ăn cơm sáng đã ra quán la liếm gì ngoài đó ? Nó chưa kịp trả lời, chú đã bảo : mang cái ky và cái vá con ra ruộng hốt những phân trâu. Mà chỉ hốt phân trâu của nhà thôi nghe ! lẹ đi ! Trâu của nhà nó đi tới đầu, mày phải đi theo tới đó ! Thằng Xi nó dẫn trâu về đây, mày lại về theo nghe !

Thằng Xu dạ rồi vác ky và vá chạy như bay.

Chú lại đi vào trong nhà, ngồi phịch trên ghế, mặt thừ ra. Trong này trống ngực của thiêm đập thình thịch và mồ hôi vã ra như tắm.

Chợt chú đứng dậy vớ cái gậy tre trong khe cửa rồi phăn phăn đi ra ruộng.

Thiêm đưa tay gạt mồ hôi trên trán, vớ cây đòn gánh, rồi len lén đi theo.



Lũ nhỏ chăn trâu đương tùm tùm nhau ngồi nói chuyện và cười trên bãi. Còn đàn trâu đến hai chục con thì đương

thong thả gặm cỏ. Không thấy hai con trâu của nhà. Thằng Xi, thằng Xu, con Cái, cũng không thấy. Chắc chúng đã lừa trâu về.

Khi thấy bóng chú tới gần, một đứa hỏi :

— Chú Mười ra ruộng, chi vậy ?

— Ủ' tao ra coi, đặng rồi có sang thêm sớ ruộng này. Thấy anh Tư than quá mà ! Tao nghĩ sang dùm cho anh. Tại bây thấy thằng Xu thằng Xi đâu không ?

— Chúng nó mới đây và mới lừa trâu về đó. Chúng đang đi trên đường đắp kia kia.

Nhìn theo phía tay trở, chú thấy thằng Xi thì đi cạnh hai con trâu, còn thằng Xu vác ky và vá theo sau. Và con Cái thì cầm cành lá đi sau rớt. Trông như một đám rước. Chú yên trí được việc đó. Nhưng nhìn quanh đám bãi chú lại ngạc nhiên hỏi :

— Bộ, từ sáng tới giờ trâu nó ăn mà không có ỉa sao ?

Tưởng chú hỏi giỡn chơi, lũ trẻ cười không đáp. Nhưng khi nhìn thấy mặt chú nghiêm nhất đời, có đứa trong bọn nói nhỏ :

— Sao lại không ! Hai Chất mới làm cả gánh rồi.

Chú giật mình như nghe thấy tiếng sét. Nhưng chú lại hỏi thêm :

— Mà bây thấy trâu tao nó có ỉa không ?

Cả bọn cười ồ lên, làm chú hơi ngượng vì câu hỏi có vẻ dốt dẩn của mình.

— Trâu chú thì cũng như trâu tại tôi chớ !

— Mà Hai Chất hết hết rồi à ?

— Ủ', hết !

— Bây giờ nó đâu rồi ?

— Cũng trên đường đắp đó.

Chú ngừng đầu nhìn theo phía tay trở rồi vội vã bước. Lũ trẻ thấy thái độ của chú hơi lạ thì bàn nhau hẳn có việc gì. Vậy theo xem thế nào.

Chúng bỏ mặc trâu ở đó ăn cỏ, rồi chúng đi theo gót chú.

Chú rảo cẳng chạy ; vừa chạy vừa kêu :
Ớ' Chất !

★

Thằng Chất được một gánh đầy, thì tập tễnh và nhịp nhàng gánh đi, tay vung vẩy, vẻ sung sướng như một nhà văn nghệ sĩ không sáng tác được gì, nhưng mới nhất được một tuyển tập thì văn để đưa đến cho nhà xuất bản. Cái nón nỉ đen trên đầu nó rung rung để vui đùa với gió. Tay trái nó đưa ngang ra như để khoe cái ống rạch với mặt đường, còn tay mặt thì nó nắm chặt lấy cái đòn gánh. Cái áo vá chằng vá đụp các thứ màu mận dưới ánh nắng ban mai, trông lại thành ra đẹp đáo để. Và cái quần màu xám cát cụt ngang đầu gối cũng thấy phất phơ trên hai ống chân khẳng khiu như hai khúc củi.

Thế mà nó đi nhanh quá xá ! Chú mười đuổi theo mãi, vẫn không kịp.

Nó vừa đi vừa tính thầm trong bụng nó : Mỗi ngày sáu gánh đầy như gánh này thì được một xe. Mỗi xe bán cho bà Hai thì được sáu chục. Mỗi ngày sáu chục chỉ một tháng mà không ăn xài gì tới là có một ngàn tám trăm để mua cái tủ kiếng như ở nhà bà Hai, đặng về treo quần áo.

Nó nhổ toẹt một bãi nước miếng trên đường, rồi cười.

Chú Mươi vẫn theo sau kêu : Ớ Chắt !

Nó tính chiều nay kéo cho bà Hai một xe, rồi hỏi bà coi có quần áo cũ của con bà thì xin vài cái. Xin thì bà lựa cho liền. Cũng còn tốt chán. Về treo trong tủ kiếng... chà... !

— Ớ Chắt !

Nó giật mình quay lại, thấy ba nó kêu thì nó chậm bước lại, chân loạng choạng. Nó bước thêm dăm bước nữa thì đến cây điệp trước cửa nhà làng. Nó đặt gánh dưới bóng dâm, rồi đưa ống tay rách lên lau mồ hôi trên trán. Nó chìa hàm răng hô với cái nườu đồ ra trước mặt ba nó :

— Gánh nặng quá mà ! Ba kêu tôi đâu có nghe.

— Mày hốt hết cả phân của tao rồi.

— Phân của ba là phân trâu. Đây cũng là phân trâu, để bán cho bà Hai.

Lũ trẻ đuổi theo vừa kịp tới đó, nghe thấy nó nói thế thì cười ồ lên.

Chú Mươi hỏi :

— Mày hốt lẫn cả của trâu tao.

— Thì cũng ở trống.

Chú bước tại gần gánh, cầm gậy tre hỏi nó :

— Đâu đồng nào là của trâu tao mậy ?

Hai Chắt không dám cười, nhỏ toẹt bãi nước miếng xuống đường, rồi ngơ ngác, vẻ băn khoăn lắm. Chú lại hỏi dồn :

— Mày hốt thì mầy phải nhớ. Đâu ?

— Trâu của Ba nó ăn cỏ thì... nó xanh.

— Mà trâu nào không ăn cỏ mậy ?

Nó lại đứng ngẩn người ra. Lũ trẻ thì cười lên rúc rích. Còn thiếm Mươi thì cầm đòn gánh đứng nấp sau thân cây.

Chú bắt đầu sốt ruột. Lại hỏi :

— Mày hốt của tao trước hay sau ?

— Trước sau gì thì cũng trống !

— Thế này thì có khổ tao không ? Chú dậm chân bứt đầu bứt tai về tức giận lắm.

Trong nhà làng nghe thấy có chuyện lộn xộn thì chạy ra. Hương quán, rồi thầy xā, rồi thầy y-tế, rồi mấy người đến xin giấy. Họ xúm đông cả chung quanh. Thiếm Mươi cũng vác đòn gánh lại đứng sau mấy người đó.

— Chi vậy chú Mươi ?

— Nó hốt mà để lẫn lộn cả của tôi ở trống.

Rồi chú cầm gậy tre thọc vào thúng.

Thằng Hai Chắt nhỏ toẹt một bãi nước miếng xuống đường rồi nói :

— Khi hốt thì tôi biết của trâu nào vào trâu nào ?

— Mầy lại không biết trâu nào của nhà trâu nào của người nữa sao ? Đó nó ngu như vậy đó.

Rồi chú không nói gì nữa, mặt đỏ bừng lên, tay cầm gậy tre quấy đảo thúng phân lên, đầu cúi xuống nhìn chăm chú.

Mùi thối hoắc xông lên, mấy người nhà làng lảng tránh vào trong. Thiếm Mươi sốt ruột cũng nhảy xổ sang thúng bên kia lấy đòn gánh mà ngoáy để tìm.

Hai Chắt thì lùi lại mấy bước, nhỏ toẹt bãi nước miếng xuống đường, nói như để phân trần : Tôi quên không rắc chút tro lên trên chớ ! Rồi nó đi ra phía xa xa, đứng nhìn về gánh phân, đưa tay lên bưng mũi.

LÊ-VĂN-SIÊU

(1960)

THAI BANKING SERVICES IN SAIGON

Bangkok Bank Ltd.

SAIGON BRANCH

44, Nguyễn-Công-Trứ, 44

S A I G O N



HEAD OFFICE

Plapplachai, Bangkok

OVERSEAS BRANCHES :

LONDON

Barrington House 59-67 Gresham Street, London, E.C. 2

TOKYO

No. 1, 2-Chome Muromachi, Nihonbashi, Chuo-ku, Tokyo

HONGKONG

60, Bonham Strand West

CENTRAL DISTRICT

Shell House, Queen's Road.

KOWLOON

580 A. Nathan Road Kowloon.

SINGAPORE

64 South Bridge Road.

KUALA LUMPUR

14 Ampang Street.

NGÀY XẤU

«... Kính thưa ngài,

« Chúng tôi, ba trăm người ký tên dưới đây, là những giáo sư đại học, sinh viên, học sinh, văn, thi sĩ đã lầm đường lạc lối. Bấy lâu nay vì nghe lời xúi dục ngu muội của Cộng sản, của các tên đầu cơ chính trị, chúng tôi đã đại dốt biểu tình phản đối chính phủ, từ chức, hoặc gửi kiến nghị lên ngài đòi sửa đổi đường lối chính trị và thường tụ tập ở những nơi công cộng, phạm tội phá rối cuộc trị an, vô tình tiếp tay với địch.

Nay, sau một thời gian được dạy dỗ trong các trại cải huấn, chúng tôi đã tỉnh ngộ và nhờ ơn đức cao dày của ngài chúng tôi đã xám hối tội lỗi, quay về với chính nghĩa quốc gia.

Chúng tôi đồng thanh quyết nghị:

- Trở lại tiếp tục làm việc. Bỏ ngoài tai tất cả những tin đồn nhảm.
- Đề cao cảnh giác để khỏi bị quyến rũ làm các việc phạm pháp.
- Tuyệt đối trung thành với chính phủ.
- Nguyên xiết chặt hàng ngũ và đứng sau lưng ngài để phục vụ quốc gia, dân tộc.

Làm tại... ngày 10-7-1963

Trưởng phòng... »

DO thói quen, ông Trưởng-phòng định viết tiếp «... Trưởng phòng điều tra — ký tên và đóng dấu». Nhưng chợt nhớ ra, ông vội xóa bỏ hai chữ « Trưởng phòng » đã chót viết lên giấy. Vừa lau mồ hôi trán ông vừa đọc lại bản văn. Sau

khí sửa lại một vài chữ không vừa ý, ông vẫy tay gọi anh chàng đang đứng khoanh tay chờ ở cửa. Anh này có cái đầu húi cua lồm chồm, những vết sẹo ngang dọc làm cho cái đầu anh ta méo mó và hơi nhỏ so với cái thân hình cao lớn. Hai cánh tay

chiếc áo đủ màu xanh đỏ được xấn lên gần tới nách.

— Anh đưa sang phòng bên cho cô thư ký đánh thành ba bản, Nhớ bảo cô ấy sửa giùm tôi các lỗi chính tả. Đây là kiện nghị của các giáo sư đại học, sinh viên, nhà văn, không thể để có lỗi chính tả được. Sau đó anh đưa vào phòng giam cho chúng nó ký, lệ lên.

Anh chàng nhận lệnh vừa cầm tờ giấy đi ra thì cánh cửa bên trái — trên có đề hàng chữ đỏ « cầm vào » — mở ra và một chàng cao lớn khác, đeo cặp kính đen, bước vào phòng. Hai gò má đỏ rừ, anh ta có vẻ mệt. Một chiếc khuy áo ở ngực tuột ra khiến cho chiếc áo như sắp rơi về đằng sau. Ông trưởng phòng hắt hàm :

— Xong rồi chứ ?

— Dạ xong. Mới nhét thẳng giáo-sư ấy vào bao bồ và đá mấy cái nó đã khai ngay. Em cho nó uống nước xà phòng và quay điện hơi nhiều nên nó có vẻ lơ đãng. Bây giờ em đi bắt tội đồng lõa chứ ?

— Mày tên ?

— Dạ ba : Nguyễn-thị-Vượng, Vũ-thị-Đào và Trần-Long. Hắn khai là hắn và ba tên đó đã họp hội nghị hơn mười lần để hoạch định chương trình phá hoại đồ thành, ám sát các nhân vật cao cấp và xúi dục dân chúng biểu tình. Hiện bây giờ cả ba tên kia còn trú ngụ tại căn nhà số 122 đường Văn-Học.

Ông Trưởng phòng ghi mấy dòng

vào một cuốn sổ, có vẻ hài lòng :

— Tốt. Để ta cho tội nó đi bắt. Vào hồi cung tiếp đi.

Anh chàng kia tiến lên một bước, gãi tai :

— Xếp để em đi bắt cho. Em hồi cung mệt quá rồi. Hơn ba giờ đêm đã không nghỉ tay, xếp xét cho . . . em đâu phải là một thằng người bằng sắt.

Ông Trưởng phòng ngừng viết, ngược nhìn kẻ thuộc hạ. Đôi lông mày vừa nhu lại của ông lại tách rời nhau, ông có vẻ thông cảm với hắn và ông gật đầu. Hắn vội đi ra cửa nhanh như chạy.

Bỗng chuông điện thoại cắt tiếng reo. Ông Trưởng phòng dợi dứt hồi chuông thứ hai mới uể oải nhắc máy :

— A-lô ?

— A-lô ? phòng điều tra đặc biệt đây phải không ạ ?

— Dạ, phải.

— Cơ quan trung ương đây. Ở đó còn phòng giam chứ ? Tội này mới bắt thêm được mười xe đẩy nữ sinh biểu tình nữa mà không biết để đâu ?

Ông Trưởng phòng ngồi ngã ra ghế, nhu mày bực bội, giọng ông trở nên hơi sảng :

— Bên này làm gì còn chỗ nữa. Phòng giam nào cũng đầy từ hôm kia. Chiều hôm qua tôi lại phải nhận hai xe học sinh nữa và tôi phải để chúng một nửa trong phòng hội, một nửa trong nhà chứa xe. Mấy chục đứa bị

bẻ gãy tay nắm kêu la diều tai không chịu nổi: Sáng nay tôi phải phơi nắng chúng mấy giờ, cặp tai tôi mới đỡ bị quấy rầy.

Giọng người ở đầu dây kia vừa phân vân vừa thất vọng :

— Phiền quá nhỉ ! Chỗ nào cũng kêu đầy rồi. Thề này chỉ còn cách biến luôn trường học thành phòng giam.

Ông Trưởng phòng vội tán thành :

— Ờ, ý nghĩ đó thật hay. Tôi đồng ý lắm.

Và ông đặt máy xuống.

Cánh cửa — phía trên có chữ « cấm vào » — lại bật mở, một nhân viên, cầm trong tay tờ kiến nghị đánh máy, bước ra. Ông trưởng phòng lồng các ngón tay vào tay nhau, chờ đợi. Anh kia bước nhẹ nhàng trên đôi dép cao su có đế dầy và êm, không gây tiếng động. Anh ta có vẻ phân vân :

— Thưa xếp...

— Sao ? Đã lấy đủ hai chục chữ ký của những tên đại diện các giới giáo sư đại học, sinh viên, nhà văn rồi chứ ?

— Dạ, chưa đủ.

— Chưa đủ ?

— Vâng. Còn năm tên không ký...

Đôi mắt ông trưởng phòng chợt mở lớn tròn xoe, dữ tợn, đôi môi ông hé ra, kinh ngạc. Cái nhìn của ông khiến anh kia đứng đờ ra không nói tiếp được. Hai hàm răng ông trưởng phòng nghiến chặt vào nhau, động nói của ông nghẹn lại.

— Không ký... ? Chúng không ký mà anh chịu, không biết làm cách gì hả ?... Thật không có đứa nào mà lại ngu độn như anh !...

Ông không nói tiếp gì nhưng cái nhìn của ông đã ra lệnh và khiến anh kia đi thụt lùi rồi biến mất sau cánh cửa nhỏ.

Mười phút sau anh ta trở ra. Cái đầu méo mó dầy sọc của anh ta lắc lư, và khuôn mặt lì lì dần độn của anh ta thoáng vẻ kiêu hãnh. Anh ta đặt tờ kiến nghị trước mặt ông trưởng phòng và bá cáo một hơi :

— Em đã lấy được chữ ký của hai thẳng sinh viên. Còn ba tên giáo sư đại học kia thì vẫn mê sảng, khó cứu tỉnh quá. Nhưng em đã bôi mực vào ngón tay họ và lăn lên giấy để lấy dấu điểm chỉ thay cho chữ ký.

Ông trưởng phòng nhìn tờ kiến nghị : giữa những chữ ký run rẩy nguệch ngoạc có ba vết tay, nhưng vết tay đen đặc, méo mó và không có những vết trắng như những vết tay thường, cả ba giồng vết bản của giọt mực giò xuống, nhoè ra.

— Vết tay gì mà lạ thế này ?

— Dạ. Em lựa mãi mới được ba ngón còn tốt. Những ngón khác của chúng bị đập nát cả, không dùng nổi.

Ông trưởng phòng giờ cao tờ kiến nghị lên ngẩn ngĩa, ông nhìn mãi vào ba cái dấu tay nát bét. Sau cùng, ông thờ dài, trao lại tờ giấy cho kẻ thuộc hạ :

— Thôi được. Giao cho phòng công văn, bảo sao làm nhiều bản còn chuyển cho các báo.

Chuông điện thoại lại reo. Ông trưởng phòng ngả người ra ghế, hai tay nắm lấy cạnh bàn. Ông nhìn chiếc đồng hồ nghe đăm đăm như đã bắt đầu cảm thấy mệt mỏi và chán nản vì tiếng chuông.

Ông nhắc ông nghe khó khăn như một con sên phải nâng tảng đá :

— A-lô ! Phòng điều tra đặc biệt đây.

— Chào anh. Trần bên bộ... đây. Thẻ nào ? Hai thằng học sinh của đảng « Tự Do » tôi còn mắng đã được chưa.

— A. Cái đó thì gần được rồi.

— Anh làm lẹ cho một chút chứ. Ngày kia là bọn này phải tổ chức một cuộc họp báo tại bộ, tại ký giả ngoại quốc cũng có đến dự đấy.

— Được mà. Ngày kia thì còn kịp chán. Cả hai đứa cùng học tập gần xong. Anh đừng ngại.

— Chúng nó nói năng trôi chảy cả đấy chứ ?

— Suy mà.

— À, phiền anh thêm cho chi tiết này nữa nhé. Anh còn nhớ vụ nổ lựu đạn ở nhà hàng H. trong chợ lớn chứ ? Anh làm ơn thêm vào hồ sơ của chúng là : trong ngày 14 tháng năm chúng đã được lệnh đảng trưởng đem lựu đạn đến ném vào nhà hàng H. để giết dân, gây hoang mang.

Ông trưởng phòng nhăn mặt :

— Vụ đó chắc chắn tại Cộng sản làm mà.

— Thì đã đành. Nhưng mình có bắt được thủ phạm quái đâu, mình không thể tố ra bắt lặc. Mình lại đang cần thanh toán phe đối lập. Anh hiểu chứ ?

— Được. Để tôi ghi... à, anh vừa nói ngày mấy ?

-- Mười bốn tháng năm.

Ông trưởng phòng vừa làm nhăm vừa cầm bút chì ghi vào quyển lịch rồi trước mặt, bỗng cái bút đứng xững lại trên tờ giấy. Rồi ông buông bút đập tay xuống bàn :

— Không được rồi. Hai thằng này bị giam từ đầu tháng ba.

Sau mấy giây im lặng, người đầu dây bên kia buông hai tiếng thất vọng :

— Phiền nhì.

Ông trưởng phòng cũng im lặng. Ngón tay trái và ngón tay giữa của bàn tay phải đập lách cách trên bàn chứng tỏ ông dồn hết cả khả năng suy nghĩ vào công việc này.

Cánh cửa có hai chữ « cầm vào » lại bật mở. Lăn nẩy kẻ bước ra là một người lùn và mập, hai cánh tay của hắn dài như tay vượn, to, đen như thép già. Hắn quấn quanh cổ một cái khăn quàng màu đỏ rực. Đôi mắt hắn xèch, có nhiều gân máu. Ông trưởng phòng vội nói « xin lỗi, anh chờ tôi một chút » rồi ông bịt ống nói lại, hỏi :

— Chi đó ?

Anh chàng lùn, mập có vẻ lúng túng :

— Nó vẫn chưa chịu khai. . .

— Thằng nào ?

— Thằng học sinh trường K. mới bắt hối sáng. Nó một mực khai rằng nó không đi biểu tình, nó đến tiệm phở, nửa đường thấy tập giấy bỏ rơi nó tò mò nhặt lên thì bị bắt...

— Nghĩa là nó không chịu khai thật ai đã xúi nó đem truyền đơn đi phát.

— Vâng. Thừa xếp, em xin thể danh dự rằng em đã làm đủ cách : treo, nhân nước, quay điện, đập búa vào các đầu ngón tay. Em vừa phải bẻ hai cái răng cửa của nó.

Ông trưởng phòng nhếch môi cười, nhưng trán ông nhăn lại một cách đáng sợ. Chàng lùn mập cúi đầu nhìn xuống bàn tay xây xước của mình, lộ vẻ lo lắng một cách hiển lành. Những tiếng nói chui qua khe răng của ông trưởng phòng.

— Thê rồi nó không khai, anh cũng đành chịu thua. Thằng ấy chỉ có hai cái răng thôi hay sao ? Hử ?

Chàng kia ngẩng đầu lên, tỉnh táo :

— Dạ. Em hiểu rồi.

Và hắn ta rút trong túi ra một cái kim mới tinh, loang lỗ vết máu rồi hăm hở trở lại nơi hắn làm việc.

Ông trưởng phòng bỏ bàn tay bịt ông nói xuống, than :

— Hối này nhân viên của tôi làm việc

tệ quá.

— Bệnh thời đại mà. Nhân viên ở đâu chả vậy... Thê nào ? Vụ đó anh tính sao ?

— Được rồi. Để tôi kiếm một vài tên khác. Tôi sẽ điện thoại cho anh biết sau.

Nói xong ông trưởng phòng đặt ông nghe xuống, không kịp nhận lời chào của người ở đầu dây đằng kia. Ông đứng dậy, vươn vai và chậm rãi xếp chồng hồ sơ ở trước mặt lại cho gọn. Từ bức tường phía tay trái ông vọng lại những âm thanh ồn ào như sau bức tường có một cái chợ nhỏ. Chắc những đứa chưa kiệt lực trong đám tù nhân học sinh đang phản đối, chửi bới một điều gì. Có thể là chúng đang thi nhau ném những mẩu bánh mì khô cứng vào đám lính canh và chịu nhin đói. Phía bên phải ông, sau cánh cửa nhỏ có chữ « cấm vào » thì lại bắt đầu có những tiếng kêu chối tai.

Ông cầm một cuốn sổ rồi tiến về phía cánh cửa nhỏ đó. Sau cánh cửa là một hành lang hẹp tối và sâu. Phòng lấy khẩu cung rộng rãi, sáng sủa ở cuối hành lang. Trong giờ làm việc, dù là giữa ban ngày, căn phòng cũng thấp đèn vì ngoài cửa chính thì khắp bốn mặt tường không có lấy một lỗ thông hơi nhỏ nào.

Nhân viên, đầu có nhiều sẹo méo mó, đang ngồi sau bàn giấy, thấy ông trưởng phòng vội đứng dậy chào. Trước mặt anh ta, một ông già đầu bạc trắng gầy trơ xương, ngồi co ro,

một tay đặt lên đùi một tay bưng miêng bông lớn đập ở mắt trái. Bàn tay đặt trên đùi của ông già cứ giạt lên từng hồi.

Ông trưởng phòng hỏi :

— Cho hân ký vào những bản nhận tội chưa ?

— Dạ rồi.

Anh chàng đầu sọc có vẻ hớn hờ. Anh ta nhặt mấy tờ giấy, từ nãy vẫn được để trên bàn trước mặt ông già, trao cho ông trưởng phòng. Ông này hỏi :

— Trước khi hân ký anh cho hân đọc kỹ rồi chứ ?

— Dạ, Em cho hân đọc mỗi bản ba lần và cho suy nghĩ trước khi ký. Hân mới ký xong.

Ông trưởng phòng vừa gật gù vừa đọc thoáng qua tờ thứ nhất : trong tờ này tù nhân nhận đã tuyên truyền xuyên tạc để xúi dục các nhà sư tự thiêu, đã có những lời lẽ chông báng chính phủ, và đã ném đá vào cơ quan cộng lực khi những viên chức này thi hành nhiệm vụ bắt cóc các ni-cô v.v... dưới bản thú tội, ông lão ký và ghi tên rõ ràng : Lưu-đình-Hòa. Tờ thứ hai cho đến tờ thứ năm là những bản đánh máy giống như tờ đầu và đều có chữ ký của Lưu-đình-Hòa. Lật đến tờ thứ sáu, một tờ giấy mỏng và có cỡ hơi nhỏ hơn những tờ trên. Ông trưởng phòng đọc thầm :

« Em Sáu Mè thân yêu,

Từ ngày gặp em anh không sao quên được nỗi niềm nhung nhớ. Trai anh hùng

gặp gái thiên-quyên thì tránh sao cho khỏi nợ tình. Chỉ vì thương em mà anh ngại quên ăn, đêm quên ngủ. Những đêm trời có con trăng sáng vằng vặc anh thường nhìn trăng ca lên đôi câu mong gọi tới bạn tình cả một tâm sự tơ vò chín khúc. Dẫu cho sông cạn, đá mòn thì tình ta vẫn không hề phai lợt.

Em Sáu Mè ôi. Nếu em có thương anh thì ngày Chúa-Nhật này... »

Dưới những hàng chữ đang dở, là chữ ký và ba chữ ghi tên : Lưu-đình-Hòa. Ông trưởng phòng ngán người :

— Cái gì thế này ?

Nhân viên đầu sọc mở to mắt nhìn rồi bỗng vội vàng giạt lấy tờ giấy :

— Ô! Cái thư này của em. Em chưa viết xong...

Nhìn thấy chữ ký tên của ông già trong thư mình, anh ta nổi giận dí tờ giấy vào tận mắt ông ta :

— Mù há ? Thư riêng của người ta mà cũng cầm đầu ký tên vào. Muốn bưng chặc ? Chiều hôm kia mới bị đánh lòi mắt mà đã quên ngay sao ?

Chân tay ông già cũng run lấy bầy. Bàn tay phải gầy guộc của ông vội giơ lên để che chở cho con mắt độc nhất còn lại và ông cuống quýt van xin :

— Dạ, cặp kính của tôi bị đập vỡ. Tôi lại còn có mỗi một mắt nên không thấy. Xia quý ông tha cho. Trăm lạy các ông...

Ông trưởng phòng nhét năm tờ giấy thú tội của ông Lưu-đình-Hòa vào quyền sở rồi lạng lẽ ra đi. Ông đi dọc

con đường bề ngang chưa đầy một thước giữa hai dãy nhà giam. Trong những căn phòng nhỏ hẹp đám tù nhân quá đông đảo đứng ngồi hỗn độn, thoáng trông như khối thịt khổng lồ có hàng trăm chân, trăm tay.

Ông ra lệnh cho người gác mở cửa phòng giam cuối cùng. Vừa bước vào ông vừa tươi cười hỏi :

— Thê nào ? Xong chưa ?

Hai thanh niên mặt mũi sáng sủa nhưng xanh xao, khoảng mười bảy, mười tám tuổi cùng đón ông Trưởng phòng với nụ cười. Một thanh niên nói :

— Chúng tôi đã học thuộc tiểu sử của chúng tôi rồi.

Thanh niên kia giơ một tờ giấy ra trước mặt ông trưởng phòng và hỏi :

— À, chỗ đánh máy này mờ quá. Đây là con số 3 hay con số 5 hả ông ?

— Số 5.

— Như thế là tôi đã nhập đảng « Tự-Do » được 5 năm.

— Đúng thế. Còn thắc mắc gì không ?

Hai thanh niên lắc đầu. Ông vỗ vai từng người :

— Cồ gắng lên nghe. Cuộc họp báo này sẽ gay go lắm đây.

Ông trưởng phòng vừa ra khỏi phòng giam thì nhân viên lùn, mập — có chiếc khăn quàng đỏ — đã đứng đón ông với vẻ mệt mỏi, thiếu ngủ :

— Thừa xếp . . .

— Sao ?

— Em chịu không làm sao khai thác được thằng này. Nó lì quá. Lúc nãy hỏi nó còn trả lời. Bây giờ nó chỉ trừng trừng nhìn mình, không thèm van xin một câu. Thật gan hơn tượng cướp.

Mái tóc bù rối, nét mặt và trông mắt đỏ rực, nhân viên này có vẻ ngẩn ngơ như một kẻ say rượu. Ông trưởng phòng không nói gì, theo gót hần ta bước vào căn phòng nhỏ nằm ngang cuối dãy phòng giam. Căn phòng tối, kín mít, sàn còn nhiều vũng nước chảy loang ra và bốc lên một mùi khó ngửi.

Ông trưởng phòng nhìn thấy một thiếu niên bị trói ngối vào một chân bàn. Cái đầu anh ta lật hần ra đằng sau, mắt mở trừng trừng, trên trán anh ta có một cái sẹo lớn và đuôi mắt trái có một nốt ruồi đen, to.

Nhân viên lùn, mập vẫn lăm bằm như còn mê sảng vì cơn giận :

— Nó cứ lì ra, không chịu nói.

Ông trưởng phòng nhìn dòng máu đóng đen, từ kẽ miệng thiếu niên kéo dài xuống cổ, rồi quay lại nhìn trừng trừng vào mắt kẻ thuộc hạ :

— Nó chết thẳng cẳng thế kia thì còn nói với năng gì. Anh làm việc như thế đây hả ?

Chàng kia ngẩn người, tiến lên sờ ngực, giật tóc xác chết rồi quay lại nhìn ông trưởng phòng với vẻ sợ hãi. Ông trưởng phòng nói như quát :

— Tôi sẽ sa thải anh. Trong một tháng mà phạm lỗi đến bốn lần. Chưa

khai thác được cái gì tội nhân đã lẩn ra chết. Anh không hiểu thẻ nào là đường lối làm việc ở đây hả ?

Chàng kia đáp ứng :

— Xin xếp bớt giận. Bọn chúng nó còn nhiều lắm mà. Thẻ này lại thuộc loại « bắt không có hồ sơ ».

— Thẻ thì thanh toán cái xác hẳn cho nhanh đi, sắp hết giờ làm việc rồi đó.

Bỗng ông trưởng phòng chú ý nhìn vào thắt lưng xác chết. Rồi, rất nhanh ông tiến đến, luồn hai ngón tay vào phía sau chiếc khóa thắt lưng đẩy nhẹ một cái xuống phía dưới. Đôi mắt nhà nghề đã không đánh lừa ông, chiếc khóa bật ra và một sợi dây chuyền nhỏ bằng vàng rơi xuống đất, sáng lấp lánh. Nét mặt tươi tỉnh hẳn lại, ông lầm bầm :

— Thẻ ôn con này giàu của tài thật.

Ông trưởng phòng cầm quyền sở đi nhanh qua dãy phòng giam.

Trở lại bàn giấy, chưa kịp ngồi xuống ghế, ông đã nghe tiếng ồn ào từ phía hành lang trước sở vọng lại. Ông bấm chuông gọi người tùy phái vào hỏi :

— Có chuyện gì ngoài đó ?

Người tùy phái thưa :

— Dạ, có nhiều người kéo đến đây tìm con, cháu và xin vào tiếp tế cho những học sinh bị bắt giam.

Ông trưởng phòng thờ dài :

— Không biết hôm nay là ngày gì mà xâu thẻ này. Thật lắm chuyện bực

minh... anh hãy chạy ra bảo họ về đi. Ở đây chưa có lệnh cho người ngoài vào thăm tù nhân.

Người tùy phái đi ra. Khoảng hành lang dài bấy giờ biến thành một cái phòng đợi. Đám cha mẹ mất con đủ loại già, nghèo, già, trẻ, đứng ngồi bần tán xôn xao. Người xách làn, người ôm bánh, có cả những cụ già cầm một cái gói đựng mấy khúc bánh mì khô và dăm ba quả chuối tiêu đã thâm nát. Tất cả đều lộ vẻ lo âu hoảng hốt. Nghe lời giải thích của người tùy phái đám người vẫn ngồi ỉ ra.

Sau, người tùy phái phái nói bừa :

— Sáng mai các ông, các bà trở lại thì có hy vọng được gặp con cái. Bây giờ sắp hết giờ làm việc rồi.

Lúc ấy họ mới lục đục khéo nhau ra về.

Đền công sở, một vài người dừng lại nhìn một vị sư, đang được hai nhân viên công lực to lớn đi kèm hai bên dẫn vào. Con mắt trái nhà sư bấm tím. Dọc theo sống mũi có vết máu chảy, và trên trán, hai bên thái dương của nhà sư cũng nổi đầy những vết xây sát. Nhà tu hành bước chậm chạp đi không vững, chân phải run rẩy hình như chỉ chực khụy xuống. Vai áo cà sa bị toạc một miếng lớn.

Nhà sư được dẫn vào văn phòng chính. Sau khi nghe tiếng cánh cửa gỗ khép lại sau lưng mình nhà sư chấp hai tay lên ngực cúi đầu :

— Mô phật !

Ông trưởng phòng vội vàng đứng dậy, nở một nụ cười hết sức tươi tắn.

— Kính chào thượng tọa.

Và ông kéo một chiếc ghế :

— Xin mời thượng tọa ngồi đây.

Rồi, chợt nhìn thấy những vết thâm tím, những vết thương trên mặt nhà tu hành, ông trưởng phòng mở to mắt kinh ngạc :

— Trời ơi, thượng tọa làm sao thế kia ?

Nhà sư không trả lời cũng không nhìn vào mặt ông trưởng phòng, chỉ lặng lẽ bước đến ngồi xuống ghế, cúi đầu, hai tay chấp trước ngực, con mắt không bị xưng có cái nhìn thật ảo não.

Cửa chính của văn phòng lại chợt bật mở, anh chàng cao lớn, đeo kính đen, đã nhận lệnh đi bắt ba tên mà vị tù nhân giáo sư đã khai là đồng lõa, đã họp hội nghị với giáo sư hơn mười lần để hoạch định chương trình phá hoại, ám sát, xúi dục dân chúng biểu tình v.v..., bước vào. Mặt hắn ta cộm lên những nét nhăn nhó, giận dữ. Ông trưởng phòng hỏi :

— Bắt được ba tên đó chưa ?

— Thừa xấp. Thằng giáo sư khai láo. Nguyễn-thị-Vượng là bà lão già mẹ nó mù từ mười năm nay, Vũ-thị-Đào là vợ nó đang ốm liệt giường liệt chiếu ở nhà thương, có lẽ sắp chết. . .

— Thì bắt tên Trần-Long ?

— Trần-Long là tên thằng con nó

mới đẻ được bảy tháng.

Nói xong, hắn định nhào về phía cánh cửa nhỏ có chữ « cầm vào », hung hăng như một con hổ đi tìm mồi.

Nhưng ông trưởng phòng đã giơ tay ra hiệu ngăn lại :

— Thôi. Để mai làm tiếp. Hết giờ rồi.

Chàng kia hậm hực đi ra. Ông trưởng phòng quay lại nhìn nhà sư. Lúc này nhà sư mới nhìn thẳng vào mặt ông và chậm rãi nói :

— Ông đã biết, tôi vốn có lòng thương chúng sinh và rất đau khổ khi nhìn thấy cảnh thịt rơi máu đổ. Vì thế, tội tôi đứng ra dàn xếp, hy vọng cứu vãn tình thế, và mấy ngày nay theo lệnh chính phủ đã tới chùa tu hành. Vậy mà bọn phật tử vẫn không hiểu lòng từ bi hỉ xả của tội tôi rồi bữa nay một bọn đàn bà đến chùa lễ phật còn hạch sách, kháo kinh, kháo kệ, và mượn cớ tôi không đọc được, chúng lại rút guốc, rút giép ra đuổi đánh tội tôi. Xin ông trưởng phòng cho tăng cường nhân viên để bảo đảm an ninh cho tội tôi thì tội tôi mới làm trọn được nhiệm vụ.

Ông trưởng phòng gật đầu :

— Thì ra bọn dân chúng hành hung thượng-tọa. Mới trông, thấy thượng tọa không bị gãy cổ và chân tay còn đủ cả tôi đã biết ngay là không phải nhân viên của tôi đánh lầm thượng tọa. Xin thượng tọa cứ yên trí, tôi sẽ bá cáo lên cấp trên để ghi công của các thượng tọa và truy nã bọn quá khích tay sai của Cộng-sản...

Ông trưởng phòng vừa nói vừa mân mê sợi dây chuyền vàng trong tay. Nhìn thấy vật quý giá đó, đôi mắt nhà sư bỗng sáng lên. Rồi nhà sư nhòm dây nắm lấy tượng Phật, cũng toàn bằng vàng, đính ở sợi dây chuyền.

Ông trưởng phòng buông sợi dây nắm gọn trong tay nhà sư và kiêu hãnh tâm sự :

— Nặng cỡ ba đồng cân đây chứ có ít của đâu. Tôi chỉ chạm một tí là tui nó đem chôn mất. Thật là một lũ mù. Tôi chỉ thoáng trông vào vết gọn ở thắt lưng xác chết là nhận ra ngay...

— Sao lại xác chết ?

— Thì nó là một học sinh trường K., phạm trọng tội, mới bị bắt mà.

Nhà sư nhìn chăm chăm vào ba chữ ghi tên nhỏ xiêu khắc sau lưng tượng Phật, mặt tái ngắt :

— Nó ... nó chết thực rồi ư ? có phải tên nó là Tảo ; nó có một vết sẹo trên trán và một nốt ruồi lớn cuối đuôi mắt trái không ?

Ông trưởng phòng giương mắt ngạc nhiên, chưa kịp gật đầu thì nhà sư đã bùng mặt khóc rống lên :

— Trời ơi ! Con tôi !

LÊ TẮT ĐIỀU

HÃY TÌM ĐỌC :

LỬA TỪ BI

gồm 15 bài thơ của VŨ-HOÀNG-CHƯƠNG

SÁNG-TÁC TRONG THỜI ĐẠI TRANH
ĐẤU CỦA PHẬT - GIÁO VỪA QUA

LỬA TỪ BI

do Thượng-Tọa THÍCH TRÍ-QUANG đề tài

Giá : 10đ.

VỀ SỐ KỶ NIỆM 7 NĂM CỦA BÁCH KHOA

Năm nay Số Kỷ niệm 7 năm sẽ là số 169 ra ngày 15-1-64 như thường lệ và sau đó là số Tết. Rất mong sẽ được các bạn gửi bài về giúp cho các số báo trên đây được phong phú và đặc sắc như mọi năm. Thời hạn chót nhận bài dành cho các số báo đặc biệt đó, là 15-12-63.

CÁC TRẺ SƠ SINH

VÀ TRẺ EM

NUÔI BẰNG

SỮA BỘT



Guigoz

— Mau mạp

— Ít đau

— Chóng lớn

— Khỏe mạnh

Tổng phát hành : TRUNG VIỆT DƯỢC PHẠM CUỘC

66, GIA-LONG — SAIGON

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chieu Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do Ấn-Chieu năm 1853)

SỐ VỐN : 6.600.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 7.150.000 Anh kim

●
LUÂN - ĐÔN TỔNG - CỤC

38, Bishopsgate, London E C. 2

●
SAIGON CHI - CỤC

CHI - CỤC CHÍNH : 3, Đường Võ-Dĩ-Nguy

CHI CỤC PHỤ : Đại-lộ Thống-Nhất

(Immeuble Esso Standard Eastern Inc.)

●
NAM - VANG CHI - CỤC

10, Phlaur Preah Kossamac

●
CHI-NHÀNH THÀNH-LẬP TẠI CÁC NƯỚC VIÊN-ĐÔNG

●
Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

nguyễn-ngu-í
phụ trách

Bách-Khoa **phỏng vấn giới nhạc sĩ**

XV

★ LÊ - VĂN - HẠO



Sanh năm 1936 tại Đà-Nẵng (Trung-Việt).

— xuất dương du học tại Pháp từ năm 1953,

— cử nhân văn chương, tân sĩ dân tộc học (ethnologie) ; hội viên Société Asiatique de Paris.

— tác phẩm : Feings, Structures et Problèmes d'un Village français (1961) Les Fêtes saisonnières au Việt-Nam (1962).

— Cộng tác với các tạp chí khảo cứu : Đại học (Huế) ; Bulletin de la Société des Etudes Indochinoises (Saigon) ; Revue du Sud-Est Asiatique (Bruxelles) ; Bulletin de l'Ecole française d'Extrême - Orient (Paris) (các vấn đề phong tục và văn hóa dân gian Việt-Nam).

— đang tiếp tục nghiên cứu về : a) ý nghĩa của hội hè đình đám trong tôn giáo dân gian Việt-Nam, b) truyền thống nam nữ đối ca tại Việt-Nam và Đông-Nam-Á.

— Quan niệm tĩnh (*statique*) về âm nhạc sẽ làm cho các nhạc sư thành những nghệ sĩ hay những học giả cô đơn.

— Quan niệm động (*dynamique*) về âm nhạc sẽ làm cho nhà nghệ sĩ muốn sống mãi trong thành công hay trong vinh hiển của đời mình từ thế hệ này qua thế hệ khác. Và muốn đạt đến sứ mệnh đó, đoàn kết, thông cảm và công tác xây dựng là những điều kiện khẩn cấp giữa thầy và trò, giữa thầy với thầy.

I — Bạn chuyên về ngành nhạc nào, xin giải thích cho biết qua về ngành đó?

— Thưa anh, tôi vốn thích Âm nhạc từ lâu, sau đó mới khám phá và mê chuộng Á nhạc và nhất là Việt nhạc. Việt Nhạc cổ truyền gồm có 2 khía cạnh lớn : cổ điển và dân gian, muốn hiểu hình thức và nội dung ca nhạc cổ điển, phải đọc đến tác phẩm lớn của ông Trần-Văn-Khê (xuất bản năm ngoái tại Paris). Người ta đang chờ mong một quyển sách có giá trị tương tự dành cho ca nhạc dân gian là đời tượng khảo tâm của tôi hiện nay.

Ca nhạc dân gian thuộc về loại thanh nhạc (*musique vocale*) chứ không phải loại khí nhạc (*musique instrumentale*). Ít dùng đến nhạc khí và nhạc khí rất đơn sơ (cái trống quân chẳng hạn). Nói ca nhạc dân gian tức là nói dân ca, đại đa số là những bài phong dao, phát sinh, truyền miệng, phổ biến trong dân gian và được hát lên thành câu, thành bài hát. Trên khắp đất nước thân yêu, nhân dân ta thường ca hát : trong nhà, bà, mẹ hát ru em, chị em hát quay tơ, ngoài xã hội có tiếng hò

trong lao động, tiếng hát trong hội hè đượm tình tứ yêu đời của thanh nam thanh nữ : tất cả các làn điệu đó là dân ca, từ hát á đào, hát trống quân, hát quan họ miền Bắc đến hát ví, hát giặm, hò mái nhì, hò mái đẩy miền Trung hay hò Đống-Tháp, lí cây chanh miền Nam, đếm được hàng chục làn điệu lưu truyền ở từng vùng hay phổ biến ở nhiều vùng.

Dân ca là một kho tàng phong phú, một lãnh vực khảo cứu rộng rãi : nơi gặp gỡ của ba hạng học giả : nhà nghiên cứu và phê bình văn học dân gian, nhà dân tộc nhạc học (*ethnomusicologue*), nhà dân tộc học (*ethnologue*). Dân ca vừa là một hiện tượng nghệ thuật, vừa là một hiện tượng xã hội.

a) Về mặt nghệ thuật, dân ca gồm có phần lời và phần nhạc. Phần lời thuộc vào kho tàng văn học dân gian, dựa vào đó nhà khảo cứu và phê bình văn học vẽ lại được đời sống lao động, tâm lý, đạo đức, phong tục tập quán và lịch sử xã hội và nhất là đời sống tình cảm của nông dân. Phần nhạc của dân ca là đời tượng khảo cứu của

dân tộc nhạc học (hát ả đào, hát quan họ có hàng chục lối khác nhau...)

b) Về mặt xã hội, dân ca phục vụ cho lao động (hò hát để quên nhọc mệt, để phân khởi sức sản xuất) và cho lễ lạc bình dân, trong các dịp mùa xuân dân tổ chức đình đám gọi là hội mùa trong đó trò vui được yêu chuộng nhất có lẽ là hát hội; giữa công chúng, trai gái nông dân bày tỏ nỗi lòng qua tiếng hát, để ước hẹn nhân duyên, sửa soạn đắp xây cuộc đời yên ương nồng mặn.

Hơn nữa hội hát là nơi kết tinh một sở thuần phong mỹ tục. Đọc quyển *Việt-Nam ca từ biên khảo* của Đỗ-Bằng-Đoàn và Đỗ-Trọng-Huế, ta thấy nhiều phong tục đẹp đẽ cao thượng tập trung chung quanh nghề hát ả đào; hát Quan họ (Bắc-Ninh) có những tục hát cầu vui tại chùa, tại nhà, hát thờ thần tại đình, hát khao, hát giỗ, hát cưới, hát thi, có tục kết bạn rất tề nhị, ly kỳ. Ví phường vải (Nghệ-Tĩnh) có những dịp hát đầy long trọng và thanh lịch, bắt đầu từ hát dạo, hát chào hát mừng, hát hỏi, hát đồ, hát đòi cho đến hát mời, hát thương, hát cưới, hát nhớ, hát than, hát tiễn (x. bài nói về Hát Ví, hát giặm trong *Đại học* số 34 tháng 8, 1963) v.v. Riêng tôi, không phải là một nhạc sĩ hay một nhạc sư mà chỉ là một người mới bước vào ngành khảo tầm lịch sử văn hóa dân gian, tôi tìm đến dân ca với tư cách một nhà dân tộc học: trong dân ca, nhà dân tộc học lưu ý đến phong tục nhiều hơn đến âm nhạc; ngược lại

nhà dân tộc nhạc học (như Nguyễn-Xuân-Khoát, Trần-Văn-Khê, Nguyễn-Hữu-Ba, Phạm-Duy. . .) chú ý đến phong tục.

2. — *Bạn bước vào ngành nhạc trong trường hợp nào? Xin cho biết về những hoạt động nghiên cứu của bạn về nhạc?*

— Tôi mê chuộng và bắt đầu tìm hiểu ca nhạc V.N. từ ngày được nghe nhạc sĩ Trần-Văn-Khê diễn thuyết và tấu nhạc tại Paris, sau khi được đọc loạt bài của ông đăng trong tạp chí *Bách-Khoa* và luận án của ông (in Ronéo 1958).

Hiện nay tôi tiếp tục khảo cứu để sửa soạn (dài hạn) trình bày luận án tâu sĩ quốc-gia (luận đề phụ là Truyền Thông Nam Nữ đối ca tại Việt-Nam). Mục đích của tôi là am hiểu phong tục tình ái của người dân Việt qua tất cả các thể loại dân ca và hội hát.

Cái khó khăn nhất mà nhà khảo cứu sống nơi quê người vấp phải là không thể điều tra, quan sát tại chỗ để có những tài liệu đầu tay. Nhưng lại hưởng được nhiều thuận tiện khác. Ví dụ tại Paris có nhiều thư viện và nhạc viện, có Centre d'Etude de Musique Orientale, Institut de Musicologie, Séminaire d'Ethnomusicologie của E. P. H. E., có nhiều dịp nghe những nhạc sĩ quốc tế diễn thuyết hay tấu nhạc, có dịp sử dụng một sở tài liệu từ miền Bắc đưa sang v.v... Những kết quả tạm thời của công cuộc khảo tầm được đăng trên tạp chí *Đại học* (Huế) từ tháng 8. 1962 đến nay. Tôi sửa soạn viết một bài

tổng quát về dân ca Việt-Nam, dựa những tiêu chuẩn của dân tộc học.

3. — Theo ý bạn chỉ nên phổ biến nhạc phương Tây hoặc chỉ phục hưng hay cải cách nhạc Việt ?

— Cả hai, vì đảng nào cũng có lợi cho nền văn hóa dân tộc : thu thập, hấp thụ, đồng hóa cái hay to tát của người, để có thể so sánh, hay làm thêm phong phú cái hay cái đẹp sẵn có của mình đó là thái độ phù hợp nhất với cái đà tiến hóa của văn minh nhân loại. Nói như Danilo Dolci : « Toute conquête authentique devient un patrimoine pour tous ». Chỉ biết cái hay của người mà phủ nhận cái hay của mình, hay ngược lại, chỉ là một thái độ văn hóa hẹp hòi, nghèo nàn (1).

4. — Những cách gì tiện lợi và hiệu nghiệm nhất để huấn luyện nhạc sĩ ?

— Tổ chức những cuộc thi hàng năm để khám phá và nâng đỡ người tài, tổ chức một Quốc gia Âm nhạc viện coi mở : mời giáo sư hay nghệ sĩ quốc tế đến dạy, cấp học bổng cho những sinh viên ưu tú được ra ngoại quốc tập luyện.

— Để cho quần chúng hiểu được và ưa được nhạc ?

Mở lớp học nhạc không tiền, hay rẻ tiền vào những giờ thuận tiện để trẻ già thích nhạc có thể theo đuổi ; tổ chức giáo dục âm nhạc cho các bạn trẻ như kiểu Jeunesses Musicales de France (conférences d'initiation, concerts expliqués,..) ; tổ chức những buổi

tấu nhạc tại các công viên công trường, trong ngày nghỉ, ngày lễ như ở các nước Âu Tây thì dần dần quần chúng sẽ ưa và hiểu nhạc được.

5. — a) Phải theo đường lối nào và cần điều kiện gì để phục hưng và cải cách Việt nhạc ?

Phải thiết lập một Trung tâm bảo tồn và nghiên cứu Việt nhạc dưới sự hướng dẫn của một số nhạc sư, nhạc sĩ có tài, có uy tín và có tinh thần hợp tác xây dựng. Việc đầu tiên có lẽ là việc tập hợp các nhạc sư (hiện nay có rất ít) để cùng nhau nhất trí trong phương tiện và mục đích bảo tồn văn hóa cổ truyền. Hình như một số nhạc sư, nhạc sĩ đang sống trên đất Việt không thích, không muốn đoàn kết để làm việc. Sự khác nhau giữa tuổi tác, thế hệ hay giữa lịch trình đào luyện tài năng âm nhạc của họ làm cho họ đánh giá nhau không đúng cách, ngờ vực nhau nếu không là đố kỵ, coi thường nhau.

Có những nhạc sư quan niệm nghệ thuật của mình một cách tĩnh (statique) : mang một cửa quý, một vật sở hữu « trời cho », họ không tận tình, tận lực truyền thụ những « ngón » tài ba nhất cho học trò của họ. Họ là những nghệ

(1) Phổ biến nhạc Tây Phương không phải là để cho jazz, twist, cha-cha-cha, houlahop... truyền bá lan tràn, làm sai lạc khiếu thẩm mỹ và tâm hồn để cảm xúc của các bạn trẻ. Thiết tưởng các nhà trí thức nên lên tiếng chống lại những nhập cảng văn hóa dở hơi hay nguy hiểm của Âu Tây như các loại nhạc « giết gân », các phim cao bồi, giết chóc, đắm lụy.

sĩ hay những học giả cô đơn.

Quan niệm *động* (dynamique) về âm nhạc sẽ làm cho họ có một ý niệm khiêm tốn hơn về sứ mệnh và tài năng của mình ; nhà nghệ sĩ sẽ muốn sống mãi trong sự thành công hay trong vinh hiển của đồ đệ mình tự thế hệ này qua thế hệ khác. Và muốn đạt đến sứ mệnh đó, đoàn kết, thông cảm và cộng tác xây dựng là những điều kiện khẩn cấp, giữa thầy và trò, thầy với thầy.

Muốn phục hưng hay cải cách, trước hết phải thu thập và bảo tồn vốn cũ. Công trình của các nhạc sư Nguyễn-Hữu-Ba, Phạm Duy... rất đáng được chú ý. Bộ Q.G.G.D. phải khuyến khích, nâng đỡ họ, giúp cho họ đầy đủ phương tiện để ký âm, khảo cứu và xuất bản Việt nhạc cổ truyền (1). Đồng thời các nhạc sư phải huấn luyện nhanh chóng một số chuyên viên để sưu tầm nhạc cổ. Kinh nghiệm của các nhạc sư, các nhà dân tộc nhạc học Âu Tây nên được truyền bá rộng rãi (xem : Belà Bartok, *Pourquoi et comment recueillir-on la musique populaire* ; Genève 1948 Claudie Marcel - Dubois, Constantin Brailoiu ; *L'Ethnomusicologie, Etude Externe et Etude Interne* trong *Précis de Musicologie*, Paris 1958 ; Jaap Kunst, *Ethnomusicology* La Haye 1955 ; André Schaeffner, *Origine des Instruments de Musique*, Paris 1936 v.v...

Thu thập, bảo tồn và phát huy những yêu tố hay nhất, là bốn phận đầu tiên của các nhạc sư. Từ đó đi đến phê bình và cải cách là một bước tiến khác trên con đường khai thác vốn cũ. Nhiều bài nhạc dựa theo dân ca của

các nhạc sĩ Phạm Duy, Phạm-Đình-Chương.. là những thành công về mặt này.

b) *Nhạc cổ VN, hiện nay có những ưu điểm, khuyết điểm gì.*

Tôi không dám trả lời câu này ; vì muốn bàn về ưu điểm khuyết điểm của nhạc, phải là một nhạc sư có tài và hiểu biết sâu rộng về ngành của mình. Đứng trên phương diện hạn hữu của một nhà dân tộc học nhìn vào dân ca, tôi khâm phục những thuần phong mỹ tục tiềm tàng trong toàn bộ dân ca Việt Nam và hy vọng các nhạc sư sẽ lần lần đưa ra ánh sáng những cái hay cái đẹp trong nhạc thể, nhạc tính của các làn điệu dân ca, như giáo sư Trần-Văn-Khê đang khảo về hiện tượng *metabole* (chuyển hệ) trong nhạc quan họ Bắc-ninh, như nhạc sĩ Nguyễn-Xuân-Khoát đã bàn đến các ưu điểm của một số loại hò, v.v...

6) — *Tương lai nhạc Việt ?*

— Nó nằm trong tay hay trong tim, trong óc của những người yêu nhạc : nhà khảo cứu, người tấu nhạc hay người nghe. Nhạc Việt cổ truyền nói chung, ca nhạc dân gian nói riêng là một kho tàng đang còn bị vùi lấp, lãng quên dưới lớp bụi thời gian hay lớp tro của những biến cố lớn mà đất nước trải qua từ trăm năm nay. Bốn phận của người yêu nhạc, người biết lưu tâm đến vốn văn hóa cũ là cố gắng, tùy theo phương tiện của mình, sưu

(1) Hiện nay các nhạc sư thao phiên (rất đúng) về sự thiếu thốn phương tiện khảo cứu, hoạt động.

BÁCH KHOA PHÒNG VẦN GIỚI NHẠC SĨ

tầm, học hỏi, trao đổi ý kiến để cùng nhau đề xây dựng lại lâu đài cũ khá mòn mỏi bấy lâu nay. Thiện chí và sức làm việc của chúng ta sẽ tăng thập bội nếu chúng ta biết đoàn kết dưới ánh

sáng của lý tưởng chung : phục vụ cái đẹp, cái thật với khiêm tốn và nhiệt tình, để đem lại niềm vui cho con người.

Lê-Văn-Hảo



★ LÊ-DINH

Tên đầy đủ : Lê-Văn-Dinh

Sanh năm 1934 tại làng Vinh-Hựu, tỉnh Gò-Công (Nam-Việt, nay thuộc tỉnh Định-Tường).

Chuyên về Tân-nhạc.

Bắt đầu học cổ nhạc lúc 12 tuổi, rồi học sang Tân nhạc.

Học hàm thụ với trường Universelle ở Pháp (1953).

Dạy trường tư từ năm 1955-1959, rồi làm ở sở Kỹ-thuật của đài phát thanh Sài-Gòn.

Cùng Minh-Kỳ lập ban « Sông-Mới », năm 1959. Rồi từ năm 1962, cùng Nguyễn-Hiến điều khiển ban « Nguyễn Hiến — Lê-Dinh ».

Bắt đầu sáng tác từ năm 1953.

Đã xuất bản trên 50 bản nhạc :

*Làng anh làng em (1955), Ngày ấy quen nhau (1959), Tâm ảnh ngày xưa (1961), Cánh thiệp hồng (1961), Thương về xứ Thượng (1962), Tiếng hát Mừng - Luông (1962, hợp soạn với Minh-Kỳ), Lê bóng (1963), Đôi bóng (1962), Giấc ngủ cô đơn (1963; ba bản sau này, hợp soạn với Anh-Bằng), Cho trọn niềm thương (1963)**

Tôi mong giới Tân nhạc sẽ họp thành đoàn thể, trước là để anh em trong giới dễ bề trao kinh nghiệm, học hỏi lẫn nhau, sau là để giúp nhau phổ biến sáng tác một cách đặc lực, và do đó, làm cho ngành nhạc mình phụng sự tiến hơn lên. Việc giúp nhau đây là lập một hội, có ủy ban lo việc chọn lựa nhạc phẩm anh em gởi tới để lần lượt xuất bản. Giá trị bản nhạc được đảm bảo phần nào, mà lại giúp thiết thực các bạn nghèo phương tiện — nhất là các mầm non — có cơ hội ra mắt anh em trong làng và công chúng hiếu nhạc.

Bạn trẻ nào hăm mộ người nhạc sĩ sắp đến tuổi tam thập này mà định tìm đến nhà đề xin... chữ kí, thì hãy coi chừng kéo bị sồ nhà gặt mà lâm vào cảnh đi không lại phải trở về không, thêm khá nhiều bức tức, như người phụ trách cuộc phỏng vấn này.

Bực, mệt mới tìm ra được nhà anh, nhưng khi gặp chủ nhà, thì mệt, bực kia biến mất: dáng dấp thư sinh, nụ cười hiền lành, cách tiếp đón ân cần, cử chỉ và lời lẽ nho nhã của anh khiến khách như gặp được làn gió mát lúc trưa hè.

Được biết anh là nhân viên của đài phát thanh Sài - Gòn, nên sau hộp nước trà, tôi hỏi:

— Anh có thể cho biết hiện đài có mấy ban nhạc?

— Hiện có mười hai ban Cổ nhạc và ba mươi hai ban Tân nhạc kịch.

Anh nhìn tôi, rồi cười, rất nhẹ nhàng:

— Anh định phỏng vấn con người phụng sự nghệ thuật hay là con người giúp việc cho đài vô tuyến truyền thanh?

— Cả hai, anh à. Chẳng giàu gì anh, anh Vũ - Thành, chủ sự phòng Văn nghệ của đài, lúc đầu nhận trả lời cuộc phỏng vấn, tôi mong anh sẽ giải đáp một vài thắc mắc do đôi bạn nhạc sĩ đã hưởng ứng cuộc phỏng vấn nêu ra, nào ngờ vào giờ chót, anh lại chối từ vì ngại có sự hiểu lầm và vì « tôi không dám nhận mình là nhạc sĩ ». Thành nay phải hỏi anh vậy.

— Xin anh cho tôi biết các thắc mắc của các bạn kia. Nếu tôi có thể giải đáp được, thì tôi rất sẵn lòng. Vì đó cũng là một bổn phận đối với cơ quan tôi giúp việc.

— Có bạn trong ngành Cổ nhạc nhận xét: một số các trường ban nhạc thường theo lối cũ và ít chịu tìm những tài năng mới để bổ sung lực lượng

Anh nghĩ ngợi một lúc:

— Chỉ trích này có phần đúng. Nhưng anh hiểu cho cái vai trò khó khăn của các trường ban. Đài vô tuyến truyền thanh là tiếng nói của nước nhà. Nên cần rất thận trọng. Đài không phải là miếng đất để ta thí nghiệm. Cho nên những người có trách nhiệm, phần nhiều cũng ngại rời những con đường quen thuộc. Còn về điểm thứ nhì, thì tuy thấy rõ đôi cộng tác viên của mình trước đờn, ca mười mà nay có sút đi, còn sáu, bảy chẳng hạn, nhưng vì cùng nhau « ăn chịu » từ thuở ban đầu, người trưởng ban không nỡ làm buồn, làm khổ các « bạn già » của mình. Xin anh hiểu cho rằng những bạn này không còn phong độ cũ, nhưng chẳng phải tệ, tồi đâu.

— Vậy thì các trường ban đó vốn nặng tình cảm với người đồng đội, chớ không phải có ý ém những tài năng mới?

Anh xác nhận bằng một cái gật đầu.

— Vài anh trong giới Tân nhạc phản nản đài nay cho mỗi bản nhạc

chỉ được trình bày một tuần một lần. Các anh ấy cho như thế là quá ít và thiệt thòi cho anh em. Nếu được trình bày một tuần hai lần, thì vừa. Chính thính giả cũng cho biện pháp này gắt gao đây, và chẳng những riêng gì nhạc sĩ, thính giả cũng thấy mình thiệt thòi: hết sức thích một bài hát nào đó, mà cả tuần, may thì mới nghe được một lần thôi.

« Là nhạc sĩ, anh có phản nản quyết định này của đài chăng ? Là nhân viên của đài, anh có lí gì biện hộ cho cơ quan anh không ? »

Mắt anh long lanh :

— Anh muốn đón tôi vào ngõ bí sao ? Nhưng cứ sự thật mà trình bày thì thế nào cũng có lỗi ra.

« Người nghệ sĩ trong tôi không tán thành sự hạn chế có phần gắt gao ấy, và cũng như tất cả anh em nhạc sĩ khác, tôi mong có sự dung hòa giữa cái phóng túng khi xưa và cái gắt gao bây giờ, nghĩa là một bản nhạc được phép trình bày hai lần trong tuần trên làn sóng điện.

« Người nhân viên của đài trong tôi hiểu vì sao biện pháp gắt gao này được áp dụng trong mấy tháng nay, nên không thắc mắc lắm như anh em nhạc sĩ không làm việc ở đài. Tôi xin kể lại anh nghe. Sờ là một sáng chủ nhật nọ, một thí sinh của cuộc tuyển lựa ca sĩ ở rạp Quốc-Thanh hát bài *Ngày trở về* của Phạm-Duy, một bài hát cũ. Trưa lại, một em trong ban Việt-Nhi lại trình bày bản này. Chiều, trong chương trình nhạc thính giả yêu

cầu, người phụ trách cho chạy đĩa hát *Ngày trở về*, do Thái-Thanh hát. Tối lại, trong mục Thơ Nhạc giao duyên, ban Li-Tao trình bày bản nhạc này cùng với một bài thơ, cũng do Thái-Thanh hát. Thành ra tình cờ mà một bài hát được trình bày trên làn sóng điện đèn bốn lần, một kỉ lục chưa từng thấy. Và tình cờ ông chánh sự vụ sở Chương trình nghe đủ bốn lần bài hát ấy trong ngày. Sáng hôm sau, ông này cho ông chủ sự phòng Văn-nghệ hay điều đó. Và từ đó, để tránh một sự tình cờ thứ hai như thế xảy ra có thể gây sự hiểu lầm không hay cho đài, phòng Văn nghệ mới có quyết định có phần gắt gao mà anh em nhạc sĩ ai ai cũng mong sớm được sửa đổi. »

Thầy tôi ngồi có vẻ nghĩ ngợi, anh cười :

— Bộ anh muốn tìm một câu hỏi thật khó để tôi chỉ biết cười trừ với anh sao đó ?

Tôi cười lại.

— Đâu có, anh. Người nào đi phòng văn lại mong người mình hỏi làm thính ? Chẳng qua là tôi cố nhớ lại một điều thắc mắc thứ ba của anh em nhạc sĩ đối với đài.

— Thôi, anh chẳng cần làm tội làm tình trí nhớ. Tôi biết rồi.

« Có phải một số anh em than phiền mình bị « ém » không ?

— Phải rồi. Mà đó là các bạn nhạc sĩ trẻ, những « mầm non » của Tân-nhạc. Anh em ấy bảo các nhạc sĩ cộng

tác với đài thời được nâng đỡ đủ điều, còn các nhạc sĩ « không chừa không cắng » thì bị « ra rìa », nhất là các nhạc sĩ trẻ.

Anh trả lời :

— Trách đài thiên vị, thì không đúng. Vì việc chọn bài hát để trình bày là do các trưởng ban. Và các trưởng ban được toàn quyền trong việc này. Sự thật đủ trả lời các bạn ấy : những anh Lam-Phương, Hoàng-Nguyên, Trúc-Phương, Song-Ngọc v.v chẳng hạn, là những nhạc sĩ chẳng có chút gì dính líu tới đài, mà nhạc phẩm các anh ấy vẫn thường được giới thiệu. Bởi lẽ phần lớn bản nhạc các anh ấy hay.

« Các bạn trẻ vội trách đài bắt công hay các trưởng ban cô ém mình quên xem lại tác phẩm mình có giá trị hay không trước đã. Tôi được biết trong nhóm anh em nhạc sĩ trên dưới hai mươi, ngoài một số ít có chân tài, chịu khó học hỏi, còn đa số thiếu học, thiếu tài, háo danh, tự phụ . . . Họ bỏ tiền ra in bài hát để lòe bạn bè, họ muốn bản nhạc họ được bay đi khắp nơi theo làn sóng điện để « lây le » với bố, chứ họ chẳng nghĩ đến việc phụng sự nghệ thuật. Bị vài trưởng ban từ chối trình bày tác phẩm non nớt của họ, họ cứ nghĩ xấu rằng các bậc đàn anh ấy muốn ém tài họ.

— Nhưng họ có thể xuất bản được chứ ?

— Ai cấm họ điều đó. Lắm người không tài, mà có tiền thì xuất vài

ngàn bạc để in nhạc mình, đâu phải là điều lập biên đời non !

— Nhưng có nhà xuất bản nào. . .

— Sao lại không, anh. Như anh thấy đó, dạo này, các nhà xuất bản tung ra thị trường những bài hát in ộp sết, với những người đẹp đủ kiểu, đủ màu. Họ chỉ cần bán bìa, lo cho cái bìa sao cho hấp dẫn, còn họ chẳng màng đến giá trị bản nhạc, mua càng rẻ càng hay. Thì các nhạc sĩ trẻ « nhảy dù » này mới nhân cơ hội này mà bán rẻ những đứa con tinh thần eo uột của họ.

Và anh lấy ở trong cặp ra một bài hát mới phát hành.

— Đây là một trong những bằng chứng. Nếu có những bài thơ bắt thành cú, thì đây là một bài nhạc bắt thành âm !

— Nghĩa là bản nhạc này sai luật nhạc ?

Anh gật đầu.

— Sai những luật sơ đẳng về nhạc. Người trong nghề nhìn qua là thấy.

— Nhưng mà thơ, có thơ tự do bắt chấp luật, vẫn. Thì nhạc, sao lại chẳng có thứ nhạc tự do, bắt chấp cả những luật sơ đẳng về hòa âm, về bố cục...

Anh lắc đầu, cười :

— Về nhạc, thì không thể cho phép những cái tự do ấy. À, nhân tiện nói đến các bản nhạc in ra để « bán cái bìa », tôi xin kể lại anh một điều mắt thấy tai nghe. Mới đây, tôi và một

bạn đứng chân tại một quán bán nhạc ở một góc đường Lê-Lợi. Một anh quân nhân mua một bài hát bìa in ộp sết. Bạn anh cũng quân nhân — thầy thề, cản : « Mi mua chi bản này, mi có biết hát nó đâu ! » Tức thì được trả lời : « Cấn gì nhạc ở trong, cái hình em này xem rất mê li, tao mua về treo ở đầu giường để ngắm cho thỏa mắt ». Tôi cười bảo bạn « Minh mà như nhà xuất bản này thì chẳng cần in nhạc chi cho tốn công tốn của, chỉ in một cái khóa Sol to tướng là đủ. Cái bìa đủ... « ăn khách » rồi. »

— Theo anh Minh-Kỳ, thì cuộc tấn công bằng bìa gái đẹp của các nhà xuất bản nhạc đã có kết quả, và gây ảnh hưởng không hay cho các anh em nhạc sĩ tự xuất bản nhạc mình, vì thầy bị thiệt thòi nhiều nếu giao cho nhà xuất bản. Trong số ấy, tôi được biết có anh. Vậy anh có nghĩ cách gì đòi phở lại ?

Một ít buồn thoáng qua gương mặt anh.

— Không mà có.

Tôi nhìn anh.

— Các bạn cùng cảnh như tôi cũng thề. Không, là chẳng làm như các nhà xuất bản ấy. Có là cớ sao cho bài nhạc mình càng có giá trị. Nghĩa là chúng tôi không lấy hình thức mà « áp đảo » nội dung. Mà rán sao cho nội dung càng có giá trị để người chơi nhạc chân chính càng được hài lòng và làm tăng thêm số người thích nhạc. Và lại, chúng tôi tin rằng phong trào mua bài hát chỉ vì hình bìa

có gái đẹp, nó sẽ sớm nở tối tàn. Người ta rồi sẽ mua bài hát vì giá trị bản nhạc chứ chẳng phải vì cái bìa « hấp dẫn ».

— À hồi nãy, anh có nói qua về quyền lợi các anh bị thiệt thòi khi giao cho nhà xuất bản. Vậy sao hầu hết các anh lại bán đứt bản quyền, mà không bán năm một ?

— Chúng tôi cũng đã nghĩ điều đó. Theo giao kèo kí kết giữa nhà xuất bản và mình, thì mua bản quyền một năm, họ có quyền in nhiều nhất là bốn ngàn bản. Nhưng chẳng anh em nào kiểm soát coi họ có tôn trọng giao kèo không, vì trên thực tế mình chẳng thể kiểm soát được. Nếu họ muốn « qua mặt » mình, thì mình đành chịu. Thôi thì bán đứt một lần cho nó khoẻ !

— Như anh và vài bạn đủ sức tự in nhạc phẩm mình để phổ biến, thì khỏi bị thiệt thòi. Anh có ý kiến gì giúp các bạn không đủ sức đảm đương việc cấn ấy ?

— Tôi mong giới Tân nhạc sẽ hợp thành đoàn thể. trước là để anh em trong giới dễ bề đòi trao kinh nghiệm, học hỏi lẫn nhau, sau là để giúp nhau phổ biến sáng tác một cách đắc lực và do đó, làm cho ngành nhạc mình phụng sự tiến hơn lên. Việc giúp nhau đây là lập một hội, có ủy ban lo việc chọn lựa nhạc phẩm anh em gởi tới để lần lượt xuất bản. Giá trị bản nhạc được đảm bảo phần nào, mà lại giúp thiệt thực các bạn nghèo phương tiện — nhất là các mầm non — có cơ hội ra mắt anh em trong làng và công chúng

hiệu nhạc. Hội sẽ mua tác quyền với giá do ủy ban định, không để cho tác giả thiệt thòi. Ngoài việc xuất bản nhạc cho anh em, hội còn có thể giúp nhiều trong việc phổ biến các bản nhạc có chân giá trị. Đài phát thanh, các hãng đĩa, các đại nhạc hội, là những nơi mà tiếng nói của hội sẽ được nể vì hơn là tiếng nói của tư nhân.

Anh ngưng nói, hớp miếng nước ngọt, rồi cười như chữa mình đã nói khá nhiều và quá hăng. Đoạn anh nói tiếp :

— Nguyên vọng trên đây chẳng phải là riêng của ai, mà là chung cho cả anh em trong giới. Tiếc rằng ai cũng mong nó được thực hiện, mà chưa ai chịu đứng lên kêu gọi, cứ mãi mong chờ. Mà chúng tôi nào có ít cho cam. Nhưng sao sự đoàn kết khó thực hiện quá !

— Còn có một nguyện vọng này của đa số anh em, chắc anh cũng chưa xé, đó là mong nha Thông-tin sẽ đề dãi trong việc kiểm duyệt lời các bài hát.

Anh gật đầu.

— Nói thì có hơi quá, chớ sánh với các bộ môn văn nghệ khác, ngành Tân nhạc có cảm tưởng mình như là một đứa con nuôi. Chúng tôi chẳng phải không hiểu giai đoạn đặc biệt mà nước nhà phải trải qua, nhưng trong khi bên Cổ nhạc, các bản Vọng cổ lời lẽ yếu mềm, ủy mị, rên than được in, được bán khắp nơi, được trình bày qua làn sóng điện, thì phần Tân nhạc chúng tôi, có lời nào có vẻ tình

tứ hay nói lên một nỗi buồn có phần sâu đậm, thì bị kiểm duyệt ngay. Khiến cho nhạc sĩ lần lần mất bản sắc của mình. Bài hát kiểm duyệt rồi sửa đổi lại, thì bản nào cũng na ná như bản nào, như « đúc một lò mà ra ». Có báo đã thấy tình trạng không hay này và lên tiếng báo nguy đề Tân nhạc tránh việc cùng đi một chiều.

— Nếu anh không ngại, anh cho một ví dụ sống.

Một nụ cười nở trên môi anh :

— Có gì mà ngại anh. Vì đó là sự thật mà anh em trong giới thường đem ra bàn tán. Ví dụ như sáng tác theo đường lối « chiều hồi ». Mà thực hiện đường lối này đâu phải chỉ có một cách. Người kiểm-duyệt bảo phải xác định vị trí, đề-nghị tác giả sửa hai chữ nào đó lại là *phương Nam*. Một nhạc sĩ khác phải nói rõ trong bài là *miền Nam*. Lộ liễu quá. Mà tuyên truyền quá rõ dễ bị người nghe ít ư, thành ra ảnh hưởng không bao nhiêu. Kết quả không như nha Thông tin muốn. Và nhạc sĩ mất cái hứng sáng tác khá nhiều.

— Tôi cũng thấy đời với Tân nhạc, bà kiểm duyệt tỏ ra gắt gao.

« Tôi có một anh bạn có tài hát bị bôi hai chữ *ngheñ ngào*, mà chính trong bản nhạc, anh ấy muốn nói đến một cảnh bi thương, khiến người trong cuộc phải *ngheñ ngào*. »

— Lạ một điều là trong khi nha Thông tin có ý lo những lời hát đau buồn, than thở ảnh hưởng đến người nghe, làm mất tinh thần chiến đấu của

nhân dân, thì đĩa hát ngoại quốc có những lời ướt át, du dương không thể tả lại được tự do bán ở thị trường, hát ở đài, ở trà thất, và in lại trên báo. Tôi biết một bài mang cái tên « Hồn em đi ! »

Tôi nói :

— Chắc là chánh quyền nghĩ rằng hát tiếng ngoại quốc thì có mấy ai hiểu mà ngại ! Chớ còn cầm, thì e bị hiểu lầm là có tinh thần bài ngoại !

Chúng tôi cùng cười.

Rồi tôi hỏi anh :

— Như vậy thì tương lai ngành Tân nhạc có phần kém sáng sủa ?

— Một phần nào thôi, anh à. Nhìn lại, thì tôi thấy tương lai có vài hứa hẹn. Cứ vài ba năm, thì kĩ thuật anh em lại khác, khác trong chỗ hay hơn. Và chính tôi cũng thấy kĩ thuật của mình cũng có khá hơn xưa.

— Chắc là nhờ nghề dạy nghề ?

— Đúng vậy. Mà cũng nhờ nghe nhạc ngoại quốc, mình so sánh, tìm kiếm thêm, rồi áp dụng... Một bằng có là xem các bản nhạc thời trang nổi tiếng ở Âu Mỹ được các báo điện ảnh của ta in lại, thì nhạc sĩ ta ngày nay về mặt kĩ thuật, không thua gì họ.

Đĩa đệm phụng rơng với lần với câu chuyện.

— Bây giờ tôi hỏi riêng về anh đây. Bạn trẻ thích nhạc anh, anh có tò mò tìm hiểu vì sao không ?

— Sao lại không, anh. Và chính nhờ

thế mà giờ tôi mới trả lời ngay cho anh được. Trường hợp của tôi giống trường hợp một số bạn sáng tác nhạc trên dưới ba mươi Ba mươi tuổi, ở giữa đường đời, mà may thay, chúng tôi còn giữ được tâm hồn của lứa tuổi hai mươi. Gần họ, tâm sự với họ, hiểu họ, thì dễ cảm thông. Kĩ thuật sáng tác của chúng tôi không điêu luyện, cầu kì như các bậc đàn anh nổi tiếng, mà giản dị hơn, âm điệu lại đổi đảo, khiến nhạc phẩm dễ đồn, dễ hát, dễ nhớ. Nhưng phần lời ca quyết định sự thành công đối với bạn trẻ hơn là nhạc. Lời của chúng tôi thường sát với tâm tình họ, bóng bẩy hơn lời ca thời trước vì lẽ tôi đã nói với anh ở trên. Thế hệ trẻ hôm nay thích cái gì buồn buồn, dang dở..

— Thế còn nhạc hùng ?

— Họ là thanh niên mà không thích nhạc hùng. Những bài nhạc mạnh có tiếng trước đây như « Quyết tiến » của Võ-Đức-Thu « Khoẻ vì nước » của Hùng-Lân, nay có xuất bản lại, cũng chẳng bán được.

— Thế anh có sáng tác những hành khúc không ?

— Có, mà nhiều, anh à. Nhưng chỉ để hát trên đài, chớ không xuất bản.

Một hồi, anh nói tiếp :

— Thị hiếu bạn trẻ bây giờ thay đổi không chừng và rất mau. Họ hết sức thích một loại nhạc, một bản hát nào đó, ba tháng sau, họ bỏ nó qua bên, chạy theo một loại nhạc, một bài hát mới khác..

— Thề anh có... đề ý đèn thì
hiếu của bạn trẻ trong khi sáng tác ?

Anh lắc đầu :

— Tôi chỉ sáng tác theo đà cảm
hứng của riêng tôi. Vì tôi không sống
hần vì Nhạc ; không ai bắt buộc —
cả cái dạ dày — tôi phải sáng tác,
nếu tôi không muốn. Vô tình điệu
nhạc lời ca hợp với bạn trẻ và được
các bạn ấy hoan nghinh đó thôi.

— Hẳn anh bước vào ngành Nhạc
hồi còn trẻ ?

— Lúc tôi được mười một tuổi.
Nhờ ông già tôi khá sành cổ nhạc.
Người chỉ dạy cho tôi trong bước
đầu, và thấy tôi có chút khiếu riêng,
người mướn hẳn một ông thầy đàn
để dạy tôi về Cổ nhạc. Thời thóc cao
gạo kém, mà người dám bỏ ra ba
chục bạc mỗi tháng để tôi học đàn,
thì anh cũng rõ thân phụ tôi muốn
tôi trở thành một nhạc sĩ như thế
nào.

— Có điều bác muốn anh phụng sự
Cổ nhạc, mà nay anh lại « bắt bớ »
Tân nhạc ! Tại sao có sự ngược đời
này, anh ?

— Do một bản Tân nhạc, thâu
vào đĩa. Bản « Nhớ mẹ », mà tôi tiếc
vì lâu ngày, tôi quên tên tác giả.
Anh cũng biết dạo ấy, đĩa thâu toàn
bài bản Cổ nhạc, nhất là Vọng cổ.
Nhớ mẹ là bản Tân nhạc đầu tiên
(nếu tôi nhớ không lầm) được thâu
vào đĩa, thứ đĩa bự, bảy mươi tám
vòng và chạy rất mau, anh còn nhớ
chớ. Tôi phải rời làng lên tỉnh học,

nhớ quê, nhớ mẹ vô ngần. Rồi một
đêm nọ, nghe bản ấy. Tôi bị chinh
phục ngay. Tôi lấy đèn ghi ta Vọng
cổ, đàn theo, rồi từ đây...

Anh im lặng một hồi, rồi như quên
tôi, anh khe khẽ hát :

... *Chiều vàng trông ra khơi mờ
chân mây.*



Trên đây, tôi ghi lại cuộc gặp gỡ
nơi nhà anh, chiều ngày thứ hai 28
tháng 10. Một tuần sau ngày lịch sử
mùng 1 tháng 11, tôi tìm gặp anh để
hỏi nay anh có điều gì cần nói thêm.

— Tôi thấy không khí chung dễ
thờ, nên hưởng cái đã, chưa định làm
tội tình nàg Nhạc của mình. Nhưng
thầy nha Thông tin có phần dễ dãi.
Cũng là những người ấy, nhưng xem
chứng tình thần có khác. Một bạn tôi
vừa cho hay trước ngày mùng 1, anh
đưa kiểm duyệt một bản nhạc, mà
mười phần chắc là bị kiểm duyệt hết
mười. Và đó là một bản nhạc kể lể
tâm tình dang dở của riêng cá nhân
anh, chẳng chút chi xây dựng mà ướn
át khá nhiều. Anh đưa xin phép xuất
bản để cho tròn với mình, với người
kia. Ấy đó mà được phép phổ biến,
đóng dấu ngày 7, chẳng bỏ một lời
nào.

Rồi anh quay lại hỏi tôi :

— Như thề, thì trước ngày mùng 1
tháng 11, tôi thấy tương lai sáng sủa
một phần, thì nay tôi thấy nó sáng
sủa vài phần, có được không, anh ?

NGUYỄN NGU Í thuật

Bách Khoa đã nhận được :

Mùa đông (Chu - Vương - Miện)
 Thơ Kiều Thệ Thủy — Nỗi buồn
 ngày tháng cũ (Trang Cung Dạ)
 Nước Mắt về đêm (Yên-Thị) Chuyển
 tàu Thống-Nhất (Đỗ - Bình - Minh).
 Bàn tay xây dựng (Nguyễn - Văn ..
 Mười) Thực tế là bất thực tế
 (Trần - Văn - Phạm) Bài mùa Thu...
 (Mây hải đảo) Hi vọng của Anh II
 (Song Phương) Mùa hè xa cách
 (Đặng Hồ) Năm mộng... (Linh
 Thủy) Thủy Mạc (Quang Hoài)
 Hoài niệm... (Trang-Nhật.Thuyền)
 Tâm sự người lính chiến... (Võ

Què) Hạnh Ngộ (Hoa Phượng)
 Giày ngược gót (Lizyatt) Bông
 hạnh phúc (Phạm Đỗ) Bài quê
 hương (Mạc-Mai-Nhân) Mùa thu
 cô đơn (My Lăng) Bước chân
 phiêu bạt (Dư Tử Lê) Nếu ta còn
 vẹn tình thương (Nguyễn) Đường
 hạnh phúc (Mạc Quan Huyền) Bỏ
 quên thân thể v. v... (Lê Vinh).

Xin trân trọng cảm ơn các bạn
 tất cả những bài trên đây nếu bài
 nào qua bốn kỳ Bách-Khoa mà vẫn
 chưa đăng, **trừ thơ** và trường
 hợp đặc biệt có thư riêng, thì xin
 các bạn coi như là không đăng
 mà thông cảm cho. Đa tạ.

Đã xuất bản :

TRIẾT-HỌC ZEN

(Tập I)



Do Đ.Đ. Thiên-Ân ĐOÀN-VĂN-AN, Giảng-sư Đại-học Văn-Khoa
 Sài gòn biên-soạn và Đồng-Phương xuất bản.



Sách dày 230 trang — Giá 38\$

Phát hành tại :

- Tòa-soạn Bách-Khoa
- Chùa Xá-Lợi, Ấn-Quang (Sài-gòn)
- Chùa Từ-Dâm, Nhà sách Liễu-Quán (Huế)

Sách Báo Mới

Bách-Khoa đã nhận được :

— **Người tù**, tập truyện của Võ-Phiến, do Thời Mới xuất bản và tác giả gửi tặng, in lần thứ hai. Sách dày 112 trang, gồm 3 truyện đặc sắc : Người tù, Chuyện buồn ngày Tết, Dung ; Bản đặc biệt không đề giá.

— **Lược khảo văn học**, của Nguyễn-Văn-Trung, Nam-Sơn xuất bản, do tác giả gửi tặng. Sách dày 256 trang, gồm 6 chương : văn chương và văn học ? Viết là gì ? Viết cái gì ? Tại sao viết ? Viết thế

nào ? Viết cho ai ? giá 60đ.

— **Triết học Zen**, (Tu - Thuyền Tập I) Của Đ. Đ. Thiên-ân Đoàn-Văn-An, Đông-Phương xuất bản, do tác giả gửi tặng. Sách dày 220 trang trình bày tư tưởng Phật-Giáo Nhật-Bản và các nước Á Châu, Bản đặc biệt, không đề giá.

— **Ngày mai đã muộn rồi**, Tiểu thuyết phóng tác theo « *Demain il sera trop tard* » của Giang Tân do **Phù sa** xuất bản và gửi tặng. Sách dày 232 trang, giá bán 45đ.

NHÀ VẼ



(do TAM-XUYỀN chủ trương)

Vẽ và làm bảng Offset các loại tranh Nhi đồng

HỘI-HỌA — ĐIỀU KHẮC — TRANG TRÍ

QUẢNG CÁO — TRÌNH BÀY SÁCH BÁO

176, LÊ VĂN DUYỆT

SAIGON

Nhà xuất bản SÁNG TẠO

SẼ PHÁT HÀNH VÀO TRUNG TUẦN THÁNG TỚI

TRÁI CÂY ĐAU KHỔ

của DOÃN QUỐC SỸ

hơn 50 năm tại Việt - Nam

